



FIGURES & EVENTS REVIEW  
OF THE GSO (MPI)

# TẠP CHÍ **Con số SỰ KIỆN**

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 63 - Số 671 / Kỳ I - 6/2024



**CƠ HỘI LỚN ĐỂ DOANH NHÂN VIỆT NAM  
THỰC HIỆN SỨ MỆNH TRONG THỜI KỲ MỚI**



**PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ CHỈ TIÊU  
TỶ SUẤT LỢI NHUẬN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP  
VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2015-2022**



**KHUNG THỐNG KÊ  
KHÔNG GIAN ĐỊA LÝ TOÀN CẦU  
VÀ KHẢ NĂNG ÁP DỤNG TẠI VIỆT NAM**



**XU HƯỚNG  
GIÀ TĂNG THẤT NGHIỆP TOÀN CẦU  
VÀ BẤT BÌNH ĐẲNG XÃ HỘI NĂM 2024**

# **BỆNH VIỆN SẢN - NHI TỈNH YÊN BÁI:** **PHẦN ĐẦU TRỞ THÀNH BỆNH VIỆN CHUYÊN KHOA HÀNG ĐẦU CỦA TỈNH**

Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Yên Bái là bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh hạng II, quy mô 334 giường thực kê so với 180 giường bệnh được giao theo kế hoạch. Những năm gần đây, Bệnh viện luôn đối mặt với nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực. Song, với sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp toàn diện của Bộ Y tế, Tỉnh ủy, HĐND, UBND và các Sở, ban ngành trong Tỉnh, đặc biệt là Sở Y tế Yên Bái cùng với sự đoàn kết nỗ lực, trách nhiệm trong công việc của tập thể cán bộ, viên chức trong đơn vị, Bệnh viện Sản - Nhi Yên Bái đã hoàn thành tốt nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân trên địa bàn.



*Tập thể cán bộ, y bác sĩ Bệnh viện Sản - Nhi Yên Bái tặng hoa chúc mừng bệnh nhân*

**B**ác sĩ CKII Trần Văn Quang - Giám đốc Bệnh viện Sản - Nhi Yên Bái cho biết: Năm 2023, Ban lãnh đạo Bệnh viện đã triển khai tích cực nhiều giải pháp kịp thời, bao quát trong mọi lĩnh vực để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, đáp ứng nhu cầu khám, điều trị của Nhân dân. Theo đó: Kiện toàn mạng lưới quản lý chất lượng và triển khai dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại bệnh viện theo hướng dẫn của Bộ Y tế; Xây dựng quy trình khám bệnh, giảm bớt sự chờ đợi của người bệnh; Tổ chức tiếp đón và thăm khám tốt ngay từ khoa khám bệnh bằng việc bố trí 9 bàn khám, quầy thu viện phí, quầy cấp thuốc kê đơn cho bệnh nhân BHYT, bố trí thêm các bàn chỉ dẫn, phòng đón tiếp có ti vi, ghế ngồi, quạt điện, nước uống phục vụ người bệnh; Thực hiện rà soát cơ sở vật chất, hạ tầng, trang thiết bị chuẩn theo lộ trình; Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám, chữa bệnh và bệnh án điện tử; Tăng cường kiểm tra, đánh giá chất lượng theo Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện của Bộ Y tế.

Kết quả, năm 2023, Bệnh viện đã đạt loại khá (theo tiêu chuẩn chất lượng bệnh viện của Bộ Y tế) với số điểm trung bình là 3,48 (tăng 0,06 điểm so với 2022). Tổng số lần khám bệnh đạt 22.149 lượt; Tiêm phòng

Viêm gan B cho trẻ sơ sinh trong 24h là 2.138 trẻ, đạt 93,9%; 100% trẻ mới sinh được tiêm vitamin K1 và tiêm phòng Lao, đạt 80%. Triển khai 19 kỹ thuật mới (theo Đề án nâng cao năng lực khám chữa bệnh và tự chủ tài chính), vượt 17 chỉ tiêu được giao. Trong đó, đã điều trị thành công nhiều ca bệnh nặng, hiếm nghèo và thực hiện được nhiều thủ thuật cấp cứu đem lại sự sống cho người bệnh. Bên cạnh đó, bệnh viện triển khai nhiều kỹ thuật hiện đại như: Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn; Điều trị nội khoa thai ngoài tử cung bằng MTX; Phẫu thuật sa sinh dục (crossen); Đặt Catheter tĩnh mạch rốn; Thở máy xâm nhập... Bệnh viện cũng thực hiện được 41,9% danh mục kỹ thuật theo phân tuyến, triển khai được 18 kỹ thuật lâm sàng và cận lâm sàng mới cùng tuyến và 02 kỹ thuật lâm sàng mới vượt tuyến. Đặc biệt trong năm 2023, Bệnh viện đã cử 122 lượt cán bộ đi đào tạo ngắn hạn, chuyển giao kỹ thuật tại các bệnh viện lớn ở Trung ương và Bệnh viện Đa khoa tỉnh về các lĩnh vực chuyên môn.

Bên cạnh những kết quả đạt được, khó khăn lớn nhất hiện nay của Bệnh viện là thiếu nguồn nhân lực. Hiện nguồn nhân lực mới đạt khoảng 60% theo quy định

của Bộ Y tế. Mặt khác, cơ sở vật chất do tiếp nhận bàn giao từ Bệnh viện Đa khoa tỉnh cũ hiện đã xuống cấp. Còn thiếu một số trang thiết bị mang tính đặc thù của một bệnh viện chuyên khoa như: Hỗ trợ sinh sản, phẫu thuật nội soi, đơn nguyên chăm sóc sơ sinh, chẩn đoán, sàng lọc, điều trị ung thư...

Để khắc phục những hạn chế nêu trên, Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Yên Bái rất mong UBND tỉnh và Sở Y tế tạo điều kiện cho đơn vị được quyền tự chủ nguồn nhân lực để bổ sung đủ nhân lực cho các khoa/phòng của bệnh viện, đặc biệt cán bộ điều dưỡng. Đồng thời, tiếp tục quan tâm tạo điều kiện triển khai đầu tư xây dựng Trung tâm Sàng lọc trước sinh và thụ tinh ống nghiệm IVF; Hỗ trợ về kinh phí sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất đã xuống cấp và bổ sung trang thiết bị y tế hiện đại... nhằm đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ngày càng cao của Nhân dân.

Về định hướng phát triển, trong thời gian tới, Bệnh viện đặt ra mục tiêu phấn đấu trở thành bệnh viện chuyên khoa hàng đầu của Tỉnh về lĩnh vực Sản - Nhi, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật vững vàng, trang thiết bị hiện đại, đồng bộ đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh ngày càng cao trong lĩnh vực sản - nhi. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị y tế chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn, kỹ thuật, chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu và chương trình hoạt động chuyên khoa phụ sản, nhi tại cộng đồng. Đồng thời, chỉ đạo triển khai tốt các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em trong toàn Tỉnh nhằm giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh và tử vong trẻ em. /.

**Minh Hằng**

# TỔNG CỤC TRƯỞNG TCTK TIẾP XÃ GIAO TRƯỞNG ĐẠI DIỆN VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI VIÊN THƯỜNG TRÚ CỦA LIÊN HỢP QUỐC TẠI VIỆT NAM

Chiều ngày 29/5/2024, tại Hà Nội, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Nguyễn Thị Hương (TCTK) có buổi tiếp xã giao bà Pauline Tamesis, Trưởng đại diện Văn phòng Điều phối viên thường trú của Liên Hợp Quốc (UNRCO) tại Việt Nam.

Tham dự buổi đón tiếp có thủ trưởng một số đơn vị liên quan thuộc cơ quan TCTK, các cán bộ phụ trách, nhân viên dữ liệu và cơ quan M&E thuộc UNRCO tại Việt Nam.

Phát biểu tại buổi đón tiếp, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương bày tỏ vui mừng được đón tiếp bà Pauline Tamesis, Trưởng đại diện UNRCO tại Việt Nam cùng các đồng nghiệp đến thăm và làm việc với TCTK. Tổng cục trưởng cho biết, những năm qua, TCTK luôn nhận được sự hợp tác chặt chẽ và hỗ trợ kịp thời của các cơ quan Liên Hợp Quốc (LHQ) trong công tác thống kê, góp phần nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức của Ngành. Các dự án, hỗ trợ kỹ thuật của LHQ vô cùng quý báu trong bối cảnh TCTK phải đáp ứng yêu cầu số liệu ngày càng cao của Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành và các đối tượng dùng tin trong và ngoài nước. Các chuyên gia, cán bộ chương trình thuộc các cơ quan chuyên môn của LHQ đã dành nhiều thời gian và tâm huyết để đào tạo, tư vấn, hướng dẫn cho các công chức của TCTK trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Các chính sách lớn của Đảng Nhà nước như xây dựng hạ tầng cơ sở, chính sách phục hồi sau đại dịch, các dự án lớn của quốc gia... đều có sự tham vấn đánh giá tác động của cơ quan TCTK trước khi Chính phủ đưa ra các quyết định



cuối cùng. TCTK nhận được sự tin tưởng của Chính phủ, các cơ quan quản lý điều hành, doanh nghiệp một phần nhờ sự hỗ trợ hiệu quả của các cơ quan thuộc LHQ trong suốt thời gian dài vừa qua.

Một số dự án, hoạt động hỗ trợ nổi bật nhất của các cơ quan chuyên môn của LHQ cho TCTK trong những năm gần đây có thể kể đến:

*Một là*, Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc (UNFPA) đã hỗ trợ TCTK thông qua các dự án về dân số và phát triển, đặc biệt là dự án “Hỗ trợ các cơ quan Việt Nam trong việc sản xuất, cung cấp và sử dụng dữ liệu, bằng chứng có chất lượng về dân số phục vụ công tác đánh giá, xây dựng và thực hiện các chính sách, chiến lược, chương trình phát triển kinh tế - xã hội và giám sát các Mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam, giai đoạn 2022-2026” đang được thực hiện.

*Hai là*, Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (UNICEF) đã hỗ trợ TCTK trong các hoạt động về bà mẹ và trẻ em, đặc biệt là tiến hành các cuộc điều tra MICS. Hiện nay, UNICEF đang hỗ trợ thực hiện dự án “Chính sách và kế hoạch thân thiện với trẻ em giai đoạn 2023-2026”, trong đó tập trung vào hỗ trợ TCTK thu thập số liệu và bằng chứng về nghèo đa chiều, trẻ em

khuyết tật và tính dễ bị tổn thương của trẻ em liên quan đến thiên tai, biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường được tạo dựng thông qua hệ thống báo cáo hành chính và khảo sát dân số.

*Ba là*, Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) hỗ trợ TCTK thực hiện Khóa đào tạo về Sử dụng Ma trận hạch toán xã hội và Mô hình số nhân với các phần mở rộng về năng lượng và phát thải ở Việt Nam (eSAM).

*Bốn là*, Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO) đã hỗ trợ TCTK tổ chức khóa đào tạo về “Sử dụng Mô hình mô phỏng chính sách chăn nuôi (LPSM) để đánh giá tác động trung và dài hạn của việc mở rộng sản xuất vào năm 2030 và 2050”.

*Năm là*, Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) hỗ trợ TCTK thực hiện điều tra lao động di cư quốc tế lồng ghép trong Điều tra Lao động việc làm năm 2021 và xây dựng các báo cáo đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 đến thị trường lao động, báo cáo lao động phi chính thức, tính năng suất lao động của Việt Nam, thực hiện 03 lớp đào tạo về thiết kế mẫu, kỹ thuật làm sạch dữ liệu và chuyển giao công nghệ xây dựng phần mềm phần đánh mã ngành, mã nghề và mã sản phẩm...



Sáu là, Văn phòng Ma túy và Tội phạm LHQ (UNODC), Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), Ủy ban Kinh tế - Xã hội châu Á và Thái Bình Dương (ESCAP) hỗ trợ TCTK thông qua Dự án khu vực: "Số liệu thống kê và dữ liệu đo lường các dòng tài chính bất hợp pháp ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương".

Ngoài ra, còn nhiều hỗ trợ khác của các cơ quan LHQ dành cho TCTK. Điều này thể hiện sự quan tâm của UNRCO, các cơ quan chuyên môn của LHQ cũng như các cán bộ chương trình của UNRCO dành cho TCTK.

Qua buổi gặp gỡ, Tổng cục trưởng TCTK đánh giá cao sự hợp tác chặt chẽ của UNRCO và khẳng định những hỗ trợ quý báu của LHQ đã giúp TCTK đạt được những kết quả quan trọng trong quá trình hoạt động của mình. Đồng thời, Tổng cục trưởng gửi lời cảm ơn bà Pauline Tamesis với vai trò điều hành chung các cơ quan chuyên môn của LHQ tại Việt Nam và chủ trì thực hiện Khung hợp tác giữa LHQ và Chính phủ Việt Nam giai đoạn 2022-2026 đã luôn tạo điều kiện hỗ trợ tối đa và luôn đồng hành sát cánh cùng ngành Thống kê. Tổng cục trưởng cũng bày tỏ mong muốn các cơ quan thuộc LHQ sẽ tiếp tục cộng tác, phối hợp, hỗ trợ ngành Thống kê Việt Nam trong thời gian tới.

Phát biểu tại buổi gặp, bà Pauline Tamesis, Trưởng đại diện UNRCO tại Việt Nam đánh giá cao sự hợp tác, mối quan hệ bền chặt và lâu dài của TCTK và các đối tác với các cơ quan LHQ tại Việt Nam. Bà Pauline Tamesis hy vọng, mối quan hệ hợp tác sẽ được nâng lên tầm cao mới, thể hiện qua số lượng và chất lượng số liệu thống kê sẽ ngày càng được nâng tầm và giữ vai trò quan trọng trong hoạch định các chính sách lớn.

Bà Pauline nhận định, dựa trên việc TCTK vừa công bố số liệu tình hình kinh tế - xã hội trên trang web

và các công việc đã triển khai đã cho thấy yêu cầu của Đảng và Chính phủ về hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng đang ngày càng được nhấn mạnh. Qua đó cũng cho thấy hiệu quả từ việc hỗ trợ của LHQ trong tăng cường năng lực cho cơ quan Thống kê ngày càng tốt hơn, góp phần giúp TCTK nâng cao năng lực và thực hiện mục tiêu cuối cùng là đạt được các mục tiêu phát triển bền vững SDG.

Năm 2024, UNRCO có kế hoạch hành động chung tập trung vào mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam, trong đó có việc rà soát các chỉ tiêu của SDG; tìm hiểu nghiên cứu đổi mới công cụ hoạch định chính sách rà soát các số liệu thống kê nhằm không để ai bị bỏ lại phía sau; thông qua hỗ trợ giúp các cơ quan ở Việt Nam đo lường tiến độ đạt được mục tiêu SDG đặt ra. Qua buổi gặp này, UNRCO muốn lắng nghe ý kiến, quan điểm và đề xuất của TCTK nhằm tăng cường hơn nữa sự hợp tác của TCTK với UNRCO và các cơ quan chuyên môn của UNRCO tại Việt Nam, nhất là về các hỗ trợ kỹ thuật phù hợp để đạt được hiệu quả tốt nhất, tránh sự chồng chéo nhằm giúp TCTK đạt được các mục tiêu phát triển bền vững. Đại diện UNRCO cũng mong muốn TCTK tiếp tục tổ chức Hội nghị các nhà tài trợ thường niên một cách đều đặn để các cơ quan nắm được nhu cầu, qua đó đạt được hiệu quả hỗ trợ cao hơn.

Tiếp theo chương trình, trong không khí thân tình, cởi mở, đại diện lãnh đạo hai cơ quan và các cán bộ tham gia đã bàn bạc, thảo luận, chia sẻ về nhu cầu, cơ chế phối hợp, hỗ trợ và nhiều nội dung đã, đang và có khả năng hợp tác trong tương lai, trong đó có nhiều nội dung liên quan đến các chỉ tiêu thúc đẩy mục tiêu phát triển bền vững như: Tăng trưởng xanh, phân loại xanh, loại hình kinh tế, dân số, trẻ em./..

**Thu Hiền**

Chiều ngày 20/5/2024, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức cuộc Họp Tổng kết Điều tra thí điểm Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025 bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến tới 5 địa phương tham gia thí điểm Tổng Điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương chủ trì cuộc họp.

Tham dự cuộc họp có các Phó Tổng cục trưởng: Nguyễn Trung Tiến, Lê Trung Hiếu và Đỗ Thị Ngọc cùng đại diện lãnh đạo và chuyên viên các vụ có liên quan của cơ quan Tổng cục và 5 Cục Thống kê địa phương tham gia thực hiện thí điểm gồm: Phú Thọ, Hải Dương, Nghệ An, Tiền Giang, Lâm Đồng.

Phát biểu khai mạc cuộc họp, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho biết, đây là phiên tổng kết 5 đoàn công tác giám sát điều tra thí điểm Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025. Mục đích nhằm đánh giá công tác thực hiện phương án điều tra thí điểm, trong đó nội dung của các bảng hỏi và chất lượng của phiếu được đặt lên hàng đầu, đi kèm với hai nội dung này là các nguồn lực: Con người, điều kiện kỹ thuật, các điều kiện hỗ trợ và đặc biệt là công tác phối hợp khai thác dữ liệu hành chính.

Tại cuộc họp, các đại biểu đã nghe bà Vũ Thị Thu Thủy - Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin Thống kê (TTDL) trình bày Báo cáo Tổng hợp kết quả thực hiện Điều tra thí điểm Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp

# TỔNG CỤC THỐNG KÊ HỌP TỔNG KẾT ĐIỀU TRA THÍ ĐIỂM TỔNG ĐIỀU TRA NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP NĂM 2025



năm 2025 (TĐT 2025). Theo Báo cáo, thực hiện giám sát điều tra thí điểm, đoàn công tác đã nghe các CTK báo cáo khái quát tình hình tổ chức triển khai Phương án Điều tra thí điểm TĐT 2025 trên địa bàn; tổ chức, phối hợp cùng CTK trực tiếp xuống địa bàn điều tra, đến đơn vị điều tra nghe các điều tra viên (ĐTV) phỏng vấn, ghi phiếu điều tra, sử dụng thiết bị thu thập thông tin tại địa bàn. Tại mỗi địa bàn, đoàn công tác tổ chức họp rút kinh nghiệm, lắng nghe kiến nghị của địa phương về tổ chức điều tra, quy trình, nội dung thí điểm, các phần mềm điều tra và kinh phí điều tra...

Về nội dung thực hiện, nhìn chung các CTK đã chuẩn bị và triển khai cuộc điều tra thí điểm TĐT 2025 theo đúng Phương án và các Văn bản hướng dẫn của TCTK. Quá trình triển khai khá thuận lợi về tổ chức, phối hợp thực hiện giữa CTK và Chi cục TK, các Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã trong triển khai các hoạt động hành chính và công tác thực địa tại địa bàn. CTK đã từng tổ chức triển khai nhiều cuộc Tổng điều tra nên có nhiều kinh nghiệm trong tổ chức, thực hiện cuộc điều tra thí điểm

Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp 2025. Bên cạnh thuận lợi quá trình tiến hành điều tra còn gặp những khó khăn do khối lượng thông tin trong phiếu điều tra quá lớn, nhiều chỉ tiêu khó, câu hỏi dạng tổng hợp thông tin, tính toán số liệu, thời gian phỏng vấn dài. Bên cạnh đó, điều tra thí điểm triển khai thực hiện vào tháng 4/2024, thời điểm diễn ra rất nhiều cuộc điều tra quan trọng khác nên việc triển khai tổ chức thực hiện có hạn chế nhất định do thiếu nhân lực...

Cuộc họp cũng dành thời gian để các đại biểu cùng nhau trao đổi, thảo luận các nội dung, vướng mắc trong quá trình triển khai điều tra thí điểm TĐT 2025. Các ý kiến nhất trí với nội dung trình bày trong báo cáo và đưa ra các kiến nghị như: Cần nghiên cứu định mức lập bảng kê tạo thuận lợi hơn cho các ĐTV khi đi tác nghiệp điều tra tại địa phương; trong xây dựng phương án điều tra cần chú ý xem xét tính đặc thù của địa phương và làm gọn phiếu hỏi theo hướng xem xét thêm chỉ tiêu nào chọn, chỉ tiêu nào bỏ... Để chuẩn bị cho TĐT 2025 tới đây cần chuẩn bị công tác tuyển truyền

sớm để đảm bảo tiến hành cuộc Tổng điều tra đạt kết quả theo đúng kế hoạch.

Phát biểu tại cuộc họp, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến đề nghị Vụ Thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản và Cục TTDL rà soát lại các câu hỏi theo hướng rút gọn lại câu hỏi để tạo thuận lợi khi triển khai và đảm bảo hiệu quả của phiếu hỏi.

Phó Tổng cục trưởng Lê Trung Hiếu lưu ý cần làm rõ phạm vi đối tượng điều tra. Đối với phiếu lấy từ Bộ Quốc phòng cần tiếp tục phối hợp để lấy thông tin. Đối với phiếu trang trại, cần phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu thêm để thống nhất thông tin. Phiếu xã còn dài cần tách làm nhiều nội dung.

Phó Tổng cục trưởng Đỗ Thị Ngọc cho biết, qua tiến hành giám sát điều tra cho thấy các địa phương đã triển khai đầy đủ các nội dung theo kế hoạch phương án đề ra. Để chuẩn bị cho TĐT 2025 tới đây, đơn vị phần mềm cần test chương trình rất kỹ trước khi thực hiện điều tra.

Kết thúc cuộc họp, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đánh giá cao ý kiến đóng góp của các đại biểu; và đề nghị Vụ Thống kê Nông, lâm nghiệp và thủy sản hoàn thiện nội dung phối hợp với Cục TTDL để rà soát các phiếu đảm bảo cho công tác điều tra. Trong quá trình thực hiện, cần bám vào mục đích của cuộc tổng điều tra từ đó xác định đối tượng điều tra và phạm vi điều tra. Rà soát lại mẫu điều tra để lựa chọn mẫu điều tra, đồng thời, khai thác tối đa hồ sơ dữ liệu hành chính./.

**M.T**

# **HỌP TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BỘ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VIỆT NAM**

Sáng ngày 17/5/2024, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức họp triển khai xây dựng Bộ chỉ tiêu Phát triển bền vững Việt Nam (VSDGI). Phó Tổng cục trưởng TCTK Đỗ Thị Ngọc tham dự và chủ trì.

Tham dự cuộc họp có đại diện lãnh đạo các Vụ liên quan thuộc cơ quan TCTK; đại diện một số Bộ gồm: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường là các thành viên của Tổ Biên tập xây dựng Bộ chỉ tiêu.

Phát biểu tại cuộc họp, Phó Tổng cục trưởng Đỗ Thị Ngọc cho biết, các chỉ tiêu phát triển bền vững đang ngày càng được cộng đồng thế giới quan tâm. Muốn đo lường được sự phát triển bền vững cần có Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững làm căn cứ đánh giá. Vì vậy, trên cơ sở báo cáo đánh giá Bộ chỉ tiêu cũ, Tổ biên tập cần tổng hợp, rà soát và xây dựng Bộ chỉ tiêu mới đáp ứng yêu cầu hiện nay.

Tại cuộc họp, các đại biểu tham dự đã được nghe đại diện đơn vị đầu mối là Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê trình bày về tình hình, kế hoạch, phân công thực hiện để triển khai xây dựng Thông tư quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững Việt Nam. Trong đó có sự cần thiết và căn cứ sửa đổi VSDGI, các công việc đã thực hiện, dự thảo Danh mục VSDGI sửa đổi và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

Theo đó, để giám sát tiến độ đạt được các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam đến năm 2030, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững theo Quyết định số 841/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2023. Trong số 117 chỉ tiêu



trong Lộ trình, chỉ có 56/117 chỉ tiêu tương ứng với các chỉ tiêu trong Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững Việt Nam. Còn lại, nhiều chỉ tiêu tương ứng nhưng đã được sửa đổi cho phù hợp với các văn bản hiện tại; và nhiều chỉ tiêu trong Lộ trình chưa được quy định trong Bộ chỉ tiêu VSDGI. Trong Lộ trình, Thủ tướng Chính phủ đã phân công Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan rà soát, bổ sung, cập nhật Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững Việt Nam. Do đó, việc sửa đổi VSDGI là cần thiết nhằm bảo đảm phù hợp, phản ánh đầy đủ các chỉ tiêu theo Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam; thống nhất với Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia sửa đổi; phù hợp, bảo đảm so sánh quốc tế; bảo đảm tính sẵn có của số liệu chỉ tiêu để phục vụ theo dõi, giám sát các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam.

Tại cuộc họp, đơn vị chủ trì đã xin ý kiến về các nội dung, như: Nguyên tắc xây dựng, các căn cứ sửa đổi chỉ tiêu VSDGI, kế hoạch và phân công triển khai thực hiện, dự thảo Báo cáo tổng kết và Dự thảo Bảng đề xuất sửa đổi VSDGI. Theo đó, đến thời điểm hiện tại, dự thảo danh mục chỉ tiêu VSDGI có tổng số 147 chỉ tiêu, trong đó đề xuất giữ nguyên 82 chỉ tiêu, sửa tên 42 chỉ tiêu, bỏ 15 chỉ tiêu và bổ sung 23 chỉ tiêu.

Dưới sự chủ trì của Phó Tổng cục trưởng Đỗ Thị Ngọc, các thành viên của Tổ Biên tập đã thảo luận nghiêm túc về các vấn đề được xin ý kiến. Trong đó, hầu hết các Bộ có đại diện tham dự đã có ý kiến mang tính xây dựng về các chỉ tiêu liên quan do Bộ chủ trì và phối hợp. Bên cạnh đó, với tiến độ công việc được thực hiện, hy vọng Thông tư sẽ sớm hoàn thành và trình Bộ trưởng phê duyệt vào tháng 11/2024 theo đúng tiến độ.

Kết thúc cuộc họp, Phó Tổng cục trưởng Đỗ Thị Ngọc cảm ơn sự nỗ lực, cố gắng, nhiệt tình của các thành viên Tổ biên tập xây dựng Thông tư quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững Việt Nam. Để xây dựng Thông tư đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, Phó Tổng cục trưởng phân công thực hiện công việc đối với đơn vị đầu mối và các thành viên Tổ biên tập. Đồng thời đề nghị, Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thông tin thống kê - đơn vị đầu mối tiếp tục rà soát, tách, chia các chỉ tiêu thuộc từng Bộ, ngành, đơn vị, chỉ rõ những nội dung cần xin ý kiến và gửi thành viên Tổ biên tập. Thành viên Tổ biên tập chủ động phối hợp tham gia ý kiến đối với các nội dung phụ trách khi có yêu cầu từ cơ quan soạn thảo. Phấn đấu hoàn thành Thông tư theo đúng lộ trình đã đề ra để trình lãnh đạo Bộ phê duyệt theo kế hoạch./.

**Thu Hiền**



# Ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam (21/6/1925 - 21/6/2024): 99 NĂM TRUYỀN THỐNG VẼ VANG VÀ DẤU ẤN TỰ HÀO

Trang Nguyễn

Ngày 21/6/1925, tại Quảng Châu, Trung Quốc, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã sáng lập tờ báo Thanh Niên đánh dấu sự hình thành nền báo chí cách mạng Việt Nam. Đến nay, sau 99 năm hình thành và phát triển, Báo chí cách mạng Việt Nam đã lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Báo chí cách mạng Việt Nam đã làm tốt sứ mệnh thông tin tuyên truyền phục vụ sự nghiệp cách mạng của Đảng, sự nghiệp đổi mới của đất nước; đảm bảo vai trò dẫn dắt, định hướng dư luận xã hội.

## 99 năm truyền thống vẻ vang và dấu ấn tự hào của Báo chí cách mạng Việt Nam

Sau khi Báo Thanh Niên - tờ báo đầu tiên của cách mạng Việt Nam được sáng lập đã có hàng loạt các tờ báo khác nối tiếp ra đời. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đánh đổ đế quốc Mỹ cùng tay sai, dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhân dân Việt Nam đã hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc. Đóng góp vào chiến thắng này, với sức mạnh của "ngòi bút" chân chính, Báo chí cách mạng Việt Nam đã tuyên truyền, cổ động truyền bá hệ tư tưởng và đường lối chiến lược, sách lược của Đảng tới các cán bộ và đảng viên, lực lượng vũ trang và quần chúng, củng cố niềm tin, tập hợp và cổ vũ quần chúng Nhân dân hành động vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.

# Thanh Niên



Bước vào thời kỳ hòa bình, với mục tiêu cao cả, sứ mệnh thiêng liêng là phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, Báo chí cách mạng Việt Nam đã không ngừng phát triển qua đó đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

Có thể thấy trong 99 năm hình thành và phát triển, phát huy truyền thống vẻ vang và dấu ấn tự hào, Báo chí cách mạng Việt Nam đã góp phần tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, phản ánh

nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp Nhân dân. Thông qua báo chí hình ảnh, đất nước con người Việt Nam đến gần hơn với bạn bè quốc tế, từ đó góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Để thực hiện sứ mệnh, Báo chí cách mạng Việt Nam trong 99 năm qua đã không ngừng đổi mới và bắt kịp xu hướng thời đại. Đến nay, Báo chí cách mạng Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn và phát triển mạnh mẽ. Nội dung thông tin của báo chí ngày càng đa dạng, hấp dẫn, hình thức trình bày đẹp. Các tác phẩm báo chí được người làm báo nghiên cứu đi sâu vào các vấn đề thực tiễn của cuộc sống, trong đó nhiều tác phẩm báo chí đã phát hiện, cổ vũ nhiều mô hình và cách làm ăn mới, giới thiệu nhân tố mới, nêu gương người tốt, việc tốt góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Đặc biệt trong thời đại 4.0 hiện nay, Báo chí Cách mạng Việt Nam với chuyển đổi số đang đổi mới sáng tạo các loại hình, cách thức làm báo hướng tới phục vụ độc giả tiếp cận thông tin hiệu quả và kịp thời. Các tờ báo, tạp chí lớn đã có những phiên bản không chỉ là báo điện tử, mà còn ứng dụng nền tảng mạng xã hội trong truyền tải thông tin nhanh nhất tới độc giả. Những người làm báo ngày càng nâng cao chuyên môn, bản lĩnh chính trị đóng góp vào xây dựng đất nước bằng những sản phẩm báo chí có chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển báo chí hiện nay.

Trên con đường phát triển của báo chí cách mạng Việt Nam, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm sâu sắc đối với hoạt động báo chí. Nhà nước đã có những cơ chế, chính sách tài chính, đào tạo qua đó

tạo điều kiện cần thiết để báo chí phục vụ nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền. Đồng thời khuyến khích các cơ quan báo chí tăng cường huy động nguồn lực phát triển theo hướng phải đảm bảo đúng tôn chỉ, mục đích. Phát triển báo chí phù hợp với xu thế phát triển khoa học công nghệ và thông tin, truyền thông thế giới.

Hiện nay, trước yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng mới và phát huy truyền thống vẻ vang 99 năm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam, các cơ quan báo chí tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 43-CT/TW, ngày 8/4/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam trong tình hình mới; Quyết định số 362/QĐ-TTg, ngày 3/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí Toàn quốc đến năm 2025, Quyết định số 348/QĐ-TTg, ngày 6/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược “Chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong báo chí cách mạng với việc thiết kế sáng tạo các sản phẩm báo chí số để tăng độ tương tác với độc giả, phổ biến nội dung thông tin nhanh hơn, rộng hơn và chính xác theo nhu cầu của độc giả. Đổi mới hiệu quả trải nghiệm của độc giả trong chuyển đổi số báo chí cách mạng. Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ trong chuyển đổi số lĩnh vực báo chí qua các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số. Tăng cường hợp tác quốc tế, học tập kinh nghiệm của các quốc gia có nền báo chí số phát triển mạnh.

Ngày 6/4/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị quyết số 348/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược “Chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (Chiến lược). Theo đó, Chiến lược đưa ra mục tiêu chung, chuyển đổi số báo chí nhằm xây dựng các cơ quan báo chí theo hướng chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại; làm tốt sứ mệnh thông tin tuyên truyền phục vụ sự nghiệp cách mạng của Đảng, sự nghiệp đổi mới của đất nước; đảm bảo vai trò dẫn dắt, định hướng dư luận xã hội, giữ vững chủ quyền thông tin trên không gian mạng; đổi mới hiệu quả trải nghiệm của độc giả; tạo nguồn thu mới.

Chiến lược đặt ra mục tiêu cụ thể đến năm 2025 có 70% cơ quan báo chí đưa nội dung lên các nền tảng số (ưu tiên các nền tảng số trong nước). 50% cơ quan báo chí sử dụng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động. 80% cơ quan báo chí hoạt động, vận hành mô hình tòa soạn hội tụ, phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ tiên tiến trên thế giới, sản xuất nội dung theo các xu hướng báo chí số. 100% các cơ sở giáo dục đại học chuyên ngành báo chí hoặc có khoa báo chí cập nhật các kiến thức, kỹ năng tác nghiệp trong môi trường báo chí số trong chương trình đào tạo cho sinh viên. 100% lãnh đạo, cán bộ, phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số báo chí. 100% cơ quan báo chí điện tử có giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên. Hình thành và phát triển các nền tảng số quốc gia cho báo chí.



Đến năm 2030 có 100% cơ quan báo chí đưa nội dung lên các nền tảng số (ưu tiên các nền tảng số trong nước). 90% cơ quan báo chí sử dụng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động. 100% cơ quan báo chí hoạt động, vận hành mô hình tòa soạn hội tụ và các mô hình phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ tiên tiến trên thế giới, sản xuất nội dung theo các xu hướng báo chí số.

### **Hướng tới kỷ niệm 100 năm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam**

99 năm hình thành và phát triển, phát huy truyền thống vẻ vang và dấu ấn tự hào, hướng tới kỷ niệm 100 năm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam, Ban Tuyên giáo Trung ương đã ban hành Kế hoạch số 316-KH/BTGTW, ngày 29/6/2023 về Kỷ niệm 100 năm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam (21/6/1925 - 21/6/2025). Mục tiêu của Kế hoạch nhằm ôn lại truyền thống vẻ vang, những đóng góp quan trọng, to lớn, sứ mệnh cao cả của báo chí cách mạng Việt Nam trong công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế, cổ vũ, động viên, biểu dương, tôn vinh và tri ân những thế hệ người làm báo, các cơ quan báo chí có thành tích tiêu biểu, xuất sắc, bồi dưỡng giáo dục niềm tự hào, lòng yêu nghề đối với những người làm báo hôm nay. Bên cạnh đó, khẳng định sự quan tâm chăm lo sâu sắc của Đảng, Nhà nước đối với báo chí; sự đồng hành, ủng hộ, tin tưởng, kỳ vọng của Nhân dân đối với sự phát triển của nền báo chí cách mạng Việt Nam. Tổ chức các hoạt động, sự kiện để kỷ niệm dấu mốc 100 năm báo chí cách mạng Việt Nam

đánh giá, ghi nhận, biểu dương những kết quả, thành tựu 100 năm qua của báo chí cách mạng; xác định tầm nhìn, đề ra phương hướng, nhiệm vụ đối với báo chí cách mạng trong giai đoạn mới. Đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành cơ chế, chính sách, nguồn lực để thúc đẩy sự phát triển của báo chí góp phần xây dựng đội ngũ báo chí ngày càng vững vàng về bản lĩnh chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp, thực hiện tốt yêu cầu “Xây dựng nền báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại” theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Theo Kế hoạch, Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan như: Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Hội Nhà báo Việt Nam, TP.Hà Nội và các cơ quan báo chí sẽ tổ chức các hoạt động kỷ niệm 100 năm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam, trong đó đáng chú ý như: Hoạt động lễ kỷ niệm 100 năm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam, Hội nghị “Gặp mặt biểu dương người làm báo tiêu biểu”, Hội thảo khoa học “Báo chí cách mạng Việt Nam 100 năm đồng hành cùng sự nghiệp vẻ vang của Đảng, của dân tộc”.

Bên cạnh đó là các hội thảo, tọa đàm, diễn đàn về cơ chế chính sách, nguồn lực cho hoạt động báo chí; xu hướng phát triển báo chí hiện đại; sứ mệnh báo chí; xây dựng đội ngũ những người làm báo

Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Nội dung các hội thảo, tọa đàm, diễn đàn khẳng định làm rõ vai trò, sứ mệnh, những đóng góp to lớn của báo chí Cách mạng Việt Nam trong công cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất, xây dựng và đổi mới đất nước, hội nhập quốc tế; những vấn đề đặt ra đối với báo chí hiện nay; dự báo xu hướng phát triển của báo chí và những phương hướng, tầm nhìn, giải pháp để báo chí cách mạng ngày càng “chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại”.

Xây dựng hoàn thiện thể chế, chính sách tạo nguồn lực để báo chí phát triển với việc tổng kết Chỉ thị 30 - CT/TW, ngày 25/12/2013 của Bộ Chính trị về phát triển và tăng cường quản lý báo chí điện tử, mạng xã hội và các loại hình truyền thông khác trên Internet; Sơ kết Kết luận số 23 - KL/TW, ngày 22/11/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường chỉ đạo, quản lý, phát huy vai trò của báo chí, xuất bản trong việc ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; Đề xuất tổng kết Quyết định số 362/QĐ - TTg ngày 3/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025.../.

# TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

## Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

### Nông nghiệp

Vụ lúa đông xuân năm 2024 cả nước gieo cấy được 2.953,6 nghìn ha, tăng 0,9 nghìn ha so với vụ đông xuân năm trước. Các địa phương phía Bắc gieo cấy 1.059,4 nghìn ha, giảm 8,5 nghìn ha. Các địa phương phía Nam gieo cấy 1.894,2 nghìn ha, tăng 9,4 nghìn ha so với vụ đông xuân năm trước.

Tính đến ngày 15/5/2024, các địa phương phía Nam đã cơ bản thu hoạch xong lúa đông xuân với diện tích đạt 1.885,6 nghìn ha, chiếm 99,5% diện tích gieo cấy và bằng 100,5% cùng kỳ năm trước.

Cùng với thu hoạch lúa đông xuân, đến trung tuần tháng Năm, các địa phương phía Nam gieo trồng được 1.059,4 nghìn ha lúa hè thu, bằng 96,1% cùng kỳ năm trước.

Chăn nuôi trâu, bò tính đến cuối tháng Năm có xu hướng giảm so với cùng thời điểm năm trước (đàn bò giảm 0,8%, đàn trâu giảm 3,9%). Đàn lợn có xu hướng tăng mạnh (tăng 3,9%) trở lại do chăn nuôi nông hộ chuyển sang bán công nghiệp, liên kết với doanh nghiệp; chăn nuôi trang trại theo chuỗi kết hợp an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và ứng dụng công nghệ tiên tiến; công tác phòng, chống và kiểm soát dịch bệnh tốt, giá thịt lợn hơi tăng so với cùng kỳ năm trước nên người dân đẩy mạnh phát triển chăn nuôi lợn. Chăn nuôi gia cầm tiếp tục phát triển (tăng 3,3%) do chi phí đầu vào thấp, có thể tận dụng nguồn thức ăn có sẵn cùng với nhu cầu tiêu dùng ổn định và tăng mạnh vào các dịp nghỉ Lễ, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

### Lâm nghiệp

Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 98,2 nghìn ha, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 37,8 triệu cây, tăng 1,2%; sản lượng gỗ khai thác đạt 7.413,7 nghìn m<sup>3</sup>, tăng 6,6%.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, cả nước có 652,2 ha rừng bị thiệt hại, giảm 24,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị chặt, phá là 376,2 ha, giảm 24,9%; diện tích rừng bị cháy là 285,1 ha, giảm 24,8%.

### Thủy sản

Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, sản lượng thủy sản ước đạt 3.515,2 nghìn tấn, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 2.570,1 nghìn tấn, tăng 2,4%; tôm đạt 408,5 nghìn tấn, tăng 4,3%; thủy sản khác đạt 536,6 nghìn tấn, tăng 2,2%. Trong tổng sản lượng thủy sản, thủy sản nuôi trồng đạt 1.918,1 nghìn tấn, tăng 4,1% so cùng kỳ năm trước; thủy sản khai thác đạt 1.597,1 nghìn tấn, tăng 0,7%.

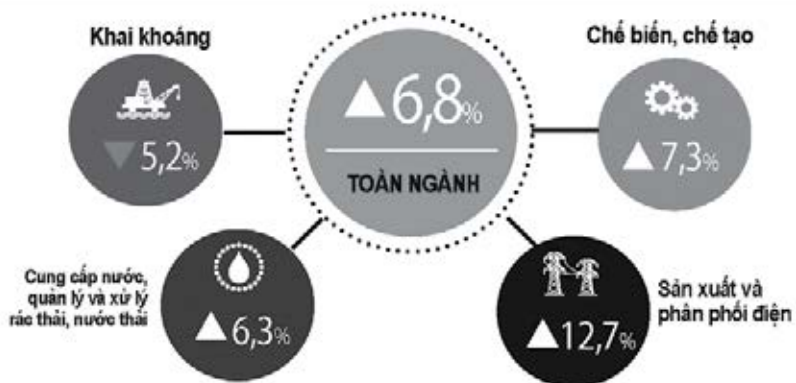
## Sản xuất công nghiệp

Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tính tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 giảm 2,0%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 7,3% (cùng kỳ năm 2023 giảm 2,6%), đóng góp 6,4 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 12,7% (cùng kỳ năm 2023 tăng 1,2%), đóng góp 1,1 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,3% (cùng kỳ năm 2023 tăng 5,9%), đóng góp 0,1 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 5,2% (cùng kỳ năm 2023 giảm 2,4%), làm giảm 0,8 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

Chỉ số sản xuất năm tháng đầu năm 2024 của một số ngành trọng điểm cấp II tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 27,4%; sản xuất thiết bị điện tăng 24,0%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 20,1%; sản xuất

## SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Tốc độ tăng/giảm Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ năm trước

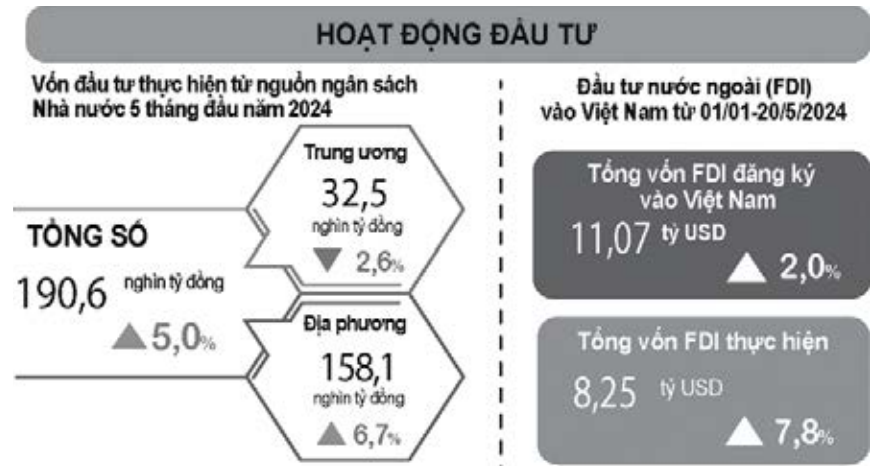


giường, tủ, bàn, ghế tăng 19,6%; sản xuất kim loại tăng 13,2%; dệt và sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí cùng tăng 12,7%. Ở chiều ngược lại, chỉ số IIP của một số ngành tăng thấp hơn mức bình quân chung hoặc giảm so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 5,8%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 5,4%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị giảm 11,8%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 11,0%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 5,1%...

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/5/2024 tăng 1,0% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 3,2% so với cùng thời điểm năm trước. Trong đó, lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước tăng 0,1% so với thời điểm tháng trước và giảm 0,3% so với cùng thời điểm năm trước; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 0,7% và tăng 0,5%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,3% và tăng 4,4%.

### Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, cả nước có 64,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký hơn 601,2 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký 426,4 nghìn lao động, tăng 4,5% về số doanh nghiệp, tăng 5,7% về vốn đăng ký và tăng 5% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong 5 tháng đầu năm 2024 đạt 9,3 tỷ đồng, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm 2023. Nếu tính cả 666,9 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của 18.567 doanh nghiệp tăng vốn, tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 5 tháng



đầu năm 2024 là 1.268,1 nghìn tỷ đồng, giảm 9% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, còn có gần 34,1 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (tăng 3,3% so với cùng kỳ năm 2023), nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 5 tháng đầu năm 2024 lên hơn 98,8 nghìn doanh nghiệp, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân một tháng có 19,8 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 66,1 nghìn doanh nghiệp, tăng 19,7% so với cùng kỳ năm trước; 23,3 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 8,8%; gần 8 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 8,4%. Bình quân một tháng có 19,5 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

### Đầu tư

Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 190,6 nghìn tỷ đồng, bằng 26,6% kế hoạch năm và tăng 5,0% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

- Vốn đầu tư thực hiện do Trung ương quản lý ước đạt 32,5 nghìn tỷ đồng, bằng 29,3% kế hoạch năm và giảm 2,6%.

- Vốn đầu tư thực hiện do địa phương quản lý ước đạt 158,1 nghìn tỷ đồng, bằng 26,1% kế hoạch năm và tăng 6,7%.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/5/2024 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 11,07 tỷ USD, tăng 2,0%.

- Vốn đăng ký cấp mới có 1.227 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 7,94 tỷ USD, tăng 27,5% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và tăng 50,8% về số vốn đăng ký. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 5,37 tỷ USD, chiếm 67,7% tổng vốn đăng ký cấp mới;...

Trong số 53 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2024, Xin-ga-po là nhà đầu tư lớn nhất với 2,92 tỷ USD, chiếm 36,8% tổng vốn đăng ký cấp mới...

- Vốn đăng ký điều chỉnh có 440 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm 2,08 tỷ USD, giảm 8,7% so với cùng kỳ năm trước.

- Vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 1.158 lượt với tổng giá trị



góp vốn 1,05 tỷ USD, giảm 68,2% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 5 tháng đầu năm 2024 ước đạt 8,25 tỷ USD, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của năm tháng đầu năm trong 5 năm qua. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 6,5 tỷ USD, chiếm 78,9% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 781,0 triệu USD, chiếm 9,5%; sản xuất,...

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 5 tháng đầu năm 2024 có 42 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 103,5 triệu USD, giảm 27,5% so với cùng kỳ năm trước; có 10 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 32,5 triệu USD, giảm 81,3%.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 136,1 triệu USD, giảm 57,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Khai khoáng đạt 58,6 triệu USD, chiếm 43,1% tổng vốn đầu tư; công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 32,5 triệu USD, chiếm 23,9%; bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác đạt 11,3 triệu USD, chiếm 8,3%; dịch vụ khác đạt 10,0 triệu USD, chiếm 7,4%;...

Trong 5 tháng đầu năm 2024, có 16 quốc gia và vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam, trong đó: Hà Lan là nước dẫn đầu với 54,6 triệu USD, chiếm 40,1% tổng vốn đầu tư; Lào 50,0 triệu USD, chiếm 36,8%; ...

### **Thu, chi ngân sách Nhà nước**

#### *Thu ngân sách Nhà nước*

Lũy kế tổng thu ngân sách Nhà nước 5 tháng đầu năm 2024 ước đạt 898,4 nghìn tỷ đồng, bằng 52,8% dự toán năm và tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước.

#### *Chi ngân sách Nhà nước*

Lũy kế 5 tháng đầu năm 2024, tổng chi ngân sách nhà nước ước đạt 656,7 nghìn tỷ đồng, bằng 31% dự toán năm và tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước.

### **Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch**

#### *Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng*

Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 2.580,2 nghìn tỷ đồng, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 tăng 12,3%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,2% (cùng kỳ năm 2023 tăng 9,3%). Trong đó:

Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 1.998,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 77,5% tổng mức và tăng 7,4% (loại trừ yếu tố giá tăng 4,5%).

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 296,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,5% tổng mức và tăng 15,1%.

Doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 24,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,9% tổng mức và tăng 45,1%.

Doanh thu dịch vụ khác ước đạt 261,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,1% tổng mức và tăng 8,8%.

#### *Xuất, nhập khẩu hàng hóa*

Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 305,53 tỷ USD, tăng 16,6% so với cùng kỳ năm trước.

#### *Xuất khẩu hàng hóa*

Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 156,77 tỷ USD, tăng 15,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 43,69 tỷ USD, tăng 20,5%, chiếm 27,9% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 113,08 tỷ USD, tăng 13,3%, chiếm 72,1%.

Trong 5 tháng đầu năm 2024 có 26 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 90,0% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 7 mặt hàng xuất khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 65,3%).

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 5 tháng đầu năm 2024, nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản ước đạt 2,06 tỷ USD, chiếm 1,3%; nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt 137,39 tỷ USD, chiếm 87,7%; nhóm hàng nông sản, lâm sản ước đạt 13,82 tỷ USD, chiếm 8,8%; nhóm hàng thủy sản ước đạt 3,5 tỷ USD, chiếm 2,2%.

#### *Nhập khẩu hàng hóa*

Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 148,76 tỷ USD, tăng 18,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 54,95 tỷ USD, tăng 24,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 93,81 tỷ USD, tăng 14,9%.

Trong 5 tháng đầu năm 2024 có 27 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 84,5% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 4 mặt hàng nhập khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 47,0%).

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 5 tháng đầu năm 2024, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước đạt 139,89 tỷ USD, chiếm 94%, trong đó nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 45,7%; nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 48,3%. Nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng ước đạt 8,87 tỷ USD, chiếm 6%.

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 5 tháng đầu năm 2024, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 44,0 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 54,9 tỷ USD.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, cán cân thương mại hàng

hóa ước tính xuất siêu 8,01 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 10,2 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 11,26 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 19,27 tỷ USD.

#### *Vận tải hành khách và hàng hóa*

Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, vận tải hành khách ước đạt 1.935,1 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển đạt 111,4 tỷ lượt khách.km, tăng 12,7%. Trong đó, vận tải trong nước ước đạt 1.927,4 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 6,0% so với cùng kỳ năm trước và 86,3 tỷ lượt khách.km luân chuyển, tăng 5,4%; vận tải ngoài nước ước đạt 7,7 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 35,5% và 25,1 tỷ lượt khách.km luân chuyển, tăng 47,8% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, vận tải hàng hóa ước đạt 1.028 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 11,4% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 208,4 tỷ tấn.km, tăng 7,9%. Trong đó, vận tải trong nước ước đạt 1.008,9 triệu tấn vận chuyển, tăng 11,6% và 126,6 tỷ tấn.km luân chuyển, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước; vận tải ngoài nước ước đạt 19,1 triệu tấn vận chuyển, tăng 4,3% và 81,8 tỷ tấn.km luân chuyển, tăng 15,4%.

#### *Khách quốc tế đến Việt Nam*

Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, khách quốc tế đạt gần 7,6 triệu lượt người, tăng 64,9% so với cùng kỳ năm trước và tăng 3,9% so với cùng kỳ năm 2019 - năm chưa xảy ra dịch Covid-19.

Trong tổng số gần 7,6 triệu lượt khách quốc tế đến Việt Nam 5 tháng đầu năm nay, khách đến bằng đường hàng không đạt hơn 6,3 triệu lượt người, chiếm 83,7% tổng lượng khách quốc tế đến Việt Nam và gấp 1,6 lần cùng kỳ

năm trước; bằng đường bộ đạt gần 1,1 triệu lượt người, chiếm 14,2% và gấp 2,1 lần; bằng đường biển đạt 162,4 nghìn lượt người, chiếm 2,1% và gấp 3,2 lần.

Khách đến từ châu Á đạt 5.892,2 nghìn lượt người, tăng 73,3%; khách đến từ châu Âu đạt 976,0 nghìn lượt người, tăng 57,1%; Khách đến từ châu Mỹ đạt 460,1 nghìn lượt người, tăng 16,2%; Khách đến từ châu Úc đạt 233,1 nghìn lượt người, tăng 35,5% và khách đến từ châu Phi đạt 21,6 nghìn lượt người, tăng 106,6%.

#### **Một số tình hình xã hội**

##### *Đời sống dân cư*

Công tác bảo đảm an sinh xã hội luôn được các cấp, ngành thực hiện kịp thời, hiệu quả. Theo báo cáo từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trong 5 tháng đầu năm nay, Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương đã hỗ trợ cho người dân gần 18,5 nghìn tấn gạo. Trong đó, hỗ trợ 10,4 nghìn tấn gạo cứu đói nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn cho 103,7 nghìn hộ với 693,4 nghìn nhân khẩu; hỗ trợ gần 3,1 nghìn tấn gạo cứu đói giáp hạt năm 2024 cho 44,5 nghìn hộ với 205,5 nghìn nhân khẩu. Các địa phương chủ động bố trí ngân sách và nguồn xã hội hóa để hỗ trợ gần 5 nghìn tấn gạo cho các hộ nghèo, cận nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn.

##### *Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm*

Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, cả nước có 19,9 nghìn trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (03 ca tử vong); 20,1 nghìn trường hợp mắc bệnh tay chân miệng; 312 trường hợp sốt phát ban nghi sởi; 34 trường hợp tử vong do bệnh dại; 159 trường hợp mắc bệnh viêm não vi rút (06 ca tử vong)...

Tổng số người nhiễm HIV của cả nước hiện còn sống tính đến

thời điểm 18/5/2024 là gần 237 nghìn người; số người tử vong do HIV/AIDS là 114,7 nghìn người.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, cả nước xảy ra 35 vụ với 2.025 người bị ngộ độc (03 người tử vong).

##### *Tai nạn giao thông*

Tính chung 5 tháng đầu năm nay, trên địa bàn cả nước xảy ra 10.427 vụ tai nạn giao thông, làm 4.405 người chết, 4.725 người bị thương và 3.501 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong năm tháng đầu năm nay tăng 20%; số người chết giảm 12,2%; số người bị thương tăng 28,9% và số người bị thương nhẹ tăng 75,8%. Bình quân 1 ngày trong 5 tháng đầu năm, trên địa bàn cả nước xảy ra 69 vụ tai nạn giao thông, làm 29 người chết, 31 người bị thương và 23 người bị thương nhẹ.

##### *Thiệt hại do thiên tai*

Tính chung 5 tháng đầu năm nay, thiên tai làm 39 người chết và mất tích, 50 người bị thương; hơn 25 nghìn ngôi nhà bị sập đổ và hư hỏng; 13,6 nghìn con gia súc, gia cầm bị chết; 20,8 nghìn ha hoa màu và 9,9 nghìn ha lúa bị ngập, hư hỏng; tổng giá trị thiệt hại về tài sản ước tính 996,7 tỷ đồng, gấp gần 2,3 lần cùng kỳ năm 2023.

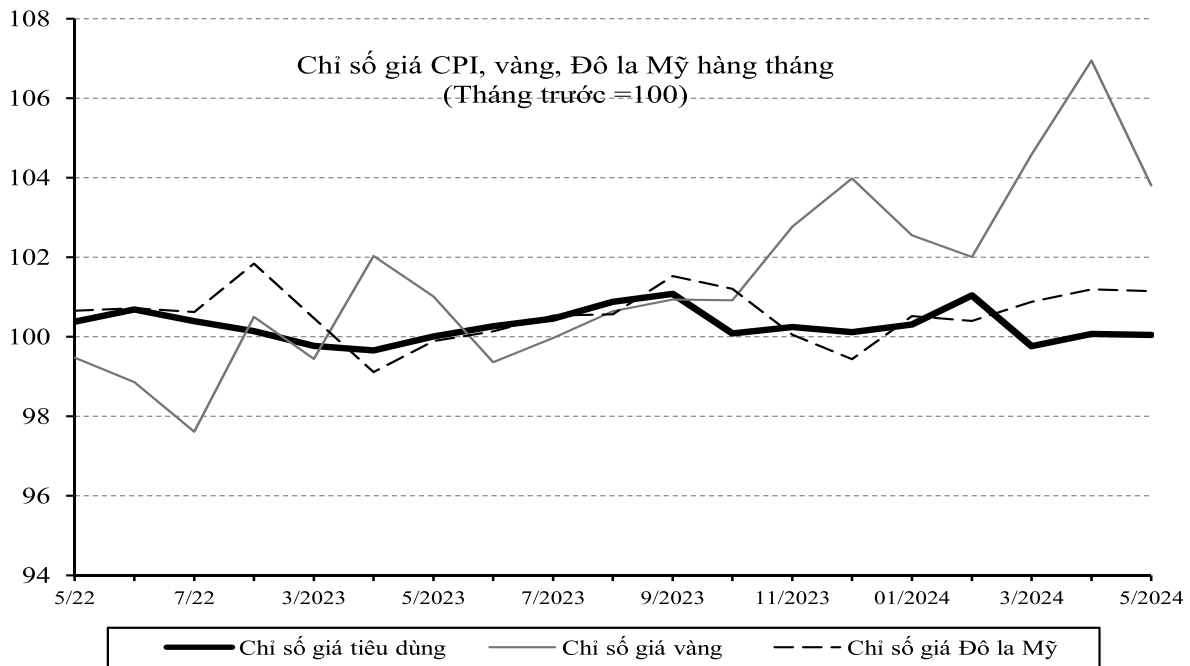
##### *Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ*

Tính chung 5 tháng đầu năm nay, các cơ quan chức năng phát hiện 9.964 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 8.834 vụ với tổng số tiền phạt là 129,5 tỷ đồng, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 5 tháng đầu năm nay, trên địa bàn cả nước xảy ra 1.980 vụ cháy, nổ, làm 36 người chết và 37 người bị thương, thiệt hại ước tính 116,3 tỷ đồng, giảm 31,7% so với cùng kỳ năm trước./.

*(Trích Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng Năm và 5 tháng đầu năm 2024 - TCTK)*

## CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, CHỈ SỐ GIÁ VÀNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ THÁNG NĂM NĂM 2024



Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 5 NĂM 2024 SO VỚI				Bình quân 5 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023
	Kỳ gốc năm 2019	Tháng 5 năm 2023	Tháng 12 năm 2023	Tháng 4 năm 2024	
<b>CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG</b>	115,20	104,44	101,24	100,05	104,03
I, Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	119,69	104,47	101,42	100,38	103,87
1 - Lương thực	132,10	114,83	102,17	99,74	115,96
2 - Thực phẩm	115,99	102,87	101,09	100,59	101,81
3 - Ăn uống ngoài gia đình	124,02	104,25	101,89	100,14	104,14
II, Đồ uống và thuốc lá	112,78	102,61	101,34	100,14	102,44
III, May mặc, mũ nón, giày dép	107,74	101,70	100,45	100,00	101,63
IV, Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	119,35	105,30	101,89	100,38	105,49
V, Thiết bị và đồ dùng gia đình	107,69	101,33	100,63	100,12	101,27
VI, Thuốc và dịch vụ y tế	110,99	107,41	102,00	100,01	106,87
Trong đó: Dịch vụ y tế	112,25	109,46	102,51	100,00	108,71
VII, Giao thông	112,66	105,58	103,67	98,27	103,32
VIII, Bưu chính, viễn thông	95,93	98,58	99,51	99,91	98,54
IX, Giáo dục	119,85	108,14	96,02	99,75	108,70
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	120,43	108,66	95,46	99,70	109,28
X, Văn hoá, giải trí và du lịch	106,12	102,01	101,11	100,31	101,60
XI, Hàng hoá và dịch vụ khác	117,37	106,19	101,72	100,20	106,20
<b>CHỈ SỐ GIÁ VÀNG</b>	<b>200,27</b>	<b>132,18</b>	<b>121,47</b>	<b>103,81</b>	<b>122,95</b>
<b>CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ</b>	<b>109,51</b>	<b>107,85</b>	<b>104,21</b>	<b>101,15</b>	<b>105,24</b>

(\*) Nhóm này bao gồm: Tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng



# CÔNG NGHIỆP ĐIỆN TỬ VIỆT NAM ĐANG ĐỨNG TRƯỚC NHIỀU CƠ HỘI LỚN

Thu Hường

Công nghiệp điện tử là ngành sản xuất có vị trí then chốt trong nền kinh tế, chiếm tỷ trọng khoảng 18% toàn ngành công nghiệp và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sản xuất công nghiệp và xuất khẩu. Theo các chuyên gia kinh tế, công nghiệp điện tử Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội để gia tăng giá trị, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu.

## Sự phục hồi mạnh mẽ của ngành điện tử và linh kiện

Ngành Công nghiệp điện tử của Việt Nam hình thành chậm nhưng có tốc độ tăng trưởng khá nhanh qua các năm và ngày càng đóng vai trò quan trọng hơn trong sản xuất công nghiệp và xuất khẩu của nền kinh tế.

Số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy đang có sự phục hồi mạnh mẽ của ngành điện tử và linh kiện. Trong đó, điện tử, máy tính và linh kiện là nhóm hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam trong nhiều năm trở lại đây. Năm 2023, xuất khẩu điện tử, máy tính và linh kiện đứng thứ nhất trong 7 nhóm hàng đạt kim ngạch trên 10 tỷ USD của Việt Nam (Điện tử, máy tính và linh kiện đạt 57,3 tỷ USD; điện thoại và linh kiện đạt 52,4 tỷ USD; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác đạt 43,1 tỷ USD; dệt may đạt 33,3 tỷ USD; giấy dếp đạt 20,2 tỷ USD; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 13,5 tỷ USD; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 14,2 tỷ USD).



Tỷ trọng giá trị xuất khẩu của mặt hàng điện tử, máy tính và linh kiện liên tục tăng lên trong những năm qua. Nếu như năm 2011, xuất khẩu điện tử, máy tính và linh kiện mới chỉ chiếm 4,8% tổng kim ngạch xuất khẩu thì đến năm 2015 tỷ trọng đã gấp 2 lần, chiếm 9,6% và luôn duy trì mức trên 10% từ đó đến nay (năm 2016 chiếm 10,7%; năm 2017 chiếm 12,2%; năm 2018 chiếm 12,1%; năm 2019 chiếm 13,7%; năm 2020 chiếm 15,8%; năm 2021 chiếm 15,1%; năm 2022 chiếm 15% và năm 2023 chiếm 16,2%).

Trong giai đoạn từ 2011 đến 2023, nhóm hàng điện tử, máy tính và linh kiện liên tục đạt tốc độ tăng trưởng cao: Năm 2011 tăng 29,9%; năm 2012 tăng 68,4%; năm 2013 tăng 35,5%; năm 2014 tăng 7,5%; năm 2015 tăng 36,5%; năm 2016 tăng 21,5%; năm 2017 tăng 38,6%; năm 2018 tăng 12,5%; năm 2019 và năm 2020 cùng tăng 22,8%; năm 2021 tăng 13,5%; năm 2022 tăng 9,7% và năm 2023 ước tính tăng 3,2%. Bình quân cả giai đoạn 2011-2023 tăng 23,8%.

Tăng trưởng mạnh mẽ của nhóm hàng điện tử, máy tính

và linh kiện đã góp phần đưa giá trị kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng này vượt lên trở thành nhóm hàng xuất khẩu chủ lực lớn nhất của Việt Nam vào năm 2023, đạt 57,3 tỷ USD, vượt qua điện thoại và linh kiện đạt 52,4 tỷ USD.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2024, hoạt động xuất, nhập khẩu tiếp tục có dấu hiệu khởi sắc mạnh mẽ. Tính chung năm tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 305,53 tỷ USD, tăng 16,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 15,2%; nhập khẩu tăng 18,2%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 8,01 tỷ USD.

Trong năm tháng đầu năm 2024, có 26 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 90,0% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 7 mặt hàng xuất khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 65,3%). Trong đó, kim ngạch xuất khẩu điện tử, máy tính và linh kiện ước đạt hơn 27,3 tỷ USD, tăng 33,4% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức tăng cao trong nhóm các mặt hàng có giá trị xuất khẩu dẫn đầu.

Các thị trường xuất khẩu lớn của nhóm hàng này là chủ yếu vẫn là EU, Hoa Kỳ, Trung Quốc. Tổng cục Thống kê dự báo, xuất khẩu điện tử, máy tính và linh kiện tiếp tục tăng trưởng mạnh trong năm 2024.

Có thể nói, xuất khẩu điện tử, máy tính và linh kiện đã trở thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, tạo công ăn việc làm, nâng cao đời sống thu nhập cho người lao động, trực tiếp làm tăng giá trị sản xuất, tác động lan tỏa đến phát triển các ngành liên quan, nâng cao trình độ lao động, nâng cao trình độ sản xuất trong nước nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường quốc tế. Bên cạnh đó, tăng trưởng kim ngạch trong xuất khẩu điện tử, máy tính và linh kiện đã bổ sung nguồn thu ngoại tệ cho ngân sách, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, tạo động lực cho việc tiếp tục mở rộng sản xuất kinh doanh cũng như thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước.

**Cơ hội cho ngành công nghiệp điện tử Việt Nam**

Nhận định về những cơ hội cho ngành công nghiệp điện tử Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp Điện tử Việt Nam (VEIA) cho biết,

từ đầu năm 2023 đến nay đã có nhiều hãng lớn, doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng công nghiệp điện tử đã dịch chuyển từ thị trường nước ngoài vào Việt Nam, tìm kiếm nhà máy sản xuất và triển khai chuỗi cung ứng.

Bộ Công Thương cũng cho biết, nhiều tập đoàn lớn trên thế giới thông báo sẽ tham gia vào Việt Nam như: Walmart, Amazon, Boeing, Carrefour, Central Group; Coppel (Mexico), IKEA (Thụy Điển); Aeon, Uniqlo (Nhật Bản)... Tập đoàn Apple của Mỹ đã hoàn tất việc chuyển 11 nhà máy sản xuất các thiết bị nghe nhìn vào Việt Nam; tập đoàn Intel mở rộng giai đoạn 2 nhà máy kiểm định chip tại TP.Hồ Chí Minh với tổng trị giá đầu tư tới 4 tỉ USD hay tập đoàn Lego của Đan Mạch đầu tư xây dựng nhà máy ở Bình Dương tổng vốn 1 tỉ USD.

Sự xuất hiện của những tập đoàn sản xuất uy tín cho thấy, Việt Nam đang trở thành trung tâm sản xuất lớn toàn cầu. Trước đó, những doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) có mặt từ sớm tại thị trường nội địa như Intel, Samsung, LG, Qualcomm... cũng liên tục công bố mở rộng đầu tư.

Đáng chú ý nhất khi cuối năm 2023, Samsung chính thức đưa Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển (R&D) tại Hà Nội vào hoạt động - đây là trung tâm R&D lớn nhất tại khu vực Đông Nam Á của tập đoàn này trong kế hoạch nâng tầm vị thế của Việt Nam vượt qua vai trò là cứ điểm sản xuất toàn cầu. Hiện Samsung đã dịch chuyển toàn bộ dây chuyền sản xuất điện thoại của tập đoàn về Việt Nam và Ấn Độ. Khoảng 60% sản lượng điện thoại thông minh của Samsung bán ra trên thế giới được sản xuất tại Việt Nam.

Các sản phẩm máy vi tính và linh kiện điện tử ngày càng đa dạng hóa sản phẩm theo nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Đồng thời, cơ cấu xuất khẩu sản phẩm điện tử có sự chuyển biến tích cực, tăng tỷ trọng của nhóm hàng nguyên chiếc và bán thành phẩm. VEIA nhận định, đây là những tín hiệu tốt, cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam có thể tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu, gia tăng giá trị nội địa để đóng góp nhiều hơn vào chuỗi cung ứng.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng có cơ hội tăng cường xuất khẩu sang các thị trường khó tính và một số thị trường mới do sự điều chỉnh chuỗi cung ứng. Hiệp hội doanh nghiệp điện tử Việt Nam cho biết, thời gian gần đây, Việt Nam đã tiếp nhận nhiều đoàn doanh nghiệp đến từ các nước châu Âu, Đông Âu (cũ), Nga... mời gọi xúc tiến đầu tư và xuất khẩu sản phẩm sang các thị trường này.

Xu hướng dịch chuyển đầu tư và sản xuất đang tạo cơ hội cho Việt Nam tăng cường thu hút đầu tư FDI lớn và chất lượng trong ngành công nghiệp điện tử, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất, sản xuất chip. Minh chứng là hãng sản xuất chip Amkor vừa gia tăng mức đầu tư vào thị trường Việt Nam. Ngoài ra, một số doanh nghiệp sản xuất chip trong chuỗi cung ứng của một "ông lớn" công nghệ khác cũng đang xem xét nghiên cứu, tìm vị trí đặt nhà máy...

Thêm vào đó, các nước đang thúc đẩy liên kết kinh tế song phương và đa phương với Việt Nam cũng như phê chuẩn các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới CPTPP và EVFTA, tạo thuận lợi hơn cho thương mại và đầu tư trong các ngành công nghệ cao, đặc biệt là điện tử. Theo

Theo các chuyên gia, doanh nghiệp điện tử Việt Nam đang đứng trước cơ hội rất lớn để tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Việt Nam đã thu hút được những tập đoàn điện tử lớn trên thế giới đến đầu tư như Samsung, LG, Intel, Canon... và hoàn toàn có thể trở thành trung tâm sản xuất các sản phẩm điện tử của khu vực.

VEIA, mặc dù xuất khẩu sang các thị trường trên có mức thuế thấp từ 0-5% nhưng việc ký kết các hiệp định thương mại này sẽ tạo điều kiện để các "ông lớn" công nghệ đầu tư các công nghệ có chất lượng hơn vào Việt Nam, kéo theo cơ hội tham gia chuỗi cung ứng cho các doanh nghiệp Việt. Đây là cơ hội để các doanh nghiệp Việt Nam mở rộng, nâng cao vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Để chủ động và phát triển nhanh, bền vững cho ngành công nghiệp điện tử hiện nay, Cục Công nghiệp cho rằng, cần tập trung hỗ trợ một số doanh nghiệp triển vọng của Việt Nam trong lĩnh vực điện tử nhằm tạo cơ hội cho các doanh nghiệp này phát triển, đóng vai trò dẫn dắt thị trường điện tử trong nước.

Tuy nhiên, các chuyên gia cũng khuyến nghị, để vào được chuỗi sản xuất của các "ông lớn" cần các giải pháp hỗ trợ từ phía các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp; sự quan tâm đầu tư, xem xét ưu đãi hỗ trợ đối với các doanh nghiệp trong các công đoạn nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm sản phẩm và các chương trình xúc tiến thương mại; rà soát, hoàn thiện chính sách pháp luật, đặc biệt là quy định cụ thể về hàng hóa xuất xứ Việt Nam; thực hiện các giải pháp nhằm mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu. Bên cạnh đó, cần bồi dưỡng, đào tạo nâng cao chất lượng cho nguồn nhân lực, có chiến lược cạnh tranh, tham gia nhiều hơn nữa trong chuỗi giá trị toàn cầu.../.







# TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TẠI VIỆT NAM

**ThS. Phạm Thị Mai Duyên**  
Đại học Bách khoa Hà Nội

Phát triển năng lượng tái tạo đang là xu thế tất yếu trên thế giới hiện nay. Với sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, nhu cầu điện liên tục tăng cao, Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi sang năng lượng tái tạo. Theo nhận định của các chuyên gia, Việt Nam có tiềm năng lớn để phát triển năng lượng tái tạo và hiện đang dẫn đầu Đông Nam Á về công suất lắp đặt điện mặt trời.

## Tiềm năng và cơ hội

Với những ưu thế về địa lý, khí hậu, Việt Nam được đánh giá là quốc gia có tiềm năng lớn để phát triển nguồn năng lượng tái tạo (NLTT), có khả năng thay thế nguồn năng lượng hóa thạch, giảm thiểu tác động tới môi trường, đặc biệt là năng lượng gió và năng lượng mặt trời.

Hiện nay, năng lượng gió tại Việt Nam có điện gió trên bờ và điện gió ngoài khơi. Về điện gió trên bờ, thống kê của Hiệp hội năng lượng sạch Việt Nam cho thấy, tổng tiềm năng điện gió

trên bờ khá lớn 221.000 MW, tuy nhiên chủ yếu là tiềm năng gió thấp (4,5-5,5 m/s) - khoảng 163.000 MW. Mặc dù chi phí đầu tư nguồn điện gió sẽ giảm trong tương lai, nhưng trong giai đoạn đến năm 2045, chỉ các khu vực gió cao (trên 6 m/s) và trung bình (5,5-6 m/s) mới có thể khả thi về mặt kinh tế. Tổng tiềm năng của khu vực gió cao khoảng 30.000 MW và gió trung bình là 30.000 MW. Tiềm năng này chủ yếu tập trung tại Tây Nam Bộ, Tây Nguyên và Nam Trung Bộ. Đặc biệt ở khu vực Tây Nam Bộ, quy mô đăng ký các dự án điện gió

ngoài khơi rất lớn, tổng công suất lên tới khoảng 20.000 MW. Các dự án này nằm ở khu vực có độ sâu đáy biển không lớn (nhỏ hơn 20 m), có tốc độ gió khoảng 6,5 m/s, chi phí đầu tư nằm giữa gió trên bờ và gió ngoài khơi, nên được coi là điện gió gần bờ.

Về điện gió ngoài khơi, khu vực có độ sâu đáy biển trên 20m: Tổng quy mô tiềm năng kỹ thuật của điện gió ngoài khơi khoảng 165.000 MW, khu vực gió cao và có tiềm năng kinh tế tốt nằm ở Nam Trung Bộ (Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định)

với tổng tiềm năng khoảng 80.000 MW (tốc độ gió trên 7-9 m/s), các khu vực còn lại ở Trà Vinh, Hà Tĩnh và Quảng Ninh có tốc độ gió thấp hơn (chỉ 6-7m/s).

Đối với điện năng mặt trời, tổng tiềm năng kỹ thuật của điện mặt trời rất lớn, lên tới 914.000 MW (837.000 MW là tiềm năng mặt đất và 770.00 MW là tiềm năng mặt nước). Tuy nhiên, nếu xét về điều kiện khả năng xây dựng, tiềm năng kinh tế theo từng tỉnh thì tổng quy mô tiềm năng có thể phát triển của điện mặt trời toàn quốc khoảng 386.000 MW, tập trung chủ yếu tại miền Nam, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Tổng tiềm năng điện mặt trời mái nhà toàn quốc lên tới 48.000 MW, trong đó chủ yếu nằm ở khu vực miền Nam là khoảng 22.000 MW.

Đối với thủy điện, tiềm năng kinh tế - kỹ thuật thủy điện vừa và lớn tại Việt Nam khoảng 75-80 tỷ kWh, tương đương khoảng 23.000-25.000 MW công suất đặt. Hiện nay, tiềm năng nguồn thủy điện vừa và lớn đã được khai thác gần hết. Tổng công suất thủy điện vừa và lớn có thể đưa vào tiềm năng phát triển tăng thêm (kể cả các nhà máy mở rộng) là khoảng 55.00 MW. Về các nguồn thủy điện nhỏ, tổng công suất có tiềm năng phát triển tăng thêm là khoảng 11.400 MW.

Ngoài ra, Việt Nam còn có nguồn sinh khối và NLTT khác như khí sinh học, sóng biển, thủy triều, hải lưu... Hiện, điện sinh khối có khoảng 378 MW, điện bã mía đang hoạt động cấp điện đồng phát cho các nhà máy đường đồng thời phát điện lên lưới, khoảng 100 MW điện trấu và khoảng 70 MW điện gỗ đang ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Quy mô tiềm năng phát triển của điện sinh khối khoảng 5.000 - 6.000 MW, nguồn rác thải khoảng 1.700 MW, nguồn địa nhiệt 460 MW.

Để hiện thực hóa chiến lược phát triển phát triển năng lượng sạch, thời gian qua, Việt Nam đã ưu tiên đầu tư và sử dụng năng lượng tái tạo, đồng thời khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia vào việc phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo. Đặc biệt 5 năm gần đây, đầu tư cho năng lượng tái tạo, trong đó, điện gió và điện mặt trời ở Việt Nam phát triển vượt bậc. Năm 2023, tổng công suất các nhà máy điện tái tạo và thủy điện đạt gần 45.000 MW, chiếm 55,6% tổng công suất hệ thống điện Việt Nam (79.000MW), trong đó điện gió là 4.864MW, điện mặt trời mái nhà khoảng 8.600MW, điện mặt trời trang trại trên 9.000MW, thủy điện trên 22.000MW, điện sinh khối 385MW. Hệ thống điện Việt Nam có quy mô lớn nhất khu vực Đông Nam Á và đứng trong top 10 quốc gia có công suất lắp đặt điện mặt trời cao nhất trên thế giới.

#### **Dẫn đầu ASEAN về năng lượng mặt trời**

Theo báo cáo của tổ chức nghiên cứu năng lượng Ember Climate, năng lượng mặt trời là nguồn điện tăng trưởng nhanh nhất trong năm 2023. Nó đã đứng vị trí đầu trong 19 năm liên tiếp. Chỉ tính riêng trong năm 2023, điện năng lượng mặt trời đã tạo ra sản lượng gấp đôi so với với điện than.

Khu vực ASEAN đang hướng đến các mục tiêu tham vọng, đạt 23% tổng năng lượng sơ cấp từ năng lượng tái tạo vào năm 2025 và 35% tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng công suất lắp đặt. Trong đó, Việt Nam là thị trường đáng chú ý. Việt Nam được xác định là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng năng lượng tái tạo của khu vực trong những năm qua. Chỉ riêng Việt Nam đã đóng góp 69% tổng sản lượng điện mặt trời

và gió trong khu vực vào năm 2022. Ember Climate đánh giá, môi trường chính sách thuận lợi là nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ năng lượng điện mặt trời của Việt Nam trong những năm gần đây.

Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi sang năng lượng tái tạo, trong bối cảnh nhu cầu điện của cả nước tiếp tục tăng do tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, dự kiến từ 5-7% mỗi năm trong những năm tới. Hiệp hội năng lượng sạch Việt Nam cho biết, trong năm 2023, tổng công suất sản xuất năng lượng tái tạo của Việt Nam đạt 21,6 GW. Tuy nhiên, nhu cầu năng lượng cao kết hợp với thời tiết nắng nóng khắc nghiệt, hạn hán và mực nước thủy điện thấp đang gây ra các đợt mất điện, ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt.

Theo Quy hoạch điện VIII, Việt Nam đang hướng tới loại bỏ dần sản xuất điện than vào năm 2050 và tăng công suất lắp đặt điện mặt trời từ 23% năm 2022 lên 34%. Quy hoạch điện cũng dự báo mức lưu trữ năng lượng sẽ tăng lên 300 MWh vào năm 2030 và 26 GWh vào năm 2050. Việt Nam cũng đặt mục tiêu một nửa các tòa nhà dân cư, thương mại và công nghiệp sẽ sử dụng điện mặt trời mái nhà.

**“Quy hoạch Điện VIII dự báo Việt Nam sẽ đạt được mức tăng trưởng GDP 7% mỗi năm trong giai đoạn 2021 đến 2030. Cùng với đó, dự kiến nhu cầu tiêu thụ điện của khu vực thương mại sẽ đạt khoảng 335 tỷ kWh vào năm 2025 và khoảng 505,2 tỷ kWh vào năm 2030”**

*(Xem tiếp trang 39)*

# PHÁT TRIỂN BƯU CHÍNH THÀNH MỘT TRONG CÁC HẠ TẦNG THIẾT YẾU CỦA QUỐC GIA

Minh Huyền



Phát triển mạng bưu chính một cách đồng bộ, hiện đại để gắn kết giữa thế giới thực và không gian số, trở thành một trong những hạ tầng thiết yếu của quốc gia và của nền kinh tế số được xác định là một trong bốn hợp phần quan trọng của hạ tầng thông tin và truyền thông, được Chính phủ ưu tiên và dành chính sách phát triển.

## Khẳng định vai trò là một trong những trụ cột của nền kinh tế số

Năm 2023, công cuộc chuyển đổi số (CĐS) quốc gia với mục tiêu kép là: Vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số lớn mạnh của Việt Nam để vươn ra thế giới ngày càng được lan tỏa sâu, rộng trên phạm vi toàn quốc, không để ai bị bỏ lại phía sau trong công cuộc chuyển đổi số (CĐS) toàn dân, toàn diện đã đạt được những kết quả tích cực. Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số chiếm tới 16,5% trong tổng sản phẩm (GDP); trong đó, hệ thống bưu chính Việt Nam có sự chuyển dịch mạnh mẽ với sự bùng nổ của thương mại điện tử, góp phần thúc đẩy kinh tế số. Mạng bưu chính ngày càng giữ vai trò quan trọng, đảm bảo sự ổn định, liên mạch của dòng chảy hàng hóa và dần trở thành hạ tầng quan trọng của kinh tế số cũng như chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Theo Xếp hạng Chỉ số tích hợp phát triển bưu chính (2IPD) năm 2023 của Liên minh Bưu chính thế giới (UPU), Bưu chính Việt Nam thăng 1 hạng từ nhóm 5 năm 2022 lên nhóm 6 trên tổng số 10 nhóm (nhóm 10 là nhóm có cấp bậc cao nhất) và tăng 4,5 điểm

2IPD do Liên minh Bưu chính Quốc tế (UPU) đưa ra nhằm đánh giá hiệu quả, năng lực hoạt động Bưu chính của các quốc gia dựa trên đánh giá điểm hiệu suất chuẩn (từ cấp độ 1 đến cấp độ 10) theo 4 tiêu chí của sự phát triển Bưu chính: Độ tin cậy, khả năng tiếp cận, tính phù hợp và khả năng phục hồi.

Chỉ số 2IPD cung cấp một cái nhìn tổng quan về sự phát triển Bưu chính trên toàn cầu. Việc tính toán 2IPD bắt nguồn từ tích hợp dữ liệu lớn Bưu chính, số liệu thống kê và các cuộc khảo sát chính của UPU. Sự phong phú của quá trình hợp nhất dữ liệu làm cho 2IPD trở thành phép đo toàn diện nhất đối với các dịch vụ Bưu chính trên quy mô toàn cầu. Ngoài việc tiết lộ hiệu suất tương đối của các nhà khai thác Bưu chính trên toàn thế giới, 2IPD làm sáng tỏ cách thúc đẩy sự phát triển Bưu chính và tối đa hóa hiệu quả của cơ sở hạ tầng Bưu chính.



so với năm 2022. Việc nâng cao thứ hạng ZIPD đã cho thấy thành quả đến từ hoạt động kiên toàn tổ chức sản xuất, thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và thị trường của ngành Bưu chính Việt Nam.

Chỉ trong vòng 5 năm (2018-2022), số lượng doanh nghiệp bưu chính đã tăng nhanh từ con số 410 lên hơn 800 doanh nghiệp. Thị trường bưu chính Việt Nam hiện đang trở thành mảnh đất màu mỡ, thu hút nhiều doanh nghiệp trong nước và quốc tế tham gia khai thác thị trường và tìm kiếm lợi nhuận. Sản lượng bưu chính năm 2023 ước đạt 2,5 tỷ bưu gửi, tăng 32,3% so với năm 2022; có 17,5 triệu lượt tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. Đáng nói là, 100% sản phẩm OCOP cung cấp trên sàn thương mại điện tử do doanh nghiệp bưu chính Việt Nam sở hữu đều được truy xuất nguồn gốc. Bưu chính Việt Nam đã khẳng định được uy tín, nhận được sự tin nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Đặc biệt, sản lượng bưu gửi vận chuyển và phát thư, gói, kiện tài liệu; tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước qua mạng bưu chính (KT1) phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước ước đạt 3,96 triệu bưu gửi, tăng khoảng 7,8% so với cùng kỳ năm 2022 (3,67 triệu bưu gửi).

Giai đoạn 2020-2023, doanh thu Bưu chính Việt Nam tăng mạnh, từ 36,95 nghìn tỷ đồng năm 2020 lên 58,9 nghìn tỷ đồng năm 2023, tăng 9,3% so với năm 2022. Theo dự báo, doanh thu lĩnh vực bưu chính dự kiến sẽ đạt 64,8 nghìn tỷ đồng trong năm 2024 và gần gấp đôi năm 2020 với 71 nghìn tỷ đồng vào năm 2025. Theo đó, lĩnh vực Bưu chính

đóng góp vào ngân sách nhà nước 5,7 nghìn tỷ đồng năm 2023, tăng 0,5% so với năm 2022 và đạt 140% kế hoạch của năm. Dự kiến đến năm 2025, lĩnh vực bưu chính có thể đóng góp vào ngân sách nhà nước 6,8 nghìn tỷ đồng.

Trong sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử với vai trò trụ cột của kinh tế số không thể không nhắc đến những đóng góp quan trọng của mạng bưu chính. Trong tổng số 58,9 nghìn tỷ đồng doanh thu của thị trường bưu chính Việt Nam năm 2023, ước tính doanh thu dịch vụ gói, kiện hàng thương mại điện tử đạt hơn 38.000 tỷ đồng, chiếm khoảng 64%; sản lượng gói, kiện thương mại điện tử là 1,84 tỷ trên tổng số 2,5 tỷ kiện hàng, chiếm khoảng 75%. Với sự xuất hiện của thương mại điện tử, doanh thu, sản lượng dịch vụ bưu chính tăng trưởng nhanh trong giai đoạn 2019-2023 (trung bình trên 20%/năm). Doanh thu, sản lượng dịch vụ gói, kiện tăng trưởng nhanh hơn tốc độ tăng trưởng dịch vụ bưu chính (khoảng 1,5 lần), đang chiếm tỷ trọng chủ yếu trong dịch vụ bưu chính (khoảng 76%) và đang có xu hướng tiếp tục tăng (năm 2023 ước khoảng trên 90%). Thống kê cho thấy, hầu hết các doanh nghiệp bưu chính trong top 10 doanh nghiệp bưu chính có thị phần sản lượng lớn nhất đều là các doanh nghiệp đang tham gia vận chuyển hàng hóa cho các sàn thương mại điện tử. Qua đó có thể thấy vai trò động lực thúc đẩy qua lại giữa mạng bưu chính Việt Nam và thương mại điện tử nói riêng, phát triển kinh tế số nói chung; trong đó, thương mại điện tử đóng vai trò quan trọng, chủ yếu trong sự tăng trưởng của doanh thu dịch vụ bưu chính.

## **Bưu chính trở thành hạ tầng thiết yếu của quốc gia**

Xác định vai trò quan trọng của lĩnh vực bưu chính trong bức tranh tổng thể chuyển đổi số quốc gia, kinh tế số và thực hiện các mục tiêu tăng trưởng đất nước, Việt Nam đã dành nhiều chính sách ưu tiên, tạo động lực thúc đẩy phát triển, trong đó phải kể đến Chiến lược phát triển Bưu chính Việt Nam đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 (Chiến lược).

Chiến lược xác định một trong các quan điểm, phát triển bưu chính thành một trong các hạ tầng quan trọng, thiết yếu của quốc gia. Hạ tầng bưu chính được sử dụng để cung ứng các sản phẩm, dịch vụ bưu chính và các sản phẩm, dịch vụ khác; tham gia phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp khẩn cấp, trong đó lấy mạng bưu chính công cộng làm nòng cốt. Phát triển lĩnh vực bưu chính một cách toàn diện, đồng bộ, hiệu quả trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại và huy động tối đa các nguồn lực xã hội. Xây dựng, phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng bảo đảm tính gắn kết giữa hạ tầng mạng lưới, hạ tầng số và hạ tầng dữ liệu, trong đó lấy nền tảng số làm giải pháp đột phá. Đồng thời, phát triển bưu chính theo hướng mở rộng hệ sinh thái dịch vụ, mở rộng không gian hoạt động mới; khai thác tốt thị trường trong nước từ đó vươn ra thị trường quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực bưu chính. Doanh nghiệp bưu chính phát triển theo hướng thành doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới. Bảo đảm mọi người dân trên cả nước đều có quyền được tiếp cận và sử dụng dịch vụ bưu chính phổ cập thường xuyên, ổn định, với chất lượng và giá cước

hợp lý. Minh bạch, đơn giản hóa thủ tục hành chính nhằm tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh; tạo điều kiện để doanh nghiệp bưu chính thuộc các thành phần kinh tế phát triển.

Mục tiêu đến năm 2025, thị trường bưu chính có tốc độ tăng trưởng trung bình của dịch vụ bưu chính phục vụ thương mại điện tử đạt tối thiểu 30%; tối thiểu 50 bưu gửi/đầu người/năm; số dân phục vụ bình quân trên 01 điểm phục vụ bưu chính xấp xỉ 3,7 nghìn người; phát triển tối thiểu 3 doanh nghiệp bưu chính lớn dẫn dắt thị trường. Phát triển hạ tầng bưu chính bao gồm: Hạ tầng mạng lưới, hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu; trong đó: Mạng lưới bưu chính có 27 nghìn điểm phục vụ; 100% xã có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ và có kết nối Internet; 100% hộ gia đình có Địa chỉ số; 100% doanh nghiệp bưu chính thực hiện báo cáo trực tuyến... Bưu chính Việt Nam tham gia thúc đẩy Chính phủ số, xã hội số, kinh tế số nông nghiệp, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ bưu chính công ích của người dân; nâng cao thứ hạng quốc gia, đưa Việt Nam thuộc nhóm 40 nước dẫn đầu theo đánh giá xếp hạng của Liên minh Bưu chính Thế giới (UPU).

Bên cạnh đó, lần đầu tiên Việt Nam có một bản quy hoạch tổng thể hạ tầng TT&TT, với định hướng phát triển thành hạ tầng thế hệ mới, đồng bộ các hợp phần, tạo dựng sự phát triển hài hòa, bền vững giữa các vùng và địa phương. Trong đó, quy hoạch theo hướng mở rộng, đưa mạng bưu chính thành hạ tầng thiết yếu của kinh tế số Việt Nam là một trong bốn hợp phần quan trọng của Quy hoạch này. Định hướng phát triển mạng bưu chính đồng bộ, hiện đại, gắn kết giữa thế giới thực và thế giới số, trở thành một trong những hạ tầng thiết yếu của quốc gia và của nền kinh tế số. Đồng thời, quy hoạch mạng bưu chính có tính dự phòng nhằm bảo đảm chuỗi cung ứng toàn vẹn, không đứt gãy trong mọi trường hợp khẩn cấp.

Phát triển mạng bưu chính đến năm 2025, bên cạnh các yêu cầu đặt ra trong Chiến lược, Quy hoạch đặt yêu cầu: Hình thành mạng bưu chính công cộng cấp quốc gia gồm các Trung tâm Bưu chính khu vực (MegaHub) và Trung tâm Bưu chính vùng (Hub); kết nối các Trung tâm Bưu chính khu vực và giữa các Trung tâm Bưu chính khu vực đến Trung tâm Bưu chính vùng; chú trọng thúc đẩy, định hướng chia sẻ hạ tầng mạng bưu chính

công cộng với các doanh nghiệp bưu chính; tổng năng lực khai thác phục vụ của mạng bưu chính đạt trên 93.000 tấn bưu gửi/ngày, thời gian giao hàng liên tỉnh và quốc tế (phần xử lý giữa các trung tâm) tối đa 5 ngày, thời gian giao hàng nội vùng tối đa 2 ngày. Hình thành 3 Trung tâm Bưu chính khu vực trên cả nước bảo đảm năng lực khai thác bình quân đạt trên 11.000 tấn bưu gửi/ngày; phạm vi phục vụ bình quân 350 km. Hình thành 14 Trung tâm Bưu chính vùng trên cả nước bảo đảm năng lực khai thác bình quân trên 4.500 tấn bưu gửi/ngày; phạm vi phục vụ bình quân 115 km.

Yêu cầu phát triển đến năm 2030: Xây dựng 3 - 5 Trung tâm Bưu chính khu vực trên cả nước, năng lực khai thác bình quân của Trung tâm Bưu chính đạt trên 15.750 tấn bưu gửi/ngày; Căn cứ theo nhu cầu phát triển, xây dựng mới các Trung tâm Bưu chính vùng theo Quy hoạch, nâng cấp từ 1 - 2 Trung tâm Bưu chính vùng trở thành Trung tâm Bưu chính khu vực; Các Trung tâm Bưu chính vùng có năng lực khai thác bình quân trên 5.000 tấn bưu gửi/ngày.

Phương án phát triển đối với mạng bưu chính công cộng gồm các Trung tâm Bưu chính khu vực và các Trung tâm Bưu chính vùng; Quy hoạch mạng bưu chính cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bảo đảm bán kính phục vụ bình quân của mạng bưu chính công cộng tối đa 3 km/điểm phục vụ; 100% xã có điểm phục vụ có người phục vụ. Đối với mạng bưu chính KT1, hiện đại hóa, tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh cho mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước; đồng thời triển khai phương án chuyển phát trong tình huống khẩn cấp theo quy định của pháp luật./.



# CƠ HỘI LỚN ĐỂ DOANH NHÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN SỨ MỆNH TRONG THỜI KỲ MỚI

TS. Hà Thị Dáng Hương  
Đại học Bách khoa Hà Nội

Để phát huy sức mạnh của đội ngũ doanh nhân Việt Nam, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, an toàn, bình đẳng để doanh nghiệp phát triển và cống hiến, ngày 10/10/2023, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 41-NQ/TW về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới. Nghị quyết 41 là kim chỉ nam để các doanh nhân xác định hướng đi và thực hiện sứ mệnh trong thời kỳ mới.



Thủ tướng Phạm Minh Chính trò chuyện với các doanh nhân, đại biểu tham dự buổi gặp mặt chiều 11/10/2023 - Ảnh: VGP/Nhật Bắc

## **Đội ngũ doanh nhân Việt Nam phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng**

Đội ngũ doanh nhân là lực lượng có vai trò quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xây dựng đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có năng lực, trình độ và phẩm chất, uy tín cao, sẽ góp phần tích cực nâng cao chất lượng, hiệu quả,

sức cạnh tranh, phát triển nhanh, bền vững và bảo đảm độc lập, tự chủ của nền kinh tế.

Với mục tiêu xây dựng đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có đủ năng lực, trình độ để lãnh đạo, quản lý các doanh nghiệp hoạt động có chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh cao, liên kết chặt chẽ, tham gia tích cực vào mạng sản xuất, chuỗi giá trị trong nước và toàn cầu,

ngày 09/12/2011 Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TW về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Sau hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, đội ngũ doanh nhân Việt Nam phát triển mạnh mẽ cả về số lượng



và chất lượng, kế thừa truyền thống yêu nước, nêu cao ý chí tự lực, tự cường, tinh thần cống hiến cho dân tộc; ngày càng khẳng định vai trò, đóng góp quan trọng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Theo thống kê của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI, tính đến cuối năm 2023, cả nước có gần 900.000 doanh nghiệp đang hoạt động, khoảng 14.400 hợp tác xã và hơn 5 triệu hộ kinh doanh, khu vực doanh nghiệp đóng góp hơn 60% GDP, khoảng 30% tổng số lao động đang làm việc. Với số lượng doanh nghiệp lớn mạnh, Việt Nam có đội ngũ doanh nhân là lãnh đạo doanh nghiệp đạt con số 2 tới 3 triệu người, nếu tính tất cả những người làm kinh doanh, những hộ kinh doanh cá thể thì đội ngũ doanh nhân có thể đạt tới 10 triệu người. Các doanh nghiệp, doanh nhân có mặt ở hầu hết các địa phương, ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh tạo một nguồn nhân lực đặc biệt, đóng vai trò quan trọng trong thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập của nước Việt Nam thời kỳ mới.

Cùng với sự tăng lên về số lượng, đội ngũ doanh nhân và cộng đồng doanh nghiệp còn trưởng thành cả về chất lượng. Năng lực quản trị, trình độ kiến thức, kỹ năng kinh doanh và chuyên môn của doanh nhân Việt Nam ngày càng nâng cao, năng lực và khả năng hội nhập quốc tế cũng có bước tiến rõ nét. Nhiều doanh nghiệp, doanh nhân đã gây được tiếng vang, khẳng định giá trị thương hiệu vươn tầm ra khu vực và thế giới, góp phần đưa thương hiệu Việt ra toàn cầu và nâng cao vị thế nước ta trên trường quốc tế. Đồng thời thể hiện vai trò quan trọng

trong phát triển các ngành nghề, kinh tế - xã hội địa phương, dẫn dắt doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước cùng phát triển.

Điều đáng nói, nhiều doanh nghiệp khu vực tư nhân đã chủ động thích ứng, tiên phong đổi mới mô hình kinh doanh, đổi mới sáng tạo, đón bắt xu hướng, tham gia các ngành kinh tế mới, tạo giá trị mới, động lực mới cho tăng trưởng kinh tế, phát triển vươn tầm khu vực và thế giới, góp phần nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Trong đó, có những doanh nghiệp thể hiện vai trò quan trọng trong phát triển các ngành, địa phương, dẫn dắt doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp trong ngành phát triển như: Công ty Vinamilk, Tập đoàn THACO, FPT, Viettel, Vingroup, BRG, Tập đoàn TH...

Bên cạnh đó, đội ngũ doanh nhân Việt Nam ngày càng ý thức và quan tâm xây dựng đạo đức, văn hoá kinh doanh, thể hiện trách nhiệm xã hội thông qua việc chăm lo ngày càng tốt hơn cho người lao động, tích cực tham gia các chương trình xóa đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, chương trình vì cộng đồng, hỗ trợ Nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đặc biệt, trong các thời điểm đất nước đối mặt với những khó khăn, nhất là trong cuộc chiến chống đại dịch Covid-19 vừa qua, đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân đã nêu cao tinh thần chia sẻ, đồng hành cùng đất nước, vượt qua khó khăn, tự lực, tự cường, hỗ trợ lẫn nhau, nỗ lực thích ứng linh hoạt để duy trì sản xuất kinh doanh, tạo việc làm cho người lao động. Cộng đồng doanh nhân, doanh nghiệp đồng thời phát huy truyền thống "chia ngọt, sẻ bùi", "tương thân, tương ái", có nhiều

hoạt động hỗ trợ người dân, cộng đồng xã hội, thể hiện tinh thần trách nhiệm, nghĩa cử cao đẹp của doanh nghiệp, doanh nhân Việt Nam với đất nước, với Nhân dân.

Tuy nhiên, so với yêu cầu của thời kỳ mới, sự phát triển đội ngũ doanh nhân còn hạn chế. Phần lớn doanh nghiệp có quy mô nhỏ, sức cạnh tranh, hiệu quả hoạt động, năng lực kinh doanh, kỹ năng quản trị còn hạn chế; số doanh nghiệp quy mô lớn, có năng lực dẫn dắt các chuỗi cung ứng còn ít; tính liên kết, hợp tác, khả năng tận dụng cơ hội từ hội nhập kinh tế quốc tế và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn yếu. Một bộ phận doanh nhân có đạo đức, văn hóa kinh doanh, ý thức chấp hành pháp luật, trách nhiệm xã hội, tinh thần dân tộc chưa cao, dẫn đến vi phạm pháp luật, cấu kết với cán bộ suy thoái, chạy theo lợi ích cá nhân, gây thiệt hại cho Nhà nước, làm giảm sút niềm tin của Nhân dân.

Bên cạnh đó, một số cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp chậm được triển khai, hiệu quả chưa cao; cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh chưa đáp ứng yêu cầu; chưa quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng cho doanh nhân.

### ***Nghị quyết 41-NQ/TW - điểm tựa để phát triển doanh nghiệp Việt Nam trong thời kỳ mới***

Để tiếp tục xây dựng và phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò và sự đóng góp của đội ngũ doanh nhân trong thời kỳ mới, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 đã được Đại hội XIII của Đảng đề ra, ngày 10/10/2023, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 41-NQ/TW về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới.

Nghị quyết 41 đặt mục tiêu phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh về số lượng, chất lượng, cơ cấu hợp lý, có tầm nhìn, trí tuệ, đạo đức, tinh thần kinh doanh, làm giàu chính đáng, năng động, sáng tạo, năng lực quản trị tiên tiến, tuân thủ pháp luật, có đạo đức, văn hóa kinh doanh mang bản sắc dân tộc; có trách nhiệm xã hội, ý thức bảo vệ môi trường, đóng góp xứng đáng cho các mục tiêu phát triển đất nước.

Đến năm 2030, phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam có quy mô, năng lực và trình độ đáp ứng mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Phần đầu ngày càng có nhiều doanh nghiệp đạt tầm khu vực, một số doanh nghiệp đạt tầm thế giới; một số doanh nghiệp lớn có vai trò dẫn dắt trong các ngành, lĩnh vực then chốt; một số doanh nghiệp có vị thế, vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu, làm chủ một số chuỗi giá trị công nghiệp, nông nghiệp, có năng lực cạnh tranh quốc tế trong các ngành công nghiệp nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn.

Đến năm 2045, phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam có quy mô, năng lực và trình độ đáp ứng mục tiêu quốc gia phát triển, thu nhập cao, có vị thế, uy tín khu vực và quốc tế; một bộ phận doanh nghiệp có thương hiệu thế giới, dẫn dắt một số chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu.

Bối cảnh hiện nay được nhận định có nhiều thay đổi sâu sắc so với thời điểm Nghị quyết 09-NQ/TW được ban hành. Đó là, thế giới đang chuyển biến nhanh, phức tạp; đại dịch Covid-19 có tác động lớn tới nền kinh tế; quá trình chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ... Vai trò, vị thế của đất nước đang từng bước nâng cao, Việt Nam

đặt mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, năm 2045 trở thành nước phát triển có thu nhập cao. Bên cạnh đó, đội ngũ doanh nhân, cộng đồng doanh nghiệp đang có sự chuyển biến mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng, với khát vọng vươn lên đóng góp xứng đáng vào xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Cùng với đó, nhiều quan điểm, chủ trương của Đảng có liên quan tới doanh nhân, doanh nghiệp cần được cụ thể hóa một cách đồng bộ.

Trong bối cảnh mới đó, bên cạnh kế thừa các nhiệm vụ giải pháp của Nghị quyết 09-NQ/TW, Nghị quyết số 41-NQ/TW đã bổ sung những giải pháp mới để đáp ứng quan điểm, định hướng mục tiêu và phù hợp với bối cảnh mới.

Về quan điểm, ngoài xác định đội ngũ doanh nhân có vị trí, vai trò quan trọng như trong Nghị quyết 09, Nghị quyết 41 khẳng định rõ thêm đội ngũ doanh nhân "là một trong những lực lượng nòng cốt", góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; xây dựng và phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đồng thời, xây dựng, tôn vinh, cổ vũ đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, khát vọng cống hiến, thượng tôn pháp luật, góp phần phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Bên cạnh đó, Nghị quyết xác định việc phát huy sức mạnh của đội ngũ doanh nhân Việt Nam, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, an toàn, bình đẳng để doanh nghiệp phát triển và cống hiến là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị và đội ngũ doanh nhân gắn với quá trình

hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Nghị quyết 41-NQ/TW đề ra 7 nhóm nhiệm vụ giải pháp đồng bộ bảo đảm thực hiện các quan điểm, mục tiêu đã xác định, phù hợp với bối cảnh và tình hình mới. Đó là, đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức toàn xã hội về vị trí, vai trò của đội ngũ doanh nhân trong thực hiện mục tiêu phát triển đất nước. Hoàn thiện chính sách, pháp luật, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, an toàn, bình đẳng cho doanh nhân, doanh nghiệp phát triển và cống hiến. Phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh ngang tầm mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước trong thời kỳ mới. Xây dựng đạo đức, văn hóa kinh doanh, phát huy tinh thần dân tộc, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Tăng cường đoàn kết, hợp tác, liên kết giữa doanh nhân với công nhân, nông dân, trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phát huy vai trò của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tổ chức đại diện đội ngũ doanh nhân, doanh nghiệp. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trong xây dựng và phát huy vai trò đội ngũ doanh nhân.

Có thể nói, Nghị quyết 41 đã mang lại niềm tự hào cho đội ngũ doanh nhân khi họ được khẳng định vị thế và vai trò trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Trong bối cảnh phát triển mới thời gian tới, đây là cơ sở, căn cứ chính trị quan trọng để có các cơ chế, chính sách mới, tạo động lực để phát triển và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh

và bền vững. Nghị quyết 41 được kỳ vọng sẽ định hướng vững chắc, mở ra một giai đoạn phát triển mạnh mẽ mới cả về lượng và chất của cộng đồng các doanh nhân, doanh nghiệp Việt Nam, tạo thêm động lực và là điểm tựa để đội ngũ doanh nhân Việt Nam đủ sức cống hiến, thực hiện sứ mệnh, nhiệm vụ của mình trong thời kỳ mới.

Để Nghị quyết 41 nhanh chóng đi vào cuộc sống, thể hiện vai trò kiến tạo, điều phối theo tinh thần đồng hành, chia sẻ cùng doanh nhân, lấy doanh nhân, doanh nghiệp làm đối tượng phục vụ, tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nhân đầu tư, kinh doanh, đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ngày 09/5/2024, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 66/NQ-CP về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW. Chương trình hành động đã xác định các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để Chính phủ, các bộ ngành Trung ương và địa phương tổ chức triển khai nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị trên tinh thần đồng hành cùng doanh nhân, doanh nghiệp, lấy doanh nhân, doanh nghiệp làm đối tượng phục vụ, tạo môi trường thuận lợi để các doanh nhân đầu tư kinh doanh, đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Chương trình hành động của Chính phủ đặt mục tiêu từ nay đến năm 2030, có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp, trong đó hình thành và phát triển nhiều doanh nhân lãnh đạo các tập đoàn kinh tế mạnh, có tiềm lực, có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, phát huy vai trò mở đường dẫn dắt các ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế...

Đến năm 2045, phần đầu một số doanh nhân làm chủ các tập đoàn có khả năng dẫn dắt các chuỗi giá trị công nghiệp, nông nghiệp, tiến tới hình thành một số chuỗi giá trị của Việt Nam trong các ngành ưu tiên, có thế mạnh của đất nước. Hình thành và phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam có quy mô, năng lực và trình độ đáp ứng mục tiêu quốc gia phát triển, thu nhập cao, có vị thế, uy tín trong khu vực và trên trường quốc tế.

Để đạt được các mục tiêu trên, Chính phủ giao nhiệm vụ cụ thể cho từng Bộ, ngành, địa phương bám sát theo các nhóm nhiệm vụ được đặt ra trong Nghị quyết 41.

Có thể nói, với quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân được đẩy mạnh cùng chương trình hành động mạnh mẽ của Chính phủ; cộng đồng doanh nhân, doanh nghiệp đang đứng trước những cơ hội lớn chưa từng có để thể hiện rõ vị trí, vai trò quan trọng của mình trong xã hội và thực hiện sứ mệnh, trách nhiệm và đóng góp xứng đáng cho các mục tiêu phát triển đất nước./

## **Doanh nghiệp tận dụng các cơ hội để xuất khẩu hàng hóa**

Năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt; thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy giảm; hàng rào bảo hộ, phòng vệ thương mại gia tăng... ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu của khu vực và thế giới. Nhiều quốc gia, trong đó có các đối tác thương mại lớn của Việt Nam tăng trưởng chậm lại. Tổng cầu thế giới suy giảm, tác động trực tiếp tới các quốc gia có độ mở kinh tế lớn, trong đó có Việt Nam. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 683 tỷ USD, giảm 6,6% so với năm 2022, trong đó xuất khẩu giảm 4,4%; nhập khẩu giảm 8,9%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2023 ước tính xuất siêu 28 tỷ USD.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2023 ước đạt 355,5 tỷ USD, giảm 4,4% so với năm 2022. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 95,55 tỷ USD, giảm 0,3%, chiếm 26,9% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 259,95 tỷ USD, giảm 5,8%, chiếm 73,1%. Trong năm 2023 có 35 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 93,6% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 07 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 66%).

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu năm 2023, nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản ước đạt 4,61 tỷ USD, chiếm 1,3%; nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt 313,73 tỷ USD, chiếm 88,3%; nhóm hàng nông sản, lâm sản ước đạt 28,15 tỷ USD, chiếm 7,9%; nhóm hàng thủy sản ước đạt 9,01 tỷ USD, chiếm 2,5%. Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 96,8 tỷ USD.

Bước sang năm 2024, để thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa, các doanh nghiệp Việt Nam tích cực tìm kiếm cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu. Nhiều doanh nghiệp bên cạnh xuất khẩu vào các thị trường truyền thống cũng đang tìm kiếm, khai thác mở rộng thị trường mới, thị trường ngách. Đơn cử, tại thị trường Tunisia, Thương vụ Việt Nam tại Algeria cho biết, đây là thị trường có nhiều tiềm năng cho Việt Nam xuất khẩu với mặt hàng cà phê và nông sản. Mỗi năm, nước này có nhu cầu mua 30.000 tấn cà phê thô (chủ yếu là robusta) và 30.000 tấn gạo. Tunisia là một quốc gia nhỏ tại Bắc Phi song với vị trí thuận lợi nên Tunisia được coi là



# DOANH NGHIỆP TẬN DỤNG CÁC CƠ HỘI ĐỂ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA

ThS. Nguyễn Thúy Quỳnh - ThS. Hà Thị Kim Dung  
Đại học Công nghiệp Hà Nội

Trong những năm qua, xuất nhập khẩu hàng hóa là một trong những động lực đóng góp cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, khi Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với thế giới thì xuất nhập khẩu hàng hóa không ngừng phát triển, cùng với đó là những biến động của thị trường thế giới cũng sẽ tác động tới phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam. Do đó, để phát huy hiệu quả trong xuất khẩu hàng hóa, đòi hỏi các doanh nghiệp phải tận dụng các cơ hội để có các giải pháp xuất khẩu hàng hóa phù hợp mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

cửa ngõ để hàng hóa các nước, trong đó có Việt Nam thâm nhập thị trường châu Phi, Ả rập và khu vực Bắc Phi. Những năm qua, trao đổi thương mại giữa Việt Nam và Tunisia đã có sự tăng trưởng mạnh. Việt Nam xuất khẩu vào Tunisia các mặt hàng như: Cà phê thô, hạt tiêu, hạt điều, thủy sản, máy móc trang thiết bị, dao cạo, vải sợi... và nhập khẩu hải sản, chà là, hóa chất, đồ nhựa, quần áo, nguyên liệu làm thức ăn gia súc...

Hay Senegal cũng được đánh giá là thị trường giàu tiềm năng cho doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu gạo. Năm 2023, nhập khẩu gạo của Senegal đã đạt 1,3 triệu tấn, kim ngạch hơn 500 triệu USD.

Ngoài phục vụ thị trường trong nước, Senegal còn nhập khẩu gạo để tái xuất sang các nước láng giềng như: Mauritania, Guinea-Bissau và Gambia. Năm 2023, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường này đạt 12.392 tấn, kim ngạch 5,35 triệu USD (tăng 215%).

Hungary tuy không phải là thị trường lớn, song các doanh nghiệp Việt Nam vẫn có những cơ hội để xuất khẩu hàng hóa. Theo Thương vụ Việt Nam tại Hungary, một số mặt hàng nông sản của Việt Nam như: Hạt điều, hạt tiêu, cà phê... xuất khẩu sang Hungary chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng này của Hungary (trên 10%). Ngoài ra, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và EU đã có hiệu lực cũng được xem là những điều kiện tốt để các doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục phát triển thương mại hàng hóa và đầu tư vào thị trường này và ngược lại.

Năm 2024, cùng với sự phục hồi của thị trường thế giới, các đơn hàng xuất khẩu gia tăng khiến hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa có những khởi sắc. Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng Năm và 5 tháng năm 2024 của Tổng cục Thống kê cho thấy, 5 tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 305,53 tỷ USD, tăng 16,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 15,2%; nhập khẩu tăng 18,2%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 8,01 tỷ USD.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa 5 tháng đầu năm 2024 ước đạt 156,77 tỷ USD, tăng 15,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 43,69 tỷ USD, tăng 20,5%, chiếm 27,9% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 113,08 tỷ USD, tăng 13,3%, chiếm 72,1%. Trong 5 tháng đầu năm có 26 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD,





chiếm 90,0% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 7 mặt hàng xuất khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 65,3%).

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 5 tháng đầu năm 2024, nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản ước đạt 2,06 tỷ USD, chiếm 1,3%; nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt 137,39 tỷ USD, chiếm 87,7%; nhóm hàng nông sản, lâm sản ước đạt 13,82 tỷ USD, chiếm 8,8%; nhóm hàng thủy sản ước đạt 3,5 tỷ USD, chiếm 2,2%. Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 44,0 tỷ USD. Những kết quả đó cho thấy doanh nghiệp Việt Nam đang nỗ lực tìm kiếm và tận dụng hiệu quả cơ hội xuất khẩu hàng hóa.

**Giải pháp xuất khẩu hàng hóa trong thời gian tới**

Hàng hóa của Việt Nam đang ngày càng được ưa chuộng thông qua những nỗ lực đa dạng hóa các kênh xuất khẩu, từ đó lan tỏa giá trị của hàng Việt Nam; đồng thời giúp các doanh nghiệp Việt ngày càng mở rộng thị trường, tăng giá trị và thúc đẩy hoạt động sản xuất. Để đạt hiệu quả trong xuất khẩu hàng hóa, thời gian qua, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã quyết liệt, sát sao chỉ đạo các Bộ, ngành cùng với các địa phương triển khai nhiều giải pháp.

Bộ Công Thương tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng hiệu quả các FTA Việt Nam đã ký kết để đẩy mạnh xuất khẩu vào các thị trường lớn như EU, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, ASEAN... Đẩy mạnh khai thác các thị trường còn tiềm năng hướng đến xây dựng các khuôn khổ thương mại ổn định, lâu dài. Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với các rào cản thương mại, các biện pháp phòng vệ thương mại. Tiếp tục đổi mới các hoạt động về xúc tiến thương mại với việc tập trung vào các chương trình chuyển đổi số hoạt động xúc tiến thương mại, thương mại điện tử.

Các cơ quan thương vụ Việt Nam ở nước ngoài cũng đang tích cực phát huy vai trò hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường, tích cực thông tin, kết nối doanh nghiệp Việt Nam với thị trường tiềm năng. Bên cạnh đó, tiếp tục đi sâu, nghiên cứu, nắm vững nhu cầu, thị hiếu, yêu cầu của thị trường, đánh giá chính sách nước sở tại để kịp thời tham mưu cho Bộ Công Thương về chiến lược phát triển thị trường, kết nối giao thương.

Ngoài ra, cần tăng cường cảnh báo sớm các vụ kiện phòng vệ thương mại, hướng dẫn doanh nghiệp cách ứng phó với vụ kiện;

Nâng cao năng lực và tăng cường công tác theo dõi, nghiên cứu thị trường, dự báo, cập nhật các thay đổi về chính sách thương mại, các rào cản phi thuế quan tại các thị trường xuất khẩu. Tiếp tục chú trọng xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm, ngành hàng xuất khẩu tiềm năng của Việt Nam.

Đối với các doanh nghiệp, cần tiếp tục phát triển sản xuất, tạo nguồn cung bền vững cho xuất khẩu. Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu nhằm tăng khả năng cạnh tranh của hàng Việt Nam; Chú trọng đầu tư cho chế biến nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu. Chủ động thích ứng và vượt qua các rào cản thương mại, các biện pháp phòng vệ thương mại ở thị trường nước ngoài. Tuân thủ nghiêm túc, đầy đủ quy định, chính sách của Nhà nước, hướng dẫn của Bộ, ngành trong tổ chức sản xuất kinh doanh và hoạt động xuất nhập khẩu, bảo đảm truy xuất nguồn gốc và quy trình, quy định, yêu cầu, điều kiện của các thị trường ngoài nước. Đa dạng hóa thị trường, tránh phụ thuộc quá mức vào một khu vực thị trường, bảo đảm tăng trưởng bền vững trong dài hạn. Khai thác hiệu quả các cơ hội mở cửa thị trường từ các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế trong các Hiệp định thương mại tự do. Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo quá trình quản trị sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh của sản phẩm xuất khẩu, Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cần tích cực tìm hiểu và cập nhật thông tin, đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh nhằm đáp ứng yêu cầu khắt khe của thị trường xuất khẩu./

# GIA TĂNG GIÁ TRỊ SẢN PHẨM NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH CHO THỦY SẢN VIỆT NAM

Minh Thư

Là một trong 3 quốc gia đứng đầu thế giới về xuất khẩu thủy sản, các doanh nghiệp Việt Nam chọn hướng đi gia tăng giá trị sản phẩm chế biến để khẳng định vị thế.



## Gia tăng giá trị sản phẩm nâng cao sức cạnh tranh cho thủy sản Việt Nam

Với mục tiêu phát triển bền vững theo hướng đẩy mạnh chế biến thủy sản để mang lại giá trị kinh tế cao, những năm qua, ngành thủy sản đã không ngừng áp dụng các kỹ thuật khoa học công nghệ mới, qua đó giúp các sản phẩm chế biến thủy sản gia tăng giá trị. Hiện, nhiều doanh nghiệp thủy sản đang có sự đầu tư công nghệ, thiết bị để gia tăng các sản phẩm chế biến, gia tăng giá trị sản phẩm. Năm 2023, Việt Nam có 825 cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản đủ điều kiện tham gia Chương trình chứng nhận thủy sản xuất khẩu vào các thị trường, 842 cơ sở chế biến quy mô công nghệ, đủ điều kiện xuất khẩu ra các thị trường, 3.280 cơ sở chế biến truyền thống cung cấp nguyên liệu sản xuất nhưng không xuất khẩu.

Hiện, sản phẩm thủy sản Việt Nam đã xuất khẩu tới nhiều quốc gia trên thế giới và ngày càng

có tính cạnh tranh cao, đáp ứng yêu cầu của các thị trường, kể cả những thị trường khó tính như: Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Đông... Các sản phẩm xuất khẩu thủy sản Việt Nam đa dạng, ngoài các sản phẩm chính như: Tôm, cá tra, cá ngừ còn có các sản phẩm khác như: Cá biển, mực bạch tuộc, cua, ghẹ, nghêu...

Báo cáo kinh tế xã hội Quý IV và năm 2023 của Tổng cục Thống kê cho thấy, thủy sản phát triển khá, tập trung chuyển đổi theo hướng bền vững, khai thác đi đôi với bảo vệ nguồn lợi, áp dụng rộng rãi nuôi trồng ứng dụng công nghệ cao, đặc biệt ứng dụng mô hình công nghệ cao trong nuôi tôm thẻ chân trắng đã đem lại hiệu quả kinh tế. Năm 2023, sản lượng tôm thẻ chân trắng ước đạt 858,6 nghìn tấn, tăng 7,1% so với năm 2022. Tính chung cả năm 2023,

sản lượng thủy sản ước đạt 9.312,3 nghìn tấn, tăng 2,2% so với năm 2022. Trong đó, cá đạt 6.612,6 nghìn tấn, tăng 1,8%; tôm đạt 1.356,1 nghìn tấn, tăng 5%; thủy sản khác đạt 1.343,6 nghìn tấn, tăng 1,7%. Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu năm 2023, nhóm hàng thủy sản ước đạt 9,01 tỷ USD, chiếm 2,5%.

Những tháng đầu năm 2024, xuất khẩu thủy sản dù có những kết quả tích cực song kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều khó khăn khiến nhu cầu thủy sản thế giới còn thấp. Để tìm kiếm cơ hội vượt qua khó khăn, các doanh nghiệp thủy sản đã chủ động tìm kiếm các cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu bên cạnh những thị trường truyền thống, đồng thời tập trung phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng như: Sản xuất tôm chế biến, sản xuất



cá ngừ tập trung vào dòng sản phẩm đóng hộp...

Theo Tổng cục Thống kê, 5 tháng đầu năm 2024, sản lượng thủy sản ước đạt 3.515,2 nghìn tấn, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 2.570,1 nghìn tấn, tăng 2,4%; tôm đạt 408,5 nghìn tấn, tăng 4,3%; thủy sản khác đạt 536,6 nghìn tấn, tăng 2,2%. Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu năm tháng đầu năm 2024, nhóm hàng thủy sản ước đạt 3,5 tỷ USD, chiếm 2,2%.

Thực hiện mục tiêu xuất khẩu năm 2024, ngành thủy sản sẽ tiếp tục phát triển thủy sản nuôi biển, nuôi lồng hồ. Các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư công nghệ mới nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh cho sản phẩm thủy sản Việt Nam. Tận dụng hiệu quả từ các hiệp định FTA đã được ký kết để đa dạng hóa sản phẩm và tham gia ngày càng sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

### **Giải pháp gia tăng giá trị nâng cao sức cạnh tranh cho thủy sản Việt Nam trong thời gian tới**

Quan điểm, phát triển ngành thủy sản thời gian tới là phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản thủy sản quy mô hàng hóa lớn, hiện đại, an toàn, hiệu quả và bền vững; là trung tâm và động lực cho phát triển chuỗi giá trị thủy sản; gắn với kế hoạch thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và chiến lược phát triển ngành thủy sản; nâng cao năng lực cạnh tranh và chủ động hội nhập quốc tế để sớm đưa Việt Nam trở thành trung tâm chế biến thủy sản toàn cầu. Phát huy tối đa lợi thế nguồn nguyên liệu trong nước, hài hòa với việc mở rộng thị trường nhập khẩu nguyên liệu hợp pháp. Đầu tư, áp dụng khoa học công nghệ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là khâu đột phá trong phát triển

chế biến thủy sản. Hình thành các tập đoàn, công ty chế biến thủy sản lớn có tiềm lực kinh tế và trình độ quản lý ngang tầm thế giới. Đa dạng hóa sản phẩm, tăng tỷ trọng sản phẩm giá trị gia tăng; đẩy mạnh chế biến các sản phẩm chủ lực, sản phẩm có thương hiệu và sản phẩm chế biến từ phụ phẩm.

Đề án phát triển ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021 - 2030 theo Quyết định số 408/QĐ-TTg ngày 16/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ đưa ra mục tiêu cụ thể đến năm 2030 tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản chế biến đạt trên 6%/năm; Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm thủy sản chế biến đạt trung bình trên 40% (trong đó: tôm đạt 60%, cá tra đạt 10%, cá ngừ đạt 70%, mực và bạch tuộc đạt 30%, thủy sản khác đạt 30%); Trên 70% số lượng cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu đạt trình độ và năng lực công nghệ sản xuất từ trung bình tiên tiến trở lên; Hình thành một số tập đoàn, doanh nghiệp chế biến thủy sản hiện đại, có tiềm lực kinh tế và trình độ quản lý ngang tầm thế giới; Giá trị chế biến thủy sản tiêu thụ nội địa đạt 40.000 - 45.000 tỷ đồng. Góp phần vào giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt khoảng 14 -16 tỷ USD.

Để thực hiện mục tiêu, gia tăng giá trị, nâng cao sức cạnh tranh cho thủy sản Việt Nam trong thời gian tới cần tập trung vào các giải pháp như:

*Về phát triển khoa học công nghệ:*

- Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030 (Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ); hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng

và khả năng cạnh tranh đối với các sản phẩm quốc gia thông qua việc nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến, thành tựu của cuộc cách mạng công nghệ lần thứ Tư vào sản xuất.

- Nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ tiên tiến và áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong chế biến, bảo quản và vận chuyển thủy sản, giảm tổn thất sau thu hoạch; nghiên cứu phát triển sản phẩm mới giá trị gia tăng từ nguyên phụ liệu thủy sản, công nghệ sản xuất thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ thủy sản; cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm thủy sản truyền thống; sản xuất phụ gia cho chế biến thủy sản.

- Xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo đặt tại các trung tâm nghề cá lớn làm động lực thúc đẩy ngành chế biến thủy sản; khuyến khích doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào các trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Lấy doanh nghiệp làm trung tâm nghiên cứu phát triển ứng dụng và chuyển giao công nghệ số; tăng cường liên kết doanh nghiệp chế biến với các viện nghiên cứu, trường đại học, trong đó tập trung vào nâng cao năng lực của doanh nghiệp chế biến thủy sản về tiếp thu, làm chủ và từng bước tham gia tạo công nghệ mới.

- Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh, quản lý, truy xuất nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm; trước mắt áp dụng chuyển đổi số trong các doanh nghiệp chế biến thủy sản, tiến tới thực hiện trên toàn chuỗi sản xuất.

- Thúc đẩy thực hiện việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý trong và ngoài nước cho sản phẩm thủy sản chủ lực, sản phẩm thủy sản chế biến truyền thống và đặc sản của địa phương.

Về hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách thu hút đầu tư, phát triển chế biến thủy sản:

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cải cách thủ tục hành chính; cắt giảm mạnh các rào cản về điều kiện kinh doanh, tạo sức hấp dẫn doanh nghiệp đầu tư, nâng cấp cơ sở chế biến thủy sản với công nghệ tiên tiến và tiết kiệm năng lượng.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách tạo điều kiện phát triển vùng sản xuất nguyên liệu tập trung, hình thành các cụm công nghiệp liên kết ngành chế biến thủy sản, đầu tư hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo.

Về nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thủy sản chế biến

- Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, kiểm dịch xuất nhập khẩu sản phẩm thủy sản; nhập khẩu, sản xuất kinh doanh và sử dụng thức ăn, thuốc thú y thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương thích với trình độ quốc tế cho tất cả các khâu trong chuỗi sản xuất, kinh doanh thủy sản.

- Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (HACCP, ISO...) trong các cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu để đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm theo chuẩn quốc tế.

- Hòa nhập với tiêu chuẩn quốc tế của các nước nhập khẩu về mức giới hạn dư lượng tối đa cho phép đối với các sản phẩm thủy sản chế biến.

Ngoài ra, phát triển hệ thống dịch vụ hậu cần và công nghiệp phụ trợ phục vụ ngành chế biến thủy sản với việc phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ, đảm bảo giao thương được thuận tiện. Tăng cường đào tạo đội ngũ quản lý sản xuất, công nhân kỹ thuật trình độ cao để đáp ứng yêu cầu vận hành các dây chuyền thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến; tổ chức đào tạo, tập huấn kiến thức về kỹ thuật sản xuất, chế biến, bảo quản thủy sản, an toàn thực phẩm, phát triển thị trường cho đội ngũ quản lý và công nhân lao động trực tiếp tại cơ sở. Tiếp tục hỗ trợ, đào tạo cho các doanh nghiệp, cơ sở chế biến thủy sản áp dụng sản xuất sạch hơn, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, giảm thiểu chất thải và xử lý hiệu quả các nguồn thải từ hoạt động sản xuất, bảo quản, chế biến thủy sản. Kiểm soát trong nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản, nhập khẩu nguyên liệu đảm bảo 100% nguyên liệu đưa vào chế biến thủy sản có nguồn gốc hợp pháp./.

## HỢP TÁC XÃ LÂM NGHIỆP MÃ THÀNH NGUỒN LỰC ĐÓNG GÓP TÍCH CỰC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN QUÊ HƯƠNG VÙNG LÚA YÊN THÀNH

**ThS. Nguyễn Thị Thu Hà**  
Cục Thống kê tỉnh Nghệ An

**Y**ên Thành là huyện đồng bằng, là vựa lúa lớn nhất của tỉnh Nghệ An. Trong bối cảnh tình hình kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, thách thức, Yên Thành tiếp tục đạt được những kết quả tích cực trên các lĩnh vực; rõ nét nhất là thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về Nông thôn mới.

Năm 2023, huyện Yên Thành được UBND tỉnh Nghệ An công nhận 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và thêm 07 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, nâng số xã đạt chuẩn NTM nâng cao của huyện lên 12/38 xã (đạt 31,58%).

Xã Mã Thành thuộc huyện Yên Thành năm 2023 được xét là đơn vị Nông thôn mới nâng cao đã góp phần vào thắng lợi chung trong công cuộc xây dựng nông thôn mới của địa phương. Xã có diện tích 12,49 km<sup>2</sup>, dân số 7.532 người. Xã thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng: Tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 49%; công nghiệp xây dựng chiếm 25,5%; thương mại - dịch vụ chiếm 26%. Thu nhập bình quân đầu người 61,791 triệu đồng/năm; Hộ nghèo giảm xuống còn 3,31%; an sinh xã hội được quan tâm, hạ tầng nông thôn được đầu tư xây dựng đồng bộ, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng lên; Quốc phòng - an ninh được củng cố và tăng cường, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững<sup>1</sup>.

Đóng góp vào tình hình chung đó có sự góp sức tích cực của Hợp tác xã (HTX) Lâm nghiệp Mã Thành. Nằm tọa lạc tại xóm Đình, xã Mã Thành, HTX Lâm nghiệp Mã Thành được thành lập vào ngày 22/6/2020, hình thành

1. Nguồn số liệu: niên giám Thống kê huyện Yên Thành



từ các thành viên có sản xuất và chế biến sản phẩm lâm nghiệp, nuôi ong mật, HTX đã đào tạo nghề, liên kết sản xuất cây lâm nghiệp, chế biến và bao tiêu sản phẩm gỗ, mật ong cho các thành viên. Đây là HTX Lâm nghiệp đầu tiên trên địa bàn tỉnh Nghệ An sản xuất, chế biến gỗ, bao tiêu sản phẩm từ gỗ rừng trồng cho bà con tại xã Mã Thành và các xã khác lân cận.

Trên địa bàn xã Mã Thành, cây Keo trong những năm gần đây sau luân kỳ 1 thu hoạch đã đem lại hiệu quả cao cho người trồng rừng; đến nay nhân dân trong vùng phát triển mạnh trồng rừng Keo lai và việc tiêu thụ rất thuận lợi. Cây Keo đến tuổi thu hoạch thương lái vào tận vườn mua, khai thác và vận chuyển, người trồng vì vậy rất yên tâm với sản phẩm đầu ra. Tuy nhiên vào mùa mưa lũ, giá Keo thường bị giảm cũng làm ảnh hưởng đến thu nhập của người trồng Keo. Do đó, việc thành lập HTX lâm nghiệp Mã Thành đã góp phần giải quyết việc ép giá, ép phẩm cấp của gỗ rừng trồng; hơn nữa HTX còn cung cấp dịch vụ sản xuất giống Keo chất lượng cao

cho thành viên trồng rừng, như vậy người trồng rừng được hưởng lợi kép từ việc tham gia HTX.

HTX lâm nghiệp Mã Thành tham gia thị trường với 3 sản phẩm chủ lực là: Gỗ Keo, Keo giống giâm cành, sản phẩm gỗ dân dụng qua chế biến.

Diện tích đất lâm nghiệp xã Mã Thành hiện có 317,04 ha và chủ yếu là trồng Keo, vì vậy sản phẩm Keo giống là một thị trường lớn. Cụ thể, nếu phải đi mua Keo giống ở các địa phương khác các hộ trồng rừng sẽ phải trả từ 1.000 đến 2.500 đồng/cây. Tuy nhiên, nếu HTX sản xuất Keo giống tại chỗ thì giá thành sản xuất sẽ rơi vào khoảng 300 đồng đến 500 đồng/cây, điều này tạo thuận lợi cho người trồng rừng, vừa kiểm soát được chất lượng nguồn giống (cây giống bố mẹ), vừa thuận tiện cho việc trồng, giảm chi phí vận chuyển, vừa giảm giá mua cây. Đây là lý do HTX tập trung sản xuất và cung cấp giống đầy đủ cho người dân trong xã và các đơn vị khác.

Về sản phẩm gỗ keo: HTX đã tiến hành xây dựng chứng chỉ rừng FSC (là tiêu chuẩn tự nguyện nhằm hỗ trợ quản lý rừng có trách nhiệm

trên phạm vi toàn cầu) cho tất cả diện tích rừng của thành viên HTX với diện tích dự kiến 12.000 ha. Đây là lợi thế mà hộ đơn lẻ không làm được, là điều kiện để sản phẩm gỗ rừng trồng của HTX sẽ bán được giá cao hơn 20%, đem lại lợi ích thiết thực cho hộ thành viên và thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm của thành viên HTX.

Về sản phẩm lâm sản qua chế biến: Hiện nay một số thành viên đã có xưởng chế biến lâm sản phục vụ cho nghề sản xuất gỗ gia dụng, gỗ bao bì, gỗ dăm... Với nguồn nguyên liệu của HTX và nhân công của thành viên đã đủ điều kiện ký kết các hợp đồng sản xuất với đơn hàng lớn, ổn định.

Đội ngũ cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm trồng rừng, chế biến lâm sản; Cán bộ thị trường đã có kinh nghiệm kinh doanh tiêu thụ sản phẩm gỗ rừng trồng; Có điều kiện tự nhiên thổ nhưỡng phù hợp cho trồng cây keo lai và các loại lâm sản khác... nên hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX Lâm nghiệp Mã Thành đạt nhiều kết quả khả quan góp phần xây dựng nông thôn mới (NTM) của xã Mã Thành nói riêng và NTM huyện Yên Thành nói chung như kỳ vọng đặt ra: Huyện Yên Thành về đích NTM nâng cao năm 2024.

Để ghi nhận những đóng góp tích cực của đơn vị, HTX Lâm nghiệp Mã Thành được UBND huyện Yên Thành tuyên dương vì đã có thành tích đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đồng thời, được liên minh HTX Việt Nam tặng Bằng khen năm 2022.

Với những nỗ lực và ý chí vươn lên, vươn xa, tin chắc rằng HTX Lâm nghiệp Mã Thành sẽ có nhiều đóng góp tích cực hơn nữa cho sự phát triển chung của đất nước và quê hương Yên Thành./.



# THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TỈNH BẮC GIANG SAU 6 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 10-NQ/TW

**Ngô Văn Tuệ**

*Phó Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang*

**N**ghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII ban hành ngày 03/6/2017 đã tạo thêm sức bật mới và là điều kiện quan trọng để Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh. Ngày 02/8/2017, Tỉnh ủy Bắc Giang đã ban hành Kế hoạch số 36-KH/TU nhằm cụ thể hoá nội dung Nghị quyết số 10-NQ/TW, trong đó đã đề ra các nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình cụ thể về cải cách hành chính; cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho kinh tế tư nhân phát triển cả về quy mô, chất lượng và sức cạnh tranh, góp phần quan trọng cho phát triển kinh tế, ổn định xã hội, nâng cao thu nhập cho người lao động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Về doanh nghiệp tư nhân, tính từ sau khi Nghị quyết số 10-NQ/TW được triển khai thực hiện,

trong giai đoạn 2018-2020 đã có 3.952 doanh nghiệp được thành lập mới và đến năm 2020 đã có 11.390 doanh nghiệp được thành lập, vượt 3,5% (tương ứng 390 doanh nghiệp) so với mục tiêu của Kế hoạch số 36-KH/TU. Giai đoạn từ 2021-2023 có 5.416 doanh nghiệp được thành lập, gấp 1,4 lần giai đoạn 2018-2020; trong đó, năm 2021 - đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh trên địa bàn tỉnh, đã tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh, nên chỉ có 1.416 doanh nghiệp thành lập mới, tăng 5% so với năm 2020, năm trước khi có dịch. Sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát, số doanh nghiệp thành lập mới tăng khá cao: năm 2022 (+18,9%) và 2023 (+37,5%); bình quân mỗi năm từ 2021-2023 có 1.805 doanh nghiệp được thành lập mới. Tính đến cuối năm 2023, tỉnh Bắc Giang đã có 16.806 doanh nghiệp được thành lập mới, đạt 88,5% so với mục tiêu đến năm 2025 (có trên 19.000 doanh nghiệp). Như vậy, bình quân mỗi năm trong 2 năm (2024-2025), chỉ cần có thêm 1.100 doanh nghiệp mới được thành lập thì sẽ đạt mục tiêu đề ra theo Kế hoạch số 36-KH-TU.

Tuy nhiên, khi xem xét về số doanh nghiệp đang hoạt động so với doanh nghiệp được thành lập mới hàng năm cho thấy có sự khác biệt khá lớn và có xu hướng ngày càng giảm. Tính chung năm 2017 - khi Nghị quyết số 10-NQ/TW được ban hành và triển khai trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động so với doanh nghiệp thành lập mới chiếm 62,9%, năm 2018 tỷ lệ này đã tăng lên tới 77%, nhưng đã giảm xuống còn 47,4% vào năm 2021 khi dịch Covid-19 bùng phát và tiếp tục giảm vào năm 2022 là 32,1% và năm 2023 là 26,3%. Nếu so số doanh nghiệp đang hoạt động đến 31/12 hàng năm với số doanh nghiệp được thành lập mới cho thấy khá ổn định, với tỷ lệ dao động từ 42-47%.

Không chỉ tỷ lệ số doanh nghiệp hoạt động hàng năm thấp và có xu hướng sụt giảm, mà số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động cũng gia tăng qua các năm. Nếu như năm 2017, tỷ lệ này là 5,2%, đã tăng lên 7% vào năm 2020 (trước khi có dịch Covid-19) và chiếm 9,5% vào năm 2021 - khi có thêm yếu tố dịch tác động, nhưng vẫn tăng lên 9,9%



vào năm 2022 và 12,3% vào năm 2023 - khi dịch đã được kiểm soát. Một điểm đáng lưu ý nữa là, số doanh nghiệp tạm ngừng của giai đoạn 2021-2023 đã gấp 2,2 lần giai đoạn 2018-2020, tương ứng số doanh nghiệp giải thể cũng gấp 1,8 lần, cho thấy các doanh nghiệp tư nhân gặp không ít khó khăn và thách thức để phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu.

*Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể* - đây không chỉ là một bộ phận cấu thành của kinh tế tư nhân mà còn là lực lượng dự bị nòng cốt để mở rộng và phát triển doanh nghiệp tư nhân. Trong 6 năm qua, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể cũng có xu hướng tăng lên, nhưng mức tăng hàng năm không lớn và có sự khác biệt giữa một số ngành chiếm tỷ trọng lớn. Năm 2017, trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có 74.735 cơ sở, đã tăng lên 78.052 cơ sở năm 2020 (tăng 4,4%), nhưng đã giảm xuống còn 77.795 cơ sở vào năm 2021 khi đại dịch Covid-19 diễn ra và đến năm 2023 tăng lên 78.604 cơ sở. Như vậy, số cơ sở bình quân chỉ tăng 0,84%/năm trong 6 năm (2018-2023), điều này cho thấy quy mô cơ sở của tỉnh Bắc Giang tăng chậm và không ổn định khi phát sinh các yếu tố tác động như: Dịch bệnh, thay đổi chính sách về đất đai (thu hồi, giải tỏa chợ tạm, chợ cóc), công tác quy hoạch, hạ tầng và xu hướng số hóa trong mọi ngành nghề, lĩnh vực kinh tế.

Bên cạnh đó, sự phát triển của công nghệ thông tin, mạng xã hội, sàn giao dịch thương mại điện tử... cũng là nguyên nhân khiến các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể có thay đổi về phương pháp sản xuất, quản lý và cũng làm biến động số lượng cơ sở theo ngành kinh tế. Theo đó, số cơ sở ngành công nghiệp có xu hướng giảm đi cả về số lượng và tỷ trọng, nếu năm 2017

có 17.397 cơ sở và chiếm tỷ trọng 23,28%, đến năm 2023 đã giảm xuống còn 15.827 cơ sở và tỷ trọng còn 20,14%; trong khi số cơ sở ngành thương mại lại có xu hướng tăng lên, từ 34.947 cơ sở năm 2017 và tỷ trọng chiếm 46,76% lên 37.798 cơ sở năm 2023 và tỷ trọng chiếm 48,09%; tương tự, số cơ sở các ngành dịch vụ đã tăng từ 13.912 cơ sở năm 2017 lên 16.164 cơ sở năm 2023 và tỷ trọng tăng từ 18,62% lên 20,56%; riêng ngành vận tải, tuy số lượng tăng từ 5.841 cơ sở năm 2017 lên 5.926 cơ sở năm 2023, nhưng tỷ trọng lại giảm từ 7,82% xuống còn 7,54%. Qua sự biến động của các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể từ năm 2017 đến 2023 cho thấy, các cơ sở ngành công nghiệp thủ công có xu hướng giảm nhanh do tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và ở chiều ngược lại, các cơ sở ngành thương mại và dịch vụ có xu hướng gia tăng nhằm đáp ứng nhu cầu của lực lượng lao động nhập cư từ các tỉnh đến làm việc và sinh sống quanh các khu, cụm công nghiệp, khu dân cư mới.

Sau hơn 6 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, với nhiều cơ chế, chính sách và điều kiện thuận lợi của một tỉnh đang có nhiều dự địa trong thu hút đầu tư, phát triển kinh tế. Đặc biệt, trong giai đoạn 2021-2023, tuy có dịch Covid-19 diễn ra nhưng Bắc Giang vẫn luôn duy trì được đà tăng trưởng khá cao và liên tục 3 năm liền là tỉnh có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất cả nước. Đây là những lợi thế rất lớn để khu vực kinh tế tư nhân của tỉnh Bắc Giang phát triển trong những năm tới. Tuy nhiên, từ những đánh giá kết quả phát triển về số lượng của khu vực kinh tế tư nhân tỉnh Bắc Giang cho thấy khu vực này còn rất "mong manh" trước những khó khăn

không lường trước của nền kinh tế, nhất là khi có dịch bệnh, khủng hoảng kinh tế diễn ra.

Do đó, để khu vực kinh tế tư nhân Bắc Giang phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới, rất cần một "bệ đỡ" vững chắc về cơ chế, chính sách để khu vực này phát triển cả về số lượng và thực sự trở thành một động lực quan trọng của mỗi địa phương cũng như cả nước. Những chính sách này không chỉ là chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, cơ chế, chính sách được Nhà nước ban hành để thực hiện chung trong cả nước, mà cần có cơ chế, chính sách đặc thù, phù hợp với từng giai đoạn trong kế hoạch, chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, trong đó có tỉnh Bắc Giang. Và khi những chính sách này được thực thi, cần có sự đánh giá, tổng kết sự đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương trong từng giai đoạn để thấy rõ hiệu quả, điểm mạnh cũng như những hạn chế, điểm yếu để kịp thời điều chỉnh, bổ sung trong điều kiện mới./.

### Tài liệu tham khảo

1. Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang, 6/2023, Niên giám Thống kê Bắc Giang 2023;
2. Tỉnh ủy Bắc Giang, tháng 8/2017, Kế hoạch số 36-KH/TU thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương;
3. Tỉnh ủy Bắc Giang, tháng 9/2023, Báo cáo sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
4. UBND tỉnh Bắc Giang, tháng 11/2020, Báo cáo phát triển Kinh tế - Xã hội giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025.
5. <https://baobacgiang.vn/bg/kinh-te/344280/kinh-te-tu-nhan-dong-luc-tang-truong.html>
6. <https://dangcongsan.vn/bac-giang-khat-vong-doi-moi-phat-trien/tin-tuc/doan-cong-tac-ban-kinh-te-trung-uong-lam-viec-tai-tinh-bac-giang-663265.html>

# PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ CHỈ TIÊU TỶ SUẤT LỢI NHUẬN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2015-2022

ThS. Lê Thị Thùy Chinh - Đại học Lao động - Xã hội  
PGS.TS. Tăng Văn Khiên - Hội Thống kê Việt Nam

Tỷ suất lợi nhuận (TSLN) là chỉ tiêu hiệu quả kinh tế tổng hợp, phản ánh kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (DN), được xác định bằng cách so sánh chỉ tiêu lợi nhuận với chỉ tiêu vốn sản xuất kinh doanh (gọi là TSLN theo vốn sản xuất), chỉ tiêu lợi nhuận với chi phí sản xuất hoặc giá thành sản phẩm tiêu thụ (gọi là TSLN theo chi phí sản xuất) và chỉ tiêu lợi nhuận với doanh thu tiêu thụ sản phẩm (gọi là TSLN theo doanh thu).

Từ khóa: Tỷ suất lợi nhuận, doanh nghiệp, chỉ tiêu

## Đặt vấn đề

Tăng tỷ suất lợi nhuận luôn gắn liền với giảm chi phí sản xuất và tăng lợi nhuận nên đó là cơ sở quan trọng nhất cho tăng tích lũy để mở rộng và đẩy mạnh phát triển sản xuất, tăng thu nhập góp phần nâng cao đời sống của người lao động nói riêng và của nhân dân nói chung.

Yêu cầu của công tác quản lý và phát triển sản xuất là cần phải thường xuyên tính toán, đánh giá phân tích chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận (TSLN) của các doanh nghiệp (DN) để biết chỉ tiêu này đạt được ở mức nào, có xu thế tăng lên hay giảm đi, làm rõ những nguyên nhân ảnh hưởng đến sự tăng giảm để có cơ sở để xuất các giải pháp phù hợp góp phần tiếp tục nâng cao TSLN của DN.

Bài viết sẽ đi sâu phân tích đánh giá biến động của chỉ tiêu TSLN tính theo doanh thu của các DN Việt Nam giai đoạn 2015 - 2022.

## Nội dung, phương pháp và kết quả tính toán chỉ tiêu TSLN theo doanh thu của DN

Tỷ suất lợi nhuận theo doanh thu (từ đây viết gọi là tỷ suất lợi nhuận) được xác định bằng cách so sánh giữa lợi nhuận trước thuế và doanh thu thuần theo công thức:

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận (\%)} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100; \quad (1)$$

Theo phạm vi tính toán, chỉ tiêu TSLN được tính cho mỗi DN hoặc từng bộ phận các DN như các ngành kinh tế, các khu vực kinh tế cũng như các loại hình doanh nghiệp (gọi chung là TSLN của từng bộ phận) và TSLN được tính tổng hợp chung cho tất cả các ngành, các khu vực

kinh tế hay chung cho các loại hình kinh tế (gọi là TSLN bình quân chung tất cả các DN của nền kinh tế).

Khi ký hiệu:

-  $s$  và  $\bar{s}$  là TSLN của từng bộ phận DN và TSLN bình quân chung của các DN;

-  $L$  và  $\Sigma L$  là lợi nhuận trước thuế của từng bộ phận các DN và chung toàn bộ các DN;

-  $D$  và  $\Sigma D$  là doanh thu thuần của từng bộ phận các DN và chung toàn bộ các DN

Ta có các công thức tính:

- Tỷ suất lợi nhuận của từng bộ phận DN:

$$s (\%) = \frac{L}{D} \times 100; \quad (1a)$$

- Tỷ suất lợi nhuận bình quân các DN:

$$\bar{s} (\%) = \frac{\Sigma L}{\Sigma D} \times 100; \quad (1b)$$

Lưu ý là: Chỉ tiêu doanh thu thuần luôn đạt giá trị dương,



còn lợi nhuận trước thuế thường đạt giá trị dương, nhưng cá biệt cũng có thể đạt giá trị bằng không hoặc âm. Khi lợi nhuận trước thuế đạt giá trị bằng không hoặc âm thì TSLN cũng đạt giá trị bằng không hoặc là âm.

Từ số liệu về lợi nhuận trước thuế và doanh thu thuần, áp dụng các công thức (1b) và (1a), TCTK đã tính toán và công bố TSLN bình quân chung của tất cả DN và của riêng các loại hình doanh nghiệp (doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài). Số liệu được hệ thống ở bảng 01.

**Bảng 01. TSLN của các DN Việt Nam qua các năm phân theo loại hình DN (%)**

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
<b>Loại hình doanh nghiệp</b>								
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Chung các doanh nghiệp	3,63	3,99	4,25	3,79	3,38	3,49	4,20	4,12
Chia theo loại hình DN								
- DN nhà nước	5,57	6,62	6,43	5,58	5,76	5,67	7,70	8,19
- DN ngoài nhà nước	1,84	1,88	2,48	2,41	1,84	1,88	2,80	2,70
- DN có vốn ĐT nước ngoài	5,80	6,68	6,64	5,60	5,33	5,68	5,55	5,22

Nguồn: Số liệu từ năm 2015 - 2021 lấy từ NGTK năm 2020 và 2022 của TCTK; và Số liệu năm 2022 do Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng - TCTK cung cấp

**2. Phân tích biến động TSLN bình quân chung các DN Việt Nam qua các năm**

Để phân tích biến động chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận bình quân chung của các doanh nghiệp theo thời gian thường áp dụng các đại lượng sau đây:

- Chỉ số phát triển về tỷ suất lợi nhuận ( $I_{\bar{s}}$ ):

$$I_{\bar{s}} (\%) = \frac{\bar{s}_1}{\bar{s}_0} \times 100; \quad (2a)$$

- Mức tăng giảm tỷ suất lợi nhuận ( $\Delta_{\bar{s}}$ )

$$\Delta_{\bar{s}} = \bar{s}_1 - \bar{s}_0; \quad (2b)$$

- Tốc độ tăng giảm tỷ suất lợi nhuận:

$$i_{\bar{s}} = \frac{\bar{s}_1 - \bar{s}_0}{\bar{s}_0} = \frac{\bar{s}_1}{\bar{s}_0} - \frac{\bar{s}_0}{\bar{s}_0} = I_{\bar{s}} - 1; \quad (2c)$$

Trong đó:  $\bar{s}_0$  và  $\bar{s}_1$  tỷ suất lợi nhuận bình quân chung kỳ gốc và kỳ báo cáo;

Trong trường hợp chỉ tiêu TSLN đạt giá trị bằng không hoặc giá trị âm thì không được phép áp dụng nguyên nội dung của công thức phân tích nêu trên mà phải tính toán linh hoạt để có kết quả đánh giá biến động TSLN cho phù hợp.

Từ số liệu về TSLN chung các DN có Bảng 01, áp dụng các công thức 2a, 2b và 2c ta tính được chỉ số phát triển (PT), mức tăng lên và tốc độ tăng của TSLN chung các DN qua các năm như Bảng 02.

**Bảng 02. Chỉ số phát triển, mức tăng và tốc độ tăng tỷ suất lợi nhuận qua các năm**

Năm	TSLN BQ kỳ gốc $\bar{S}_0$ (%)	TSLN BQ kỳ báo cáo $\bar{S}_1$ (%)	Chỉ số PT TSLN $I_{\bar{s}}$ (lần)	Mức tăng TSLN $\Delta_{\bar{s}}$ (%)	Tốc độ tăng TSLN $i_{\bar{s}}$ (%)
A	1	2	3	4	5
2016	3,63	3,99	1,0992	0,36	9,92
2017	3,99	4,25	1,0652	0,26	6,52
2018	4,25	3,79	0,8918	-0,46	-10,82
2019	3,79	3,38	0,8918	-0,41	-10,82
2020	3,38	3,49	1,0325	0,11	3,25
2021	3,49	4,20	1,2034	0,71	20,34
2022	4,20	4,12	0,9810	-0,08	-1,90
BQ 16-22	x	x	1,0183	0,07	1,83

Ghi chú: - Cột 1 và 2 (Tỷ suất lợi nhuận BQ chung) lấy từ dòng chung các DN Bảng 02

- Cột 3 (chỉ số PT) = cột 2 : cột 1; BQ 2016-2022 là BQ tích của các năm

- Cột 4 (mức tăng) = cột 2 - cột 1 và Cột 5 (tốc độ tăng) = cột 3 x 100 - 100

Số liệu Bảng 02 cho thấy:

Tỷ suất lợi nhuận bình quân chung của các DN đang hoạt động ở Việt Nam năm 2016 đạt 3,99%, so với năm 2015 bằng 1,0992% và có mức tăng cao hơn là 0,36% (3,99% - 3,36%) tương ứng với tốc độ tăng là 9,92%.

Năm 2017, TSLN chung của các DN đạt 4,25%, so với năm 2016 bằng 106,52% và có mức tăng cao hơn là 0,26% (4,25% - 3,99%), tương ứng với tốc độ tăng 6,52%.

Khác với các năm 2016 và 2017, năm 2018 TSLN chung của các DN giảm đi và đạt là 3,79%, với mức giảm so với năm 2017 là - 0,46% (3,79% - 4,25%), tương ứng với tốc độ tăng TSLN ở mức giảm là -10,82%.

Năm 2019, TSLN chung của các DN tiếp tục giảm và còn đạt là 3,38%, giảm so với năm 2018 là - 0,41% (3,38% - 3,79%), tương ứng với tốc độ giảm TSLN ở mức giảm là - 10,82%.

Năm 2020, tỷ suất lợi nhuận chung của các DN đạt 3,49%, so với năm 2019 bằng 103,25% và có mức tăng cao hơn là 0,11% (3,49% - 3,38%), tương ứng với tốc độ tăng tỷ suất lợi nhuận là 3,25%.

Năm 2021, TSLN chung của các DN đạt 4,2%, so với năm 2020 bằng 120,34% và có mức tăng cao hơn là 0,71% (4,20% - 3,49%), tương ứng với tốc độ tăng là 20,34%. Như vậy, năm 2021, TSLN của các DN đã đạt mức tương đối khá so với các năm trước đây. Tuy nhiên, vẫn còn thấp hơn mức đạt được của năm 2017 (4,20% so với 4,25%).

Năm 2022, TSLN của các DN đạt 4,12%, có mức giảm so với năm 2021 là - 0,08% (4,125-4,20%), tương ứng với tốc độ giảm TSLN có mức giảm là -1,90%.

Bình quân năm giai đoạn 2016-2022, chỉ số phát triển TSLN chung của các DN Việt Nam là 101,83%, có mức tăng là 0,07%, tương ứng với tốc độ tăng là 1,83%.

**So sánh tỷ suất lợi nhuận giữa các loại hình doanh nghiệp**

Từ số liệu về TSLN của các DN thuộc 3 loại hình ở Bảng 01, nhận thấy: TSLN của loại hình doanh nghiệp ngoài nhà nước luôn có mức đạt thấp nhất, chỉ từ 1,84% đến 2,80%; còn TSLN của các loại hình doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt mức cao hơn hẳn; trong đó loại hình doanh nghiệp

nhà nước có TSLN đạt từ 5,57% đến 8,19% và có 3 năm 2019, 2021 và 2022 đạt cao nhất; và loại hình doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có TSLN đạt từ 5,22% đến 6,68% và ở các năm 2015, 2016, 2017, 2018 và 2020 đạt cao nhất.

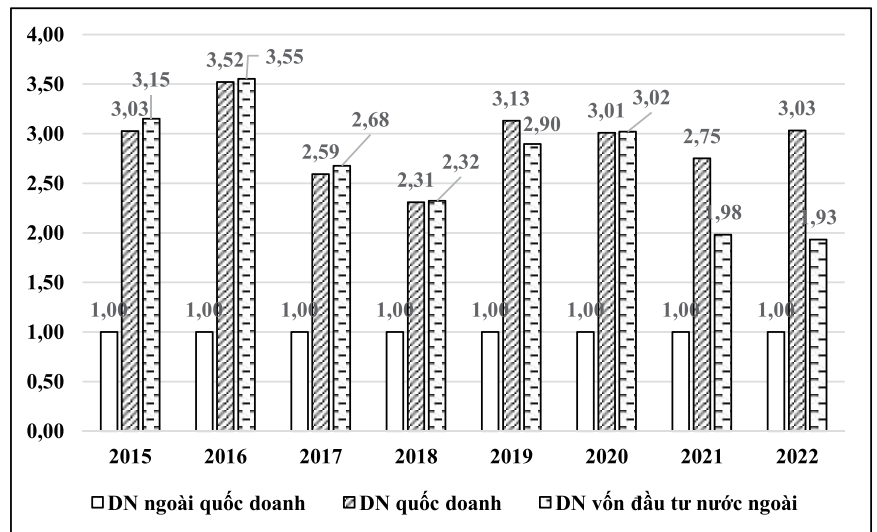
Lấy TSLN của các loại hình doanh nghiệp đạt cao hơn chia cho TSLN của loại hình doanh nghiệp đạt thấp nhất (loại hình doanh nghiệp ngoài nhà nước) có kết quả như sau:

Năm 2015, TSLN của doanh nghiệp nhà nước bằng 3,03 lần và TSLN của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bằng 3,15 lần. Nói cách khác, nếu lấy TSLN của loại hình doanh nghiệp ngoài nhà nước là 1 đơn vị thì TSLN của loại hình doanh nghiệp nhà nước là 3,03 đơn vị và loại hình doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 3,15 đơn vị.

Tương tự như vậy, ta xác định được quan hệ so sánh TSLN giữa 3 loại hình doanh nghiệp: Doanh nghiệp ngoài nhà nước, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài của năm còn lại lần lượt như sau: Năm 2016 có quan hệ so sánh là 1; 3,52 và 3,55; năm 2017 có quan hệ so sánh là 1; 2,59 và 2,68; năm 2018 có quan hệ so sánh là 1; 2,31 và 2,32; năm 2019 có quan hệ so sánh là 1; 3,13 và 2,90; năm 2020 có quan hệ so sánh là 1; 3,01 và 3,02; năm 2021 có quan hệ so sánh là 1; 2,75; 1,98; năm 2022 có quan hệ so sánh là 1; 3,03 và 1,93.

Có thể mô tả quan hệ so sánh về tỷ suất lợi nhuận giữa loại hình doanh nghiệp nhà nước và loại hình doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với loại hình doanh nghiệp ngoài nhà nước từ năm 2015 đến năm 2022 qua Biểu đồ 01.

**Biểu đồ 01. So sánh tỷ suất lợi nhuận giữa 3 loại hình doanh nghiệp qua các năm**



Doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài luôn có TSLN cao hơn hẳn so với doanh nghiệp ngoài nhà nước. Mức độ chênh lệch này thu hẹp ở năm 2021, do TSLN của doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng lên và đạt 2,80% (so với mức từ 1,84% đến 2,70% ở các năm khác). Chênh lệch TSLN giữa doanh nghiệp ngoài nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thu hẹp thấy rõ trong giai đoạn 2020-2022 do TSLN của doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng, còn TSLN của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm. Năm 2022, do TSLN

của doanh nghiệp nhà nước đạt 8,19% (mức đạt cao nhất so với các năm trước đây) và bằng 3,03 lần TSLN của các doanh nghiệp ngoài nhà nước. Ngược lại ở năm này, TSLN của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chỉ đạt 5,22% (mức thấp nhất so với tất cả các năm trước đây) nên chỉ còn bằng 1,93 lần so với TSLN của doanh nghiệp ngoài nhà nước.

Tỷ suất lợi nhuận của loại hình doanh nghiệp ngoài nhà nước (loại hình có tỷ suất lợi nhuận thấp nhất, nhưng có quy mô doanh thu thuần lớn nhất) tăng trong giai đoạn 2020-2022 so với các giai đoạn trước, đó là dấu hiệu thuận lợi cho phát triển sản xuất của các doanh nghiệp Việt Nam.

Để không ngừng nâng cao TSLN, các DN vừa phải phấn đấu tăng nhanh về khối lượng và chất lượng sản phẩm, mở rộng mặt hàng sản xuất để tăng doanh thu của doanh nghiệp, vừa thực hiện giảm chi phí sản xuất bằng cách:

**1. Tăng cường đầu tư cho đổi mới công nghệ, cải tiến quản lý sản xuất, đổi mới sản phẩm, đổi mới tiếp thị; đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hướng đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả vốn đầu tư, tăng năng suất các nhân tố tổng hợp... góp phần tăng khối lượng sản phẩm và chất lượng sản phẩm, bảo đảm cho yêu cầu nâng cao chất lượng tăng trưởng và phát triển bền vững.**

**2. Xét theo các loại hình doanh nghiệp, phấn đấu nâng cao TSLN ở tất cả các loại hình doanh nghiệp; trong đó đặc biệt chú ý đến nâng cao TSLN của loại hình doanh nghiệp ngoài nhà nước. Tuy TSLN của loại hình doanh nghiệp ngoài nhà nước**

những năm qua đã có xu thế tăng lên đáng phần khởi, song vẫn còn thấp so với hai loại hình doanh nghiệp còn lại (Theo số liệu năm 2022, TSLN của các doanh nghiệp ngoài nhà nước mới chỉ bằng 32,97% TSLN của loại hình doanh nghiệp nhà nước và bằng 51,72% TSLN của loại hình doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài). Tỷ lệ doanh thu thuần của loại hình doanh nghiệp ngoài nhà nước năm 2015 chiếm 54,02% và tăng lên 57,81% năm 2021 so với tổng doanh thu thuần của tất cả các doanh nghiệp. Với cơ cấu lớn như vậy nên tăng TSLN của loại hình doanh nghiệp này sẽ ảnh hưởng đáng kể đến tăng TSLN chung của các doanh nghiệp.

**3. Nhà nước cần có chính sách khuyến khích mạnh hơn đối với các DN trong việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, sử dụng tốt nguồn nguyên liệu đã có, tận dụng triệt để các loại phế liệu phế phẩm, sử dụng lại các loại bao bì đóng gói khi điều kiện cho phép... luôn xem tiết kiệm là yêu cầu thường xuyên và lâu dài của quá trình sản xuất. Đó là một trong những cơ sở quan trọng để giảm chi phí đầu vào, tăng lợi nhuận và TSLN cho DN, đồng thời còn góp phần quan trọng giảm bớt ô nhiễm môi trường cho xã hội./.**

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Tổng cục Thống kê (2016), Từ điển Thống kê, NXB Thống kê;
2. Tổng cục thống kê (2021), Niên giám Thống kê năm 2020, NXB Thống kê;
3. Tổng cục thống kê (2023), Niên giám Thống kê năm 2022, NXB Thống kê;
4. Trần Thị Kim Thu (2012), Lý thuyết Thống kê, NXB Đại học KTQD;
5. Tăng Văn Khiên (2015), Phân tích thống kê- lý thuyết và ứng dụng;

#### **Bối cảnh**

Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển bền vững, với 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDG), giúp giám sát ba trụ cột phát triển của mỗi quốc gia gồm Kinh tế, Xã hội và Môi trường. Việc tích hợp thông tin từ lĩnh vực thống kê (bao gồm nhiều loại dữ liệu kinh tế - xã hội và doanh nghiệp) và không gian địa lý (bao gồm dữ liệu quan sát trái đất và môi trường) được cộng đồng quốc tế công nhận là một công cụ quan trọng để hiểu rõ mối quan hệ giữa ba trụ cột này cũng như trong bản thân nội bộ từng trụ cột; cải thiện chất lượng ra quyết định dựa trên bằng chứng tại các quốc gia.

Ghi nhận tầm quan trọng của việc tích hợp thông tin thống kê với không gian địa lý, Ủy ban Thống kê Liên Hợp Quốc đã thông qua khung thống kê không gian địa lý toàn cầu (khung GSGF) tại kỳ họp lần thứ 51 vào tháng 3/2020 theo Quyết định số 51/123.

Khung GSGF cho phép tích hợp dữ liệu từ cộng đồng thống kê và không gian địa lý thông qua việc áp dụng các nguyên tắc cụ thể. Dữ liệu tích hợp này là nền tảng để cung cấp dữ liệu chất lượng cao, có thể truy cập, đảm bảo tính kịp thời, đáng tin cậy và được phân tổ theo các nhóm thu nhập, giới tính, tuổi tác, chủng tộc, dân tộc, tình trạng di cư, tình trạng khuyết tật, vị trí địa lý, cũng như được phân tổ theo các đặc điểm phù hợp với bối cảnh của mỗi quốc gia. Từ khi được ban hành đến nay, khung GSGF đã được thực hiện bởi các cơ quan thống kê quốc gia và các cơ quan thông tin không gian địa lý ở 29 quốc gia thành viên của Liên Hợp Quốc.

Trong các năm 2020-2022, khi đại dịch Covid-19 xuất hiện và diễn biến phức tạp, ảnh hưởng lớn đến các hoạt động thống kê, khung GSGF đã hỗ trợ đắc lực các quốc gia



# KHUNG THỐNG KÊ KHÔNG GIAN ĐỊA LÝ TOÀN CẦU VÀ KHẢ NĂNG ÁP DỤNG TẠI VIỆT NAM

**TS. Hoàng Thị Thanh Hà**

Vụ trưởng Vụ Thống kê nước ngoài và Hợp tác quốc tế - TCTK

trong ứng phó với đại dịch Covid-19, thông qua cung cấp thông tin theo không gian địa lý kịp thời hơn, theo phân tổ chi tiết hơn, giúp các chính phủ xây dựng và thực hiện các chính sách khác nhau trong đại dịch.

## ***Khung thống kê không gian địa lý toàn cầu***

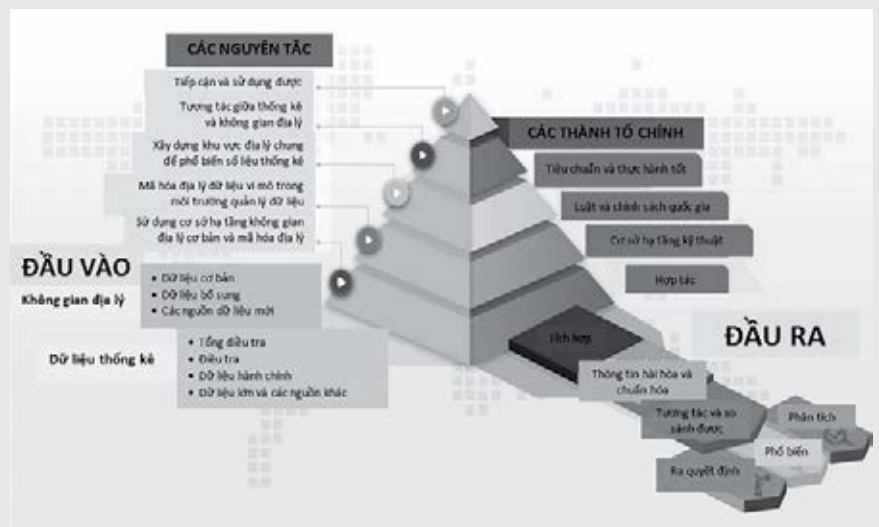
Về khái niệm, Liên Hợp Quốc (2019) định nghĩa khung GSGF là khung giúp tích hợp và sản xuất thông tin thống kê địa lý một cách nhất quán. Khung GSGF cung cấp một phương pháp chung để tích hợp dữ liệu thống kê và dữ liệu hành chính theo không gian địa lý nhằm đảm bảo tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau dựa trên vị trí, cũng như đảm bảo có thể tích hợp những dữ liệu này với các thông tin không gian địa lý khác.

Khung GSGF là cầu nối giữa khung thống kê và khung thông tin không gian địa lý, giữa cơ quan thống kê quốc gia (CQTKQG) với cơ quan bản đồ và không gian địa lý quốc gia cũng như giữa các tiêu chuẩn, phương pháp, quy trình, công cụ thống kê và không gian địa lý. Khung cung cấp cho cộng đồng quốc tế một cách tiếp cận chung để kết nối dữ liệu kinh tế, xã hội và môi trường thông qua vị trí; đồng thời cải thiện khả năng tiếp cận và sử dụng dữ liệu theo không gian địa lý. Khung cũng cung cấp cơ chế kết nối thông tin thống kê với các nỗ lực

cải thiện việc quản lý thông tin không gian địa lý trên toàn cầu, khu vực và quốc gia.

Khung GSGF gồm những phần chính sau: (i) Dữ liệu đầu vào; (ii) Các nguyên tắc; (iii) Các thành tố chính; và (iv) Đầu ra. Cụ thể được minh họa tại Hình 1.

**Hình 1. Khung thống kê không gian địa lý toàn cầu**



*Nguồn: Liên Hợp Quốc (2019)*

Theo đó, khung GSGF bắt đầu với các đầu vào quan trọng của dữ liệu không gian địa lý cơ bản, cùng với các nguồn dữ liệu không gian địa lý khác do cơ quan bản đồ và không gian địa lý quốc gia cũng như giữa các tiêu chuẩn, phương pháp, quy trình, công cụ thống kê và không gian địa lý. Khung cung cấp cho cộng đồng quốc tế một cách tiếp cận chung để kết nối dữ liệu kinh tế, xã hội và môi trường thông qua vị trí; đồng thời cải thiện khả năng tiếp cận và sử dụng dữ liệu theo không gian địa lý. Khung cũng cung cấp cơ chế kết nối thông tin thống kê với các nỗ lực

Phần tiếp theo của khung GSGF là năm nguyên tắc hoạt động, gồm: (i) Nguyên tắc 1: Sử dụng cơ sở hạ tầng không gian địa lý cơ bản và mã hóa địa lý; (ii) Nguyên tắc 2: Mã hóa địa lý dữ liệu vi mô trong môi trường quản lý dữ liệu; (iii) Nguyên tắc 3: Xây dựng các khu vực địa lý chung để phổ biến số liệu thống kê; (iv) Nguyên tắc 4: Tương tác giữa

thống kê và không gian địa lý; và (v) Nguyên tắc 5: Tiếp cận và sử dụng số liệu thống kê theo không gian địa lý. Theo đó, khung đưa ra các quy trình để áp dụng các cơ sở hạ tầng và quy trình thống kê và không gian địa lý đối với dữ liệu đầu vào nhằm tích hợp hai nguồn thông tin. Trước hết, dữ liệu thống kê được tích hợp theo không gian địa lý ở mức tốt nhất có thể. Sau đó, sử dụng các công cụ không gian địa lý và các phương pháp, chẳng hạn như khu vực địa lý chung và các tiêu chuẩn chung về thực hành tốt để đảm bảo dữ liệu có thể tương tác, truy cập và sử dụng được. Năm nguyên tắc này hướng dẫn các quốc gia cách xây dựng và hoàn thiện các quy trình để sản xuất dữ liệu thống kê và dữ liệu hành chính theo không gian địa lý, giúp xác định những khoảng trống về năng lực thống kê và cơ sở hạ tầng không gian địa lý quốc gia. Năm nguyên tắc được xem là phần cốt lõi của khung GSGF và các nguyên tắc đều có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nên khung GSGF không thể thiếu bất kỳ nguyên tắc nào.

Các thành tố chính gồm bốn thành tố bao trùm tất cả năm nguyên tắc hoạt động của khung GSGF nhằm thu được dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau cũng như giúp áp dụng năm nguyên tắc nói trên, gồm: (i) Các tiêu chuẩn và thực hành tốt; (ii) Luật và các chính sách quốc gia; (iii) Cơ sở hạ tầng kỹ thuật; và (iv) Hợp tác. Trong đó, *các tiêu chuẩn và thực hành tốt* được áp dụng cho cộng đồng không gian địa lý và thống kê, có thể mở rộng sang cả công nghệ thông tin và các lĩnh vực khác và bao gồm các tiêu chuẩn thống kê chính thức (như bảng phân loại, khái niệm, định nghĩa), các tiêu chuẩn khác (như tiêu chuẩn ISO), các hướng dẫn/

phương pháp thực hành tốt (như OGC, ISO và W3C, thực tiễn tốt nhất) và các tiêu chuẩn thực tiễn khác được sử dụng rộng rãi trong cộng đồng không gian địa lý (như GeoJSON). *Luật và các chính sách quốc gia* gồm các văn bản luật liên quan đến bảo vệ dữ liệu quốc gia và quốc tế, bảo vệ quyền riêng tư và bảo mật, các yêu cầu về đạo đức, chính sách dữ liệu mở và các thỏa thuận về truy cập dữ liệu. *Cơ sở hạ tầng kỹ thuật* gồm năng lực chuyên môn ở cấp quốc gia và khu vực, như kỹ năng của nguồn nhân lực, các phương pháp và quy trình đã được xây dựng và thống nhất, cơ sở hạ tầng hệ thống và cũng có thể bao gồm hệ thống quản lý dữ liệu, cơ sở hạ tầng máy tính và truyền thông. Cuối cùng *hợp tác* là cam kết hợp tác giữa các cơ quan, tổ chức, đặc biệt là giữa các cơ quan thống kê, cơ quan không gian địa lý và cơ quan hành chính của nhà nước. Hợp tác dưới các hình thức như ký kết các thỏa thuận hợp tác và/hoặc tạo lập các mối quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức.

Đầu ra của khung GSGF là kết quả của các quy trình của khung GSGF. Dữ liệu đầu ra có mức độ hài hòa và chuẩn hóa cấu trúc cao hơn, cũng như tính linh hoạt về không gian địa lý. Các kết quả đầu ra của khung GSGF giúp truy cập vào dữ liệu tương tác giữa kinh tế-xã hội với không gian địa lý. Dữ liệu này có thể được sử dụng hiệu quả trên nhiều lĩnh vực nhằm hỗ trợ các ưu tiên cấp quốc gia và cấp toàn cầu.

Kết quả đầu ra của khung GSGF có khả năng tích hợp cao hơn dựa trên vị trí và có thể được tiếp tục sử dụng trong các quy trình tích hợp dữ liệu thống kê phức tạp hơn. Một đặc điểm quan trọng của kết quả đầu ra của khung GSGF

là các đầu ra mang lại độ tin cậy cao hơn trong việc tạo ra các kết quả có thể tái tạo theo con người và theo thời gian. Quan trọng hơn cả, các kết quả đầu ra của khung GSGF giúp đưa ra các phân tích hiệu quả nhằm hỗ trợ việc ra quyết định.

Dữ liệu thống kê và không gian địa lý được sử dụng để tạo số liệu thống kê theo không gian địa lý cần tuân thủ quy định về quyền riêng tư và bảo mật khi công bố.

### ***Vai trò của khung thống kê không gian địa lý toàn cầu***

Khung GSGF được xây dựng nhằm giải quyết chín vấn đề cơ bản sau: (i) Tích hợp dữ liệu để hỗ trợ đo lường và giám sát các mục tiêu và khung SDG toàn cầu của Chương trình nghị sự 2030 đảm bảo phát triển bền vững và vòng Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2020; (ii) Giúp so sánh dữ liệu ở cấp địa phương, cấp tỉnh, cấp quốc gia, cấp khu vực và cấp toàn cầu, phục vụ quá trình ra quyết định trong nội bộ mỗi quốc gia và giữa các quốc gia cũng như trong các lĩnh vực chuyên đề khác nhau; (iii) Chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức thông qua tích hợp thông tin thống kê với thông tin không gian địa lý, hỗ trợ xây dựng các công cụ và các ứng dụng chung; (iv) Giúp nắm bắt những thông tin chi tiết mới và các mối quan hệ dữ liệu trước đây không thể thực hiện được nếu phân tích dữ liệu kinh tế - xã hội, môi trường hoặc dữ liệu không gian địa lý một cách riêng biệt; (v) Tăng thông tin về các khu vực địa lý nhỏ; (vi) Nâng cao nhận thức về các phương pháp và công cụ để đánh giá và quản lý rủi ro bảo mật thông tin cũng như tăng cường đảm bảo quyền riêng tư trong công tác thu thập, lưu trữ và phổ biến thông tin;

(vii) Tạo điều kiện để đầu tư và nâng cao năng lực về thông tin thống kê và không gian địa lý; (viii) Giúp tích hợp các nguồn dữ liệu mới để phục vụ quá trình sản xuất thông tin không gian địa lý chất lượng cao, ví dụ như quan sát trái đất và các nguồn dữ liệu bổ sung khác; (ix) Tăng cường hợp tác thể chế giữa cộng đồng các nhà khoa học không gian địa lý và thống kê.

### **Khả năng áp dụng tại Việt Nam**

Tổng quan thực tiễn áp dụng thống kê không gian địa lý cho thấy tại Việt Nam, một số nghiên cứu liên quan đến việc khai thác dữ liệu thống kê trên nền thông tin địa lý đã dần được triển khai ở các bộ, ngành và TCTK. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đã có các chủ trương, chính sách làm cơ sở để thực hiện tích hợp thông tin thống kê và thông tin không gian địa lý. Tuy nhiên, các nghiên cứu trên dù đã ứng dụng không gian địa lý trong một số lĩnh vực cụ thể nhưng chưa đề cập đến việc xây dựng một khung tổng thể kết hợp giữa khung thống kê và khung không gian địa lý theo chuẩn mực quốc tế và phù hợp với thực tiễn của Việt Nam. Trong bối cảnh việc tích hợp dữ liệu thống kê quốc gia với dữ liệu nền địa lý giúp gia tăng giá trị không chỉ cho các số liệu thống kê quốc gia mà còn hiệu quả sử dụng của dữ liệu địa lý nền, việc nghiên cứu xây dựng khung GFGS tại Việt Nam là thiết thực, giúp thực hiện thành công “Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030” và các Chiến lược phát triển Ngành như “Chiến lược phát triển ngành Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, “Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045”/.

# TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN...

*(Tiếp theo trang 17)*

Theo Cơ quan Năng lượng quốc tế (IEA), Việt Nam hiện đứng đầu khu vực Đông Nam Á về mặt vận hành công suất năng lượng mặt trời và gió ở quy mô tiện ích, với công suất lớn hơn gấp đôi so với các nước thành viên ASEAN khác cộng lại (hơn 19 GW so với 9 GW). Công suất năng lượng mặt trời và gió ở quy mô tiện ích vận hành cũng tạo nên mức gia tăng 25% tổng cơ cấu năng lượng của Việt Nam, so với mức trung bình của các nước ASEAN khác chỉ là 9%.

Nhiều “ông lớn” trong ngành năng lượng cũng đã nhắm đến thị trường Việt Nam. Trong đó, các nhà máy sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời được đầu tư xây dựng và phát triển nhằm đáp ứng tiềm năng lẫn nhu cầu sử dụng điện mặt trời ngày càng tăng cao.

Điển hình như First Solar, nhà sản xuất mô-đun năng lượng mặt trời công nghệ màng mỏng nổi tiếng đến từ Mỹ cũng đã đầu tư vào Việt Nam. Tập đoàn đang có 2 nhà máy tại huyện Củ Chi, TP.HCM với tổng số vốn đầu tư 830 triệu USD (theo công bố của First Solar) trong 1,2 tỷ USD vốn cam kết đầu tư.

Tại Bắc Giang, Tập đoàn JA Solar Investment (Hong Kong) Limited đang thực hiện đầu tư 3 dự án tại các khu công nghiệp (KCN) Quang Châu và KCN Việt Hàn với tổng vốn đầu tư đăng ký là 589 triệu USD; đến tháng 4/2023 đã có 2 dự án đi vào hoạt động ở KCN Quang Châu.

Bên cạnh đó, Trina Solar - nhà cung cấp giải pháp lưu trữ năng lượng và năng lượng mặt trời thông minh, đang đẩy mạnh hoạt động sản xuất tại nhà máy tại miền Bắc Việt Nam. Tháng 8/2023, doanh nghiệp này đã vận hành nhà máy trị giá 203 triệu USD tại Thái Nguyên.

Một số dự án năng lượng mặt trời quy mô lớn và dự án ở phân khúc thương mại và công nghiệp (C&I) lớn Việt Nam đang sử dụng hệ thống giải pháp năng lượng từ Trina Solar như nhà máy điện mặt trời nổi Đầm Trà Ổ công suất 51MW ở tỉnh Bình Định và nhà máy điện mặt trời trên mặt đất Vĩnh Long công suất 49MW gần mũi phía nam của Việt Nam.

Nhìn chung, tiềm năng của ngành NLTT đang dần trở thành xu hướng chủ đạo và nhận được nhiều sự quan tâm tại Việt Nam. Việc phát triển NLTT là rất cần thiết để đảm bảo an ninh năng lượng, góp phần phát triển kinh tế ở các tỉnh, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Để tận dụng được hết tiềm năng vốn có, Việt Nam sẽ cần những chính sách để mở rộng thị trường NLTT, thúc đẩy và triển khai công nghệ mới, cung cấp các cơ hội thích hợp, khuyến khích sử dụng NLTT ở tất cả các lĩnh vực quan trọng.

Với sự hỗ trợ từ những chính sách cụ thể, những dự án NLTT sẽ có nhiều cơ sở để phát triển và thu hút các nhà đầu tư, thúc đẩy chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp trong nước, giúp các doanh nghiệp tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế./.



# XU HƯỚNG GIA TĂNG THẤT NGHIỆP TOÀN CẦU VÀ BẤT BÌNH ĐẲNG XÃ HỘI NĂM 2024

Duy Hưng

Bất chấp tình trạng suy thoái kinh tế vẫn đang diễn ra ở nhiều nước, thị trường lao động thế giới đã và đang cho thấy sự phục hồi đáng ngạc nhiên. Tuy nhiên, sự phục hồi thị trường lao động ở các quốc gia diễn ra không đồng đều do những vấn đề mới phát sinh sau đại dịch cùng nhiều cuộc khủng hoảng toàn cầu đang diễn ra có tác động lẫn nhau. Do đó, tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu được dự báo sẽ có xu hướng tăng trong năm 2024, kéo theo đó là lo ngại về tình trạng bất bình đẳng xã hội gia tăng.

## **Khả năng chống chịu của thị trường lao động trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm**

Theo nhận định của Tổ chức Lao động thế giới (ILO), năm 2023, môi trường kinh tế vĩ mô diễn ra theo xu hướng xấu đi đáng kể. Căng thẳng địa chính trị đang diễn ra cùng với lạm phát gia tăng và dai dẳng khiến các ngân hàng trung ương phải thực hiện những động thái thường xuyên và quyết liệt. Các nền kinh tế lớn mới nổi cũng như các nền kinh tế tiên tiến đều ghi nhận mức tăng trưởng chậm lại, thậm chí giảm gần một nửa.

Mặc dù kinh tế suy thoái, tăng trưởng toàn cầu năm 2023 vẫn cao hơn dự đoán và thị trường lao động đã cho thấy khả năng chống chịu đáng ngạc nhiên. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động đã tăng ở một số khu vực, đặc biệt là ở các nước có thu nhập cao (tăng 0,3 điểm phần trăm) và các nước có thu nhập trung bình thấp hơn (tăng 1,5 điểm phần trăm) nhờ tăng trưởng việc làm thực tế tốt hơn dự báo.

Nhờ tốc độ tăng trưởng việc làm mạnh mẽ, cả tỷ lệ thất nghiệp và khoảng cách việc làm đều giảm

xuống dưới mức trước đại dịch. Số liệu của ILO cho thấy, tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu năm 2023 là 5,1%, giảm 0,2% so với tỷ lệ 5,3% của năm 2022. Khoảng cách việc làm toàn cầu tuy vẫn ở mức cao với gần 435 triệu việc làm, nhưng đã cho thấy sự cải thiện. Tỷ lệ lao động phi chính thức đã quay trở lại gần mức trước đại dịch với số lượng lao động tăng lên tới 2 tỷ người vào năm 2023 do lực lượng lao động toàn cầu ngày càng tăng.

Tuy nhiên quá trình phục hồi của thị trường lao động thế giới sau đại dịch vẫn không đồng đều, gây nên sự mất cân bằng. Tỷ lệ tham gia thị trường lao động có sự phân biệt đáng kể giữa các quốc gia có thu nhập cao hơn và thấp hơn, góp phần gây nên sự mất cân bằng thị trường lao động, đặc biệt là trong các lĩnh vực then chốt ở các nền kinh tế tiên tiến và một số nền kinh tế mới nổi. Cụ thể, trong khi tỷ lệ chênh lệch việc làm (bao gồm tất cả những người muốn làm việc nhưng không có việc làm và đang tìm việc) trong năm 2023 là 8,2% ở các nước giàu hơn thì con số này ở các nước nghèo hơn lên đến 20,5%. Bên cạnh đó,

sự tham gia thị trường lao động của phụ nữ dù có sự phục hồi nhanh chóng nhưng khoảng cách giới tính vẫn còn tồn tại, nhất là ở các quốc gia mới nổi và đang phát triển.

Các chuyên gia cho rằng, sự mất cân bằng trên thị trường lao động thế giới hiện nay về bản chất mang tính chất cơ cấu chứ không phải mang tính chu kỳ và ngày càng gia tăng. Ví dụ điển hình có thể thấy tại nhóm các nền kinh tế lớn nhất thế giới (G20), do tăng trưởng không theo kịp lạm phát, dù tỷ lệ thất nghiệp thấp hơn và tăng trưởng việc làm dương, tiền lương thực tế vẫn giảm ở phần lớn các nước này.

Sự chênh lệch này cũng xảy ra tương tự đối với tỷ lệ thất nghiệp, trong khi tỷ lệ thất nghiệp năm 2023 đứng ở mức 4,5% tại các nước giàu, thì tỷ lệ này ở các nước thu nhập thấp là 5,7%. Tỷ lệ thanh niên thất nghiệp vẫn là thách thức trong bài toán lao động thế giới; đồng thời tỷ lệ người được xác định là NEET (không được đào tạo, không học hành hoặc không có việc làm) vẫn ở mức cao, đặc biệt là ở phụ nữ trẻ.

**Dự báo kém lạc quan về tình trạng thất nghiệp kéo theo bất bình đẳng**

Có thể thấy, thị trường lao động thế giới năm 2023 đã chứng minh khả năng phục hồi mặc dù điều kiện kinh tế đang xấu đi. Tuy nhiên, những tín hiệu lạc quan không thực sự bền vững và đang bộc lộ nhiều bất cập, dẫn đến nguy cơ gia tăng bất bình đẳng xã hội, nhất là về cơ hội việc làm.

Năm 2024, suy thoái kinh tế được dự báo sẽ tiếp tục diễn ra, triển vọng tạo ra việc làm mới ở thị trường lao động thế giới nói chung không mấy lạc quan. Theo báo cáo “Triển vọng Việc làm và Xã hội Thế giới: Xu hướng 2024” của ILO, tình trạng thất nghiệp và khoảng cách việc làm đều giảm xuống dưới mức trước đại dịch, nhưng tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu có thể sẽ tăng vào năm 2024 và năm 2025 ở hầu hết các nhóm thu nhập, nhất là ở những quốc gia vốn đã gặp khó khăn từ trước khi xảy ra đại dịch.

Dự kiến năm 2024 sẽ có thêm 2 triệu người lao động tìm kiếm việc làm, kéo theo tỷ lệ thất nghiệp có thể tăng lên 5,2%. Tỷ lệ người tham gia lao động dự kiến giảm rõ rệt hơn ở phụ nữ, theo đó từ năm 2023 đến năm 2025 tỷ lệ này sẽ giảm 0,7 điểm phần trăm trên toàn cầu, so với 0,1 điểm phần trăm ở nam giới. Bất bình đẳng về giới trong khoảng cách việc làm có thể sẽ nghiêm trọng hơn, nhất là khi khoảng cách việc làm ở phụ nữ trong năm 2023 là 220,7 triệu người và ở nam giới là 214,1 triệu người; tỷ lệ chênh lệch việc làm đối với phụ nữ là 13,7%, so với 9,3% đối với nam giới.

Thất nghiệp ở thanh niên tiếp tục đặt ra thách thức đối với việc điều chỉnh cơ cấu và thị trường lao động nhanh hơn, đặc biệt là ở các quốc gia có tỷ lệ NEET cao. Tỷ lệ việc làm phi chính thức dự kiến sẽ không được cải thiện thêm nữa và vẫn chiếm khoảng 58% lực lượng lao động toàn cầu vào năm 2024.

Cùng với thất nghiệp, sự mất cân bằng lao động cũng trở nên trầm trọng hơn do tăng trưởng năng suất yếu và thời gian làm việc trung bình thấp hơn. Sau một thời gian ngắn tăng trưởng bứt phá khi các quốc gia phục hồi sau đại dịch, tăng trưởng năng suất lao động đã nhanh chóng trở lại tình trạng tốc độ thấp. Theo nhận định của ILO, mặc dù tỷ lệ tham gia lực lượng lao động phục hồi nhanh chóng nhưng các lĩnh vực có lao động thiết yếu vẫn gặp khó khăn trong việc thu hút nhân lực để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về công việc chăm sóc, vận chuyển và bán lẻ. Tình trạng thiếu hụt cũng diễn ra dai dẳng ở các lĩnh vực khác như sản xuất, xây dựng và công nghệ thông tin truyền thông (ICT). Năng suất giảm sút

khiến người sử dụng lao động trong các lĩnh vực này khó có thể đưa ra mức lương cao hơn, khiến các hộ gia đình phải đối mặt với sự sụt giảm thu nhập một cách nhanh chóng, tình trạng bất bình đẳng về thu nhập cũng ngày càng tăng.

**Bảng 1. Tình trạng có “việc làm vẫn nghèo” phân theo thể giới và nhóm thu nhập quốc gia**

Nhóm quốc gia	Lao động có việc làm vẫn nghèo	Tỷ lệ (%)				Số (triệu)			
		2020	2021	2022	2023	2020	2021	2022	2023
Nhóm quốc gia	Cộng cực	7,7	7,3	7,1	6,9	248,0	241,6	240,1	241,1
	Vừa phải	12,5	12,1	12,2	12,2	402,7	401,4	414,9	423,4
Các nước thu nhập thấp	Cộng cực	38,9	38,5	38,7	39,0	90,5	92,7	96,7	100,6
	Vừa phải	26,6	26,4	26,5	26,7	61,9	63,5	66,3	68,9
Các nước thu nhập trung bình thấp hơn	Cộng cực	12,8	11,8	10,9	10,2	139,3	132,0	127,3	124,7
	Vừa phải	26,1	25,6	25,2	24,7	283,7	287,6	294,8	302,1
Các nước thu nhập trung bình cao hơn	Cộng cực	1,4	1,2	1,2	1,1	17,9	16,7	15,9	15,6
	Vừa phải	4,3	3,7	3,9	3,8	56,9	50,0	53,6	52,0

*Nguồn: ILO, tính toán dựa trên số liệu của IMF (2023)*

Thêm vào đó, mặc dù đã giảm bớt nhưng tình trạng lạm phát vẫn tiếp tục tiếp diễn và có thể lan rộng hơn trong năm 2024 và năm 2025, khiến lãi suất dự kiến sẽ vẫn ở mức cao. Điều này sẽ tiếp tục làm giảm triển vọng về tiền lương thực tế. Trong năm 2022, số người lao động sống trong tình trạng nghèo cùng cực - thu nhập dưới 2,15 USD mỗi ngày/người tính theo sức mua tương đương (PPP) đã tăng lên khoảng 4 triệu trên toàn cầu. Còn trong năm 2023, số lượng người lao động sống trong tình trạng nghèo cùng cực đạt gần 241 triệu người, tăng lên khoảng 1 triệu người. Tình trạng tương tự cũng được ghi nhận khi xét đến trường hợp có việc làm vẫn nghèo ở mức vừa phải (thu nhập chưa đến 3,65 USD mỗi ngày mỗi người tính theo sức mua tương đương PPP). Số người lao động sống trong tình trạng nghèo vừa phải tăng khoảng 8,4 triệu người vào năm 2023; tỷ lệ nghèo vừa phải giảm, chỉ được quan sát thấy ở các nước có thu nhập trung bình cao hơn.

Xu hướng dài hạn về năng suất và tình trạng già hóa dân số ở các nền kinh tế tiên tiến và một số nền kinh tế mới nổi đã và đang làm chậm quá trình điều chỉnh cần thiết để giải quyết sự mất cân bằng trên thị trường lao động. Quá trình phục hồi thị trường lao động sau đại dịch vẫn không đồng đều, tỷ lệ thất nghiệp tăng lên, thu nhập thấp hoặc không tăng, thậm chí mức lương tăng không thể theo kịp tốc độ lạm phát, tình trạng người lao động có việc làm vẫn nghèo có thể tiếp tục tiếp diễn đều là những nguyên nhân khiến gia tăng bất bình đẳng xã hội trong tương lai gần và làm chậm lại việc thực hiện các mục tiêu phát triển cũng như sự phục hồi bền vững của thể giới./.

# SẮP XẾP LẠI CÁC “MẢNH GHÉP” TRONG BỨC TRANH FDI TOÀN CẦU

Ngọc Linh

## **Dòng chảy FDI tăng khiêm tốn**

Năm 2023, dịch bệnh Covid-19, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, các xung đột địa chính trị đang diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới và việc các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản... cơ cấu lại nền kinh tế, tập trung hơn vào doanh nghiệp nội địa đã tác động không nhỏ đến nguồn vốn đầu tư toàn cầu.

Theo Báo cáo “Giám sát xu hướng đầu tư toàn cầu” của Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), dòng chảy FDI toàn cầu năm 2023 chỉ tăng khiêm tốn 3% so với năm 2022, đạt khoảng 1.370 tỷ USD. Tuy nhiên, sự gia tăng phần lớn là do tăng trưởng ở một số nền kinh tế lớn ở châu Âu, nếu loại trừ những kênh này, dòng vốn FDI toàn cầu thấp hơn 18%. Dòng vốn đầu tư vào các nước phát triển khác cũng trì trệ, tăng trưởng bằng 0 ở Bắc Mỹ.

Dòng chảy FDI vào Liên minh châu Âu (EU) đã tăng từ âm 150 tỷ USD vào năm 2022 lên dương 141 tỷ USD do những biến động lớn ở Luxembourg và Hà Lan. Ngoại trừ hai quốc gia này, dòng vốn vào phần còn lại của EU giảm 23%, với sự sụt giảm ở một số nước nhận FDI lớn. Trong khi đó, kết quả từ số liệu khảo sát mới nhất của hãng dịch vụ kiểm toán hàng đầu thế giới Ernst & Young có trụ sở tại Vương quốc Anh cũng cho thấy dòng vốn FDI vào các nền kinh tế lớn của EU giảm mạnh đáng kể. Đức là quốc gia

chúng kiến mức giảm FDI mạnh nhất, lên tới 12%. Pháp là quốc gia đứng đầu danh sách thu hút đầu tư nước ngoài song cũng ghi nhận số dự án giảm ít nhất là 5%.

Các nguyên nhân khiến các nhà đầu tư nước ngoài quan ngại với thị trường châu Âu xuất phát từ tình hình giá năng lượng không ổn định và nhiều quy định mới về lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, phát triển bền vững và bảo vệ dữ liệu được áp dụng ở cấp độ châu Âu và từng quốc gia. Mặc dù các nước trong khối châu Âu đã thống nhất nguyên tắc cải cách toàn diện thị trường chung, trong đó trọng tâm là tạo một thị trường năng lượng thống nhất, song kế hoạch này chưa thể thực hiện do những khác biệt về việc giải ngân số tiền cho cải cách.

Trong bối cảnh vốn FDI toàn cầu suy giảm do các bất ổn vĩ mô, năm vừa qua Mỹ cũng chứng kiến dòng vốn FDI giảm 3%, số lượng dự án mới giảm 2% và các thỏa thuận tài trợ dự án giảm 5%, song quốc gia này vẫn tiếp tục giữ vị thế là điểm đến lớn nhất của FDI. Mặc dù Ấn Độ có dòng vốn FDI giảm tới 47% so năm 2022, nhưng có số lượng công bố dự án mới ổn định, giúp nước này nằm trong top 5 điểm đến dự án lĩnh vực xanh toàn cầu.

Đối với các nước đang phát triển, dòng vốn FDI giảm 9% xuống còn 841 tỷ USD trong năm 2023. Trong đó, ở các nước châu Á đang phát triển giảm 12% và ở châu Phi giảm 1%. ASEAN vốn là động lực

tăng trưởng FDI song cũng có lượng vốn FDI giảm 16% so năm 2022. Tuy vậy, khu vực này lại có số dự án đầu tư sản xuất mới tăng 37% bởi sự tăng trưởng mạnh mẽ ở Việt Nam. Vốn FDI vào các quốc gia Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Philippines và Campuchia cũng có xu hướng tăng so năm trước đó.

## **Định hình lại hướng đi của dòng vốn FDI**

Các xung đột địa chính trị chưa có dấu hiệu dịu lại cùng sự cạnh tranh địa chiến lược và kinh tế giữa các nước lớn đồng thời đang định hình lại hướng đi của dòng vốn FDI toàn cầu theo hướng friendshoring (chuyển dịch sản xuất sang quốc gia thân thiện) và nearshoring (chuyển dịch sản xuất sang các nước láng giềng có cùng đường biên giới để giảm bớt sự hỗn loạn trong chuỗi cung ứng toàn cầu).

Theo kết quả khảo sát Chỉ số niềm tin đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2024 của Công ty tư vấn đầu tư toàn cầu Kearney (Mỹ), năm vừa qua, một phần dòng friendshoring đang chảy vào các nước lân cận Trung Quốc với lợi thế về chi phí thấp hơn, như Việt Nam, Indonesia, Malaysia, Campuchia. Trong khi đó, xu hướng “nearshoring” đang nhắm đến các quốc gia dễ tiếp cận các thị trường phát triển lớn.

Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) cũng cho rằng xu hướng phi toàn cầu hóa được một số nền kinh tế lớn, như Hoa Kỳ và châu Âu áp dụng để bảo hộ doanh nghiệp trong nước, nhằm giảm bớt ảnh hưởng



của Trung Quốc. Cùng với đó, các quốc gia này thực hiện kế hoạch đưa sản xuất của các ngành quan trọng như vật liệu bán dẫn và sản xuất pin xe điện về nước hoặc chuyển sang các quốc gia có chung hệ giá trị. Điều này như tạo nên một hàng rào, hạn chế dòng vốn FDI vào các nước đang phát triển - nơi vẫn luôn phụ thuộc vào dòng vốn FDI để có vốn đầu tư, chuyển giao công nghệ và gia tăng xuất khẩu.

Trên thực tế, lượng vốn đầu tư FDI vào Trung Quốc năm 2023 đang có sự suy giảm đáng kể, phản ánh rằng doanh nghiệp nước ngoài đang rút vốn khỏi nước này. Theo số liệu do Cơ quan Quản lý ngoại hối Nhà nước Trung Quốc (SAFE) công bố ngày 18/2/2024, năm 2023, lượng vốn FDI vào nước này thấp nhất kể từ năm 1993, thể hiện qua nghĩa vụ đầu tư trực tiếp trong cán cân thanh toán của nước này chỉ tăng 33 tỷ USD trong năm ngoái, giảm 82% so với mức tăng của năm 2022. Đây là một thước đo về lượng vốn FDI mới chảy vào Trung Quốc trong 1 năm thông qua đo dòng tiền của các thực thể do nước ngoài sở hữu tại nước này. Quý III/2023, tổng lượng vốn FDI ở Trung Quốc lần đầu tiên giảm kể từ năm 1998. Đến quý IV, tổng vốn FDI ở nước này dù trở lại trạng thái tăng trưởng, nhưng lượng vốn mới cũng chỉ là 17,5 tỷ USD, bằng 1/3 so với mức cùng kỳ năm 2022.

Số liệu do Bộ Thương mại Trung Quốc công bố trước số liệu của SAFE cũng ghi nhận vốn FDI mới vào Trung Quốc trong năm 2023 giảm xuống mức thấp nhất trong 3 năm qua. Số liệu của Bộ Thương mại không bao gồm lợi nhuận tại thị trường Trung Quốc mà các doanh nghiệp FDI của nước này dùng để tái đầu tư,

đồng thời có mức độ biến động ít hơn so với số liệu của SAFE.

Như vậy, dù tính theo thước đo nào, sự suy giảm của vốn FDI vào Trung Quốc cũng phản ánh các doanh nghiệp nước ngoài đang dần rút vốn khỏi nước này và cho thấy những thách thức mà Bắc Kinh phải đối mặt trong nỗ lực thu hút dòng vốn ngoại để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Tuy nhiên, các nhà kinh tế đều cho rằng, khó có thể xảy ra “cuộc di cư hàng loạt” vốn FDI ra khỏi Trung Quốc do các nhà đầu tư “cần có thời gian để bán những tài sản cũng như xây dựng năng lực thay thế mà không phải gánh chịu những khoản lỗ lớn”.

#### **Dấu hiệu lạc quan năm 2024**

Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo, năm 2024 tăng trưởng toàn cầu sẽ duy trì ở mức 3,1% khi các ngân hàng trung ương tiếp tục chống lạm phát và giảm hỗ trợ tài chính để giảm gánh nặng nợ tăng cao. Bên cạnh đó, rủi ro suy thoái vẫn hiện hữu, bao gồm xung đột leo thang ở Trung Đông, lạm phát dai dẳng, phân mảnh thương mại và thiên tai thường xuyên hơn. Đứng trước hàng loạt thách thức đó, các nhà đầu tư đang tìm kiếm các cơ chế có hiệu quả quản lý cao hơn và dễ dàng di chuyển vốn khi họ đưa ra quyết định đầu tư toàn cầu. Điều này sẽ dẫn đến các hoạt động đầu tư theo xu hướng “friendshoring” và “nearshoring” trở lên mạnh mẽ hơn.

Khảo sát của Kearney vẫn cho thấy những dấu hiệu lạc quan của dòng vốn FDI trong thời gian tới khi có đến 88% số doanh nghiệp dự kiến tăng cam kết đầu tư FDI và dành sự quan tâm nhiều cho các lĩnh vực liên quan đến trí tuệ nhân tạo (AI) dù thế giới vẫn đang trong bối cảnh cạnh tranh địa chính trị.

Mỹ - nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất G7 được nhận định

sẽ dẫn đầu về thu hút đầu tư FDI trong năm thứ 12 liên tiếp nhờ sức mạnh hiện có cộng với tâm lý người tiêu dùng phục hồi. Trong khi Trung Quốc được dự báo sẽ nhảy vọt từ vị trí thứ 7 lên thứ 3 nhờ nới lỏng kiểm soát vốn đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Tại các thị trường mới nổi, Brazil, Mexico và Argentina có mặt trong nhóm 7 quốc gia thu hút đầu tư nước ngoài nhiều nhất thế giới. Ba quốc gia này cùng với Thái Lan, Malaysia, Indonesia và Philippines xuất hiện trong Top 15.

Cuối năm 2023, tạp chí FDI Intelligence cũng xếp hạng 10 quốc gia có triển vọng FDI tốt nhất năm 2024 tại khu vực châu Á, châu Phi, Trung Đông và châu Âu; trong đó, châu Á có 6 đại diện. Dẫn đầu danh sách là Campuchia, được dự báo có tăng trưởng đầu tư tài sản cố định (CAPEX) bình quân của dự án FDI năm 2024 đạt 393% so với năm trước và số lượng dự án FDI tăng 110% nhờ đẩy mạnh trao đổi thương mại với Trung Quốc, Hàn Quốc và Liên minh châu Âu (EU).

Đứng thứ hai trong danh sách là Philippines với mức tăng CAPEX dự án FDI được dự báo là 312%, còn số lượng dự án tăng 51% so với năm 2023. Ở vị trí thứ ba là Kenya thuộc châu Phi với sự gia tăng đáng kể của dòng vốn FDI ở nhiều lĩnh vực, trong đó năng lượng là lĩnh vực hút FDI mạnh nhất. Serbia là quốc gia duy nhất không thuộc châu Á và châu Phi lọt vào top 10./.



# YÊN BÁI: ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, THỰC HIỆN TỐT CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

**Đoàn Hữu Phung**

*Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái*

Yên Bái là tỉnh miền núi thuộc khu vực Tây Bắc Việt Nam. Trong điều kiện còn nhiều khó khăn, thách thức của một tỉnh miền núi, với tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo, tận dụng tối đa tiềm năng, lợi thế, thu hút mọi nguồn lực, khơi dậy mạnh mẽ sức mạnh nội sinh, phát huy nhân tố con người, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, là đối tượng phục vụ, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Yên Bái đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng,...

## **Những thành tựu nổi bật về phát triển kinh tế - xã hội**

Bước vào thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025 trong bối cảnh thế giới, khu vực và trong nước diễn biến phức tạp, khó lường. Song dưới sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của lãnh đạo Tỉnh, sự vào cuộc của các cấp, ngành, địa phương, sự đồng lòng của cộng đồng doanh nghiệp, người dân, kinh tế - xã hội của tỉnh Yên Bái từ đầu nhiệm kỳ đến nay đạt nhiều kết quả quan trọng. Giai đoạn 2021-2023, kinh tế tỉnh Yên Bái tăng trưởng khá, chất lượng tăng trưởng được nâng lên, quy mô nền kinh tế tiếp tục được mở rộng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Năm 2021, tốc độ tăng trưởng GRDP đạt 7,11%; năm 2022 đạt 8,62%; năm 2023 đạt 6%; bình quân từ đầu nhiệm kỳ, tốc độ tăng trưởng GRDP đạt 7,28%/năm. Phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới hiệu quả, bền vững; tốc độ tăng trưởng ngành Nông nghiệp năm 2023 đạt 5,29%. Đến nay, toàn Tỉnh có 106/150 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 37 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 11 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 04/09 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Lĩnh vực công nghiệp tiếp tục có bước phát triển, trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; hạ tầng khu, cụm công nghiệp được quan tâm đầu tư. Tốc độ tăng trưởng khu vực công nghiệp - xây dựng năm 2023 đạt 6,46%. Lĩnh vực dịch vụ, thương mại năm 2023, tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ đạt 6%. Phát triển du lịch theo hướng "xanh, bản sắc, hấp dẫn"; xây dựng hình ảnh và thương hiệu "Yên Bái - Nơi hội tụ sắc màu Tây Bắc", "điểm đến an toàn, thân thiện, đặc sắc, hấp dẫn, ấn tượng".

Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh được đẩy mạnh, đến nay,



*Chủ tịch UBND tỉnh Trần Huy Tuấn giới thiệu với Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang các sản phẩm của Yên Bái trưng bày tại Hội chợ Trung Quốc - Nam Á lần thứ 7 và Hội chợ xuất nhập khẩu Côn Minh lần thứ 27*

toàn Tỉnh có trên 3.230 doanh nghiệp, 730 hợp tác xã; thu hút đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế tiếp tục được quan tâm, toàn Tỉnh hiện có trên 624 dự án được cấp quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, với tổng vốn đăng ký trên 106 nghìn tỷ đồng và 181 triệu USD; đã có trên 292 dự án đi vào hoạt động, chiếm 47% tổng số dự án. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư, năm 2023 tổng vốn đầu tư phát triển đạt trên 20.000 tỷ đồng. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn hàng năm vượt so với dự toán Trung ương giao, năm 2023 đạt 4.102,5 tỷ đồng.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được chăm lo phát triển; công tác an sinh xã hội được bảo đảm; giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khỏe Nhân dân tiếp tục được nâng lên; công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên, môi trường, quốc phòng - an ninh được tăng cường.



Tỉnh Yên Bái trao Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư cho nhà đầu tư tại Hội nghị gặp mặt doanh nghiệp, nhà đầu tư đầu năm 2024

### Thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia, chăm lo hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Từ năm 2021 đến nay, Đảng, Nhà nước đã có nhiều Chương trình, đề án, chính sách hỗ trợ cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Các chương trình, dự án, chính sách được Nhà nước đầu tư, hỗ trợ đảm bảo đúng đối tượng thụ hưởng và phát huy được hiệu quả trong việc thực hiện các chính sách tại địa phương, từ đó tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số; giảm tỷ lệ hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, góp phần củng cố lòng tin của Nhân dân các dân tộc đối với Đảng, Nhà nước. Kinh tế - xã hội của tỉnh Yên Bái nói chung và vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng tiếp tục có bước phát triển bền vững và đã đạt được những kết quả quan trọng, giáo dục và đào tạo được củng cố và nâng cao chất lượng; công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân được chú trọng; chăm lo giải quyết việc làm cho người lao động, xoá đói giảm nghèo. Đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số được nâng lên rõ rệt.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái phối hợp với các đơn vị liên quan, tham mưu cho cấp có thẩm quyền phân bổ vốn ngân sách Trung ương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia cho các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ban, ngành thực hiện, với tổng vốn Trung ương giao giai đoạn 2021-2023 là 2.082.930 triệu đồng. Trong đó: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Tổng kinh phí đã giao năm 2022, năm 2023 là 1.195.503 triệu đồng, đã thực hiện vốn đầu tư 601.783 triệu đồng, đạt 99,78% kế hoạch; vốn sự nghiệp 221.179 triệu đồng, đạt 70,20% kế hoạch đủ điều kiện giao, bằng 37,33% vốn Trung ương giao.

Từ nguồn vốn đầu tư thực hiện hỗ trợ các Dự án, tiểu Dự án đã làm mới 828 nhà ở cho hộ nghèo và đầu tư 222 công trình, trong đó: Hoàn thành 23 công trình nước sinh hoạt tập trung; Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 166 công trình; 18 công trình cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú và các trường có học sinh bán trú; 13 công trình phục vụ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

Về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Tổng kinh phí đã giao năm 2022, năm 2023 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 434.144 triệu đồng. Lũy kế hết năm 2023, tỉnh Yên Bái có 106 xã đạt chuẩn nông thôn mới, bằng 70,7% tổng số xã toàn Tỉnh (trong đó có 17 xã thuộc Khu vực III), đạt 84,1% so với mục tiêu của Trung ương; 37 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt 82,2% so với mục tiêu của Trung ương; 11 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, đạt 61% so với mục tiêu của Trung ương; 4 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, đạt 80% so với mục tiêu của Trung ương (gồm huyện Trấn Yên; thành phố Yên Bái; thị xã Nghĩa Lộ; huyện Yên Bình).

Về Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Tổng kinh phí đã giao năm 2022, năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 453.283 triệu đồng. Theo đó, từ đầu năm 2021 đến hết năm 2023, toàn tỉnh hỗ trợ làm mới và sửa chữa 3.176 căn nhà cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo có hoàn cảnh khó khăn về nhà ở với kinh phí hỗ trợ 135,9 tỷ đồng.

Trong năm 2024, toàn Tỉnh dự kiến hỗ trợ làm mới và sửa chữa 1.424 nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo có khó khăn về nhà ở, kinh phí hỗ trợ 69,97 tỷ đồng; Hỗ trợ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo (từ năm 2021 đến nay): 1.135.600 lượt đối tượng là hộ nghèo, người dân tộc thiểu số trong vùng khó khăn, người dân trong vùng đặc biệt khó khăn, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em dưới 6 tuổi; Hỗ trợ tiền điện (từ năm 2021 đến thời điểm báo cáo) cho 95.171 lượt hộ nghèo, hộ chính sách xã hội với tổng số kinh phí hỗ trợ 61,6 tỷ đồng.

Ngoài ra, trong giai đoạn 2021-2025, Tỉnh dự kiến huy động các nguồn vốn khác để lồng ghép, thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia là 18.744.947 triệu đồng, trong đó: Vốn đóng góp tự nguyện của doanh nghiệp, các tổ chức và người dân 300.000 triệu đồng; Vốn tín dụng 6.000.000 triệu đồng; Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác (ngoài CTMTQG) 12.444.947 triệu đồng./





# NGÀNH Y TẾ TỈNH YÊN BÁI NỖ LỰC VỚI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ NÂNG CAO SỨC KHỎE NHÂN DÂN

**Lê Thị Hồng Vân**

*Giám đốc Sở Y tế tỉnh Yên Bái*



*Bà Lê Thị Hồng Vân*

*Giám đốc Sở Y tế tỉnh Yên Bái*

Những năm qua, bằng tinh thần trách nhiệm và tấm lòng yêu thương người bệnh, đội ngũ thầy thuốc các thể hệ thầy thuốc ngành Y tế tỉnh Yên Bái đã không ngừng rèn luyện học tập, thi đua lao động, nâng cao y đức và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, từng bước hiện thực hóa mục tiêu bao phủ, chăm sóc sức khỏe toàn dân, nâng cao chỉ số hạnh phúc cho người dân, góp phần đưa Yên Bái phát triển nhanh, bền vững theo hướng “Xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc”.

Đặc biệt, năm 2023, ngành Y tế Yên Bái thực hiện nhiệm vụ trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức đan xen, song với tinh thần chủ động, đổi mới, sáng tạo, đoàn kết, thống nhất, chung sức, đồng lòng của tập thể thầy thuốc, toàn Ngành đã nỗ lực hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị với nhiều kết quả đáng khích lệ:

Thực hiện đạt và vượt 22/22 chỉ tiêu cơ bản của Ngành. Tuổi thọ trung bình của người dân đạt 74,1 tuổi; số năm sống khỏe tối thiểu đạt 66,8 năm; tổng số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế là 162 xã, đạt 93,6%; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt 98,5%; có 35 giường bệnh/10.000 dân. Cung cố, ổn định hệ thống tổ chức, mạng lưới ngành Y tế; phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Có 11,2 bác sĩ, 1,58 dược sĩ đại học/10.000 dân; 96% số xã có bác sĩ làm việc; 99,7% thôn, bản có nhân viên y tế hoạt động.

Về công tác y tế dự phòng, ngoài việc củng cố mạng lưới, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ y tế dự phòng các tuyến, Sở Y tế tích cực chỉ đạo các cơ sở y tế, đặc biệt trung tâm y tế các huyện, thành phố, thị xã, trạm y tế xã, phường, thị trấn đẩy mạnh công tác truyền thông, vận động Nhân dân nâng cao ý thức phòng chống dịch bệnh. Song song đó, công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường nhằm nắm vững tình hình dịch tễ trong cộng đồng, phát hiện và xử lý kịp thời ổ dịch, hạn chế tối đa dịch bệnh bùng phát lây lan trên diện rộng. Các Chương trình mục tiêu quốc gia: Tiêm chủng mở rộng, cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em, an toàn vệ sinh thực phẩm, dân số kế hoạch hóa gia đình... được triển khai, thực hiện có hiệu quả.

Về công tác khám, chữa bệnh: Trong thời gian qua, ngành Y tế tỉnh Yên Bái đã triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng

khám, chữa bệnh tại tất cả các cơ sở y tế nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của Nhân dân và giảm tải cho y tế tuyến trên. Một trong những giải pháp hàng đầu đó là nâng cao nhân lực, trình độ chuyên môn cán bộ y tế. Theo đó, sở Y tế tỉnh Yên Bái đã thực hiện ký hợp đồng nguyên tắc với Trường Đại học Y Hà Nội tổ chức đào tạo bác sĩ nội trú diện đào tạo theo địa chỉ giai đoạn 2023-2028, hiện đã ký hợp đồng với 06 sinh viên học bác sĩ nội trú, trong đó có 05 sinh viên đào tạo theo địa chỉ và 01 sinh viên diện tự thi đỗ.

Ngoài ra, Ngành hợp tác với nhiều bệnh viện chuyên khoa hàng đầu, bệnh viện tuyến trên như: Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện 108, Bệnh viện Phổi Trung ương... trong đào tạo, chuyển giao kỹ thuật mới, kỹ thuật chuyên sâu. Từ năm 2021 đến nay, các cơ sở khám chữa bệnh tuyến tỉnh, huyện đã thực hiện tiếp nhận, chuyển giao 132 kỹ thuật, triển khai tổng số 377 kỹ thuật mới. Nhiều kỹ thuật mới, chuyên sâu được triển khai ở tuyến huyện như: Mổ nội soi, phẫu thuật sọ não, khám chữa bệnh từ xa (telehealth) được hầu hết các trung tâm y tế tuyến huyện thực hiện kết nối với các bệnh viện Trung ương, góp phần tăng cơ hội tiếp cận của người dân với các dịch vụ kỹ thuật cao ngay tại cơ sở. Tỷ lệ chuyển tuyến nội trú/tổng số bệnh nhân điều trị nội trú toàn Tỉnh giảm từ 3,6% năm 2020 xuống 3,2% năm 2022. Chất lượng khám chữa bệnh tiếp tục được chú trọng, từng bước nâng cao,



đáp ứng sự hài lòng của người bệnh. Năm 2023, đã khám chữa bệnh cho trên 1,6 triệu lượt người; điều trị nội trú cho trên 151 nghìn lượt; công suất sử dụng giường bệnh đạt 92,5%, tăng so với năm 2022.

Thực hiện Đề án “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh”. Hằng năm, Sở Y tế ban hành kế hoạch thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Quy tắc ứng xử, đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh để các đơn vị tổ chức, triển khai thực hiện. Phong trào thi đua “Bác sĩ tận tâm, bệnh nhân hạnh phúc” được tổ chức rộng khắp và có sức lan tỏa trong tất cả các cơ sở y tế. Nhiều đơn vị xây dựng mô hình đổi mới phong cách, thái độ phục vụ như Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái: “Sạch sẽ khắp nơi - Tâm trí sáng ngời - Chuyên môn chính xác” đạt những hiệu quả tích cực góp phần nâng cao sự hài lòng của người bệnh đến khám, chữa bệnh tại Bệnh viện.



Các y, bác sĩ Trung tâm Y tế huyện Văn Yên kiểm tra sức khỏe cho bệnh nhân chạy thận nhân tạo. Ảnh Báo Yên Bái

Hiện, 100% các cơ sở khám chữa bệnh đã thành lập “Tổ công tác xã hội”, bước đầu đi vào hoạt động hiệu quả như: Bệnh viện Y học Cổ truyền tỉnh “Nơi người bệnh gửi trọn niềm tin”; TTYT huyện Văn Yên, TTYT thành phố Yên Bái... với nhiệm vụ trợ giúp người bệnh, trợ giúp nhân viên y tế, truyền thông giáo dục sức khỏe, hoạt động công tác xã hội cộng đồng,... các thành viên trong tổ đã nêu cao tinh thần “Lương Y như từ mẫu”, hỗ trợ người bệnh và người nhà người bệnh trong suốt quá trình khám, chữa bệnh; đặc biệt, mô hình Tổ chăm sóc chỉ số hạnh phúc tại TTYT thành phố Yên Bái hoạt động rất hiệu quả. Với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh, nhiều cơ sở y tế bước đầu triển khai ứng dụng đặt lịch khám, sử dụng phần mềm - hồ sơ bệnh án giúp giảm thời gian chờ đợi khám, làm thủ tục hành chính của người bệnh... Nhờ đó, tinh thần thái độ phục vụ của nhân viên y tế đã có bước chuyển biến căn bản; chất lượng phục vụ tại các cơ sở y tế được nâng lên rõ rệt; tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế tăng đáng kể, tỷ lệ hài lòng của người bệnh nội trú và ngoại trú luôn đạt trên 90%./.

## HUYỆN MÙ CANG CHẢI NỖ LỰC VƯƠN LÊN THOÁT NGHÈO

Là một trong những huyện nghèo, đặc biệt khó khăn của cả nước, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái có xuất phát điểm kinh tế - xã hội thấp, dân số là đồng bào dân tộc thiểu số chiếm đến 90%, chất lượng nguồn nhân lực và năng suất lao động thấp, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ... Tuy nhiên, với tinh thần chủ động, quyết tâm cao, nỗ lực lớn trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, huyện Mù Cang Chải đã tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương xây dựng các đề án, chương trình, kế hoạch để cụ thể hóa các Nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách của Nhà nước trên cơ sở phát huy tiềm năng, thế mạnh phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và đạt được những kết quả quan trọng.

Với việc tích hợp nội dung các đề án, chương trình vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Huyện đã đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Nhờ đó, năm 2023, kinh tế Huyện có sự chuyển biến tích cực so với đầu nhiệm kỳ: Tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản giảm xuống còn 27,0%, giảm 3,5%; Tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng tăng lên 37,5%, tăng 2,5%; Tỷ trọng ngành thương mại dịch vụ tăng lên 35,5%, tăng 1%; Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 ước đạt 33,0 triệu đồng/người/năm, tăng 12,6 triệu đồng/người, đạt 82,5% Nghị quyết.

Môi trường đầu tư, kinh doanh gắn với thu hút đầu tư, khuyến khích khởi nghiệp và phát triển

*Huyện Mù Cang Chải được mệnh danh là thiên đường ruộng bậc thang, điểm đến du lịch hấp dẫn du khách*







Các đồng chí Lãnh đạo tỉnh Yên Bái và huyện Mù Cang Chải thăm một gian hàng đặc sản của địa phương. Ảnh: Hùng Mạnh

các thành phần kinh tế được cải thiện mạnh mẽ. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, có 06 dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư vào Huyện; 19 doanh nghiệp vào khảo sát và nghiên cứu đầu tư trên địa bàn, trong đó có một số doanh nghiệp, tập đoàn lớn như: Sun Group, Công ty Du lịch Văn hóa Tây Bắc, Công ty Cổ phần Phát triển du lịch xanh Minh Đức. Thành lập mới 28 doanh nghiệp, 25 hợp tác xã và 347 tổ hợp tác, nâng tổng số doanh nghiệp trên địa bàn lên 71 công ty, doanh nghiệp; 59 hợp tác xã, 787 tổ hợp tác.

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông, hạ tầng phục vụ phát triển du lịch được chú trọng đầu tư xây dựng. Đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng sửa chữa 08 cầu treo, 13 tuyến đường, 05 công trình thủy lợi và thực hiện sửa chữa đột xuất các tuyến đường huyện với tổng kinh phí 3,66 tỷ đồng. Hệ thống giao thông nhất là giao thông nông thôn được quan tâm đầu tư nâng cấp, mở rộng phục vụ đi lại và giao lưu hàng hóa, mở mới 62,6 km đường đất nền rộng 3,5m. Đến nay, trên địa bàn Huyện đã có 358,4/898,7 km đường được kiên cố, chiếm 40%, 100% đường từ huyện về trụ sở xã; 100% số bản đi được xe máy; đường giao thông thuận lợi, tăng độ an toàn,

góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới, chất lượng cuộc sống của người dân được cải thiện rõ nét. Năm 2023, thu nhập bình quân đầu người ước đạt 33 triệu đồng/người/năm, tăng 12,6 triệu đồng/người/năm so với năm 2020. Theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đến hết năm 2023, toàn huyện có 01 xã đạt 14 tiêu chí, 02 xã đạt 10 tiêu chí, 01 xã đạt 9 tiêu chí, 02 xã đạt 8 tiêu chí, 03 xã đạt 7 tiêu chí, 01 xã đạt 06 tiêu chí, 02 xã đạt 5 tiêu chí và 01 xã đạt 4 tiêu chí. Toàn Huyện hiện có 23 bản đạt chuẩn nông thôn mới. Thực hiện tốt chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), toàn Huyện hiện có 10 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP cấp Tỉnh; đăng ký 04 sản phẩm OCOP có gắn tem nhãn truy xuất nguồn gốc lên sàn thương mại điện tử. Triển khai 12 dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

Thực hiện mục tiêu đưa Mù Cang Chải trở thành huyện du lịch, là điểm đến "Bản sắc - An toàn - Thân thiện". Các hoạt động tuyên truyền, quảng bá du lịch, tiềm năng, thế mạnh, văn hóa, con người trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội, trên trang facebook "Sắc màu Mù Cang Chải"... được tăng cường

với nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Bên cạnh đó là việc đẩy mạnh thực hiện ứng dụng chuyển đổi số trong quảng bá và phát triển du lịch... Tổng số lượt khách năm 2023 ước đạt 350.000 lượt, doanh thu ước đạt 350 tỷ đồng, đạt 116,7% chỉ tiêu Huyện giao. Lũy kế 3 năm đạt 805.000/1 triệu lượt khách, đạt 80,5% so với chỉ tiêu cả giai đoạn 2021-2025.

Công tác giảm nghèo được tích cực triển khai thông qua việc lồng ghép các chương trình quốc gia để thực hiện mục tiêu giảm nghèo như: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; kế hoạch giảm nghèo hằng năm... Đến hết năm 2023, số hộ nghèo toàn huyện là 5.166 hộ, tỷ lệ hộ nghèo còn lại là 38,45%, tỷ lệ giảm nghèo năm 2023 đạt 9,83%; Số hộ cận nghèo là 1.136 hộ, tỷ lệ hộ cận nghèo còn lại là 8,46%, tỷ lệ giảm cận nghèo năm 2023 đạt 2,59%; Tỷ lệ giảm nghèo bình quân ước đạt 8,9%/năm, vượt 1,9% so với mục tiêu Nghị quyết.

Những kết quả đạt được trong triển khai các chủ trương, chính sách của Trung ương về phát triển kinh tế - xã hội, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; những thành tựu trong giảm nghèo; lợi thế về phát triển du lịch, kết cấu hạ tầng được Đảng, Nhà nước, Tỉnh, huyện quan tâm đầu tư, nhất là hạ tầng giao thông trên địa bàn... là bước đệm quan trọng, tạo sức bật để huyện Mù Cang Chải phát triển nhanh hơn, hoàn thành các chỉ tiêu mục tiêu Nghị quyết Hội đồng nhân dân, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025... Xa hơn nữa là mục tiêu phấn đấu "Đến năm 2025 cơ bản không còn là huyện nghèo, đến năm 2030 không còn là huyện nghèo" sẽ trở thành hiện thực./.

**Trọng Nghĩa**



# TRƯỜNG THPT MÙ CANG CHẢI NỖ LỰC VƯỢT KHÓ, VƯỜN LÊN DẠY TỐT - HỌC TỐT

**Đ**ược thành lập năm từ 1983 trên địa bàn huyện vùng cao, đặc biệt khó khăn của tỉnh Yên Bái, Trường THPT Mù Cang Chải đã được các cấp lãnh đạo UBND tỉnh Yên Bái, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện Mù Cang Chải quan tâm đầu tư cơ sở vật chất khang trang với trang thiết bị tương đối đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu học tập của con em đồng bào các dân tộc địa phương.

Bên cạnh đó, tập thể sư phạm Nhà trường luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, xây dựng trường học “Xanh – Sạch – Đẹp - An toàn - Hạnh phúc”. Cảnh quan Nhà trường được quan tâm đầu tư, hệ thống cây xanh, khuôn viên nhà trường luôn thoáng mát, sạch đẹp và được Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt chuẩn mô hình “Trường xanh” năm 2023.

Thầy giáo Bùi Văn Chuyển, Hiệu trưởng Trường THPT Mù Cang Chải cho biết: Xác định nhiệm vụ hàng đầu là nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn, với đội ngũ 100% cán bộ, giáo viên Nhà trường đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn, không ngừng đổi mới sáng tạo, hằng năm Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch, thực hiện những nhóm giải pháp dạy

và học phù hợp với thực tế. Đặc biệt, trong công tác đào tạo mũi nhọn, ngay từ đầu mỗi năm học, Nhà trường phân công nhiệm vụ chỉ đạo quản lý công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi tất cả các khối lớp; lựa chọn đội ngũ giáo viên tham gia bồi dưỡng; sắp xếp khung thời gian bồi dưỡng, số tiết bồi dưỡng trong năm; xây dựng phương án bồi dưỡng để đạt hiệu quả cao.

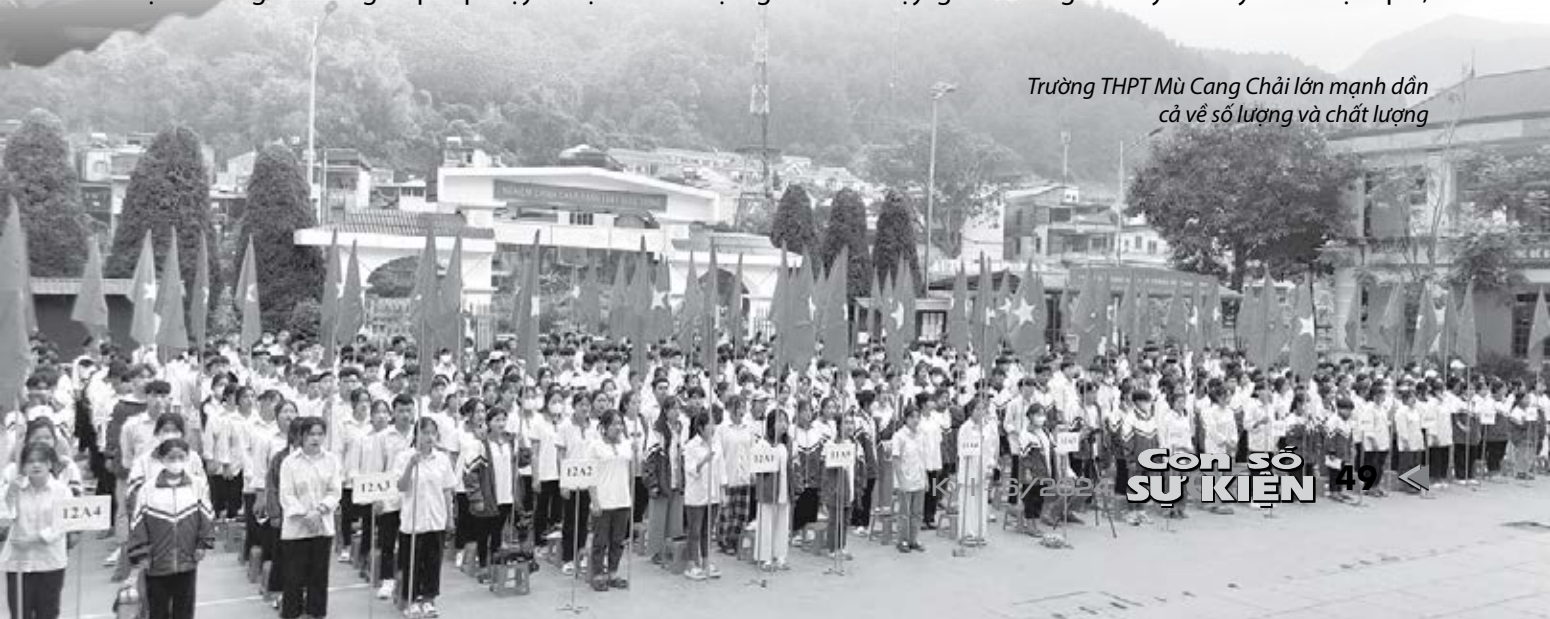
Đặc biệt, công tác phát hiện và thành lập đội tuyển học sinh giỏi từ lớp 10 các môn văn hóa được kết nối, lựa chọn từ các năm học THCS. Sau kỳ thi học sinh giỏi cấp trường THCS, Nhà trường đã tiến hành sắp xếp cho các giáo viên bộ môn lựa chọn các em học sinh vào đội tuyển của bộ môn được phân công phụ trách thông qua kết quả kỳ thi và thông qua các tiết dạy bồi dưỡng trên lớp.

Với các giải pháp phù hợp, chất lượng giáo dục của Trường THPT Mù Cang Chải ngày càng được nâng lên; trong đó, chất lượng đại trà từng bước đạt chỉ tiêu của cấp trên đề ra; số lượng học sinh giỏi toàn diện duy trì ổn định. Kết quả dạy và học từ năm học 2021-2022 đến nay, Nhà trường có 02 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi

cấp Tỉnh, có 06 giáo viên dạy giỏi cấp trường, 05 giáo viên chủ nhiệm giỏi. Trong 03 năm học gần đây có 07 học sinh giỏi cấp tỉnh, 18 học sinh giỏi cấp trường; tỷ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp hằng năm đều tăng, năm sau cao hơn năm trước, năm 2021 đạt 89,3%, 2022 đạt 97,76%, 2023 đạt 98,07%; tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường Đại học đạt 31,2%; cao đẳng đạt 38,1%.

Song song với công tác dạy và học, công tác rèn kỹ năng sống, đạo đức, nề nếp cho học sinh luôn được Trường THPT Mù Cang Chải chú trọng. Những giáo viên hằng ngày trực tiếp giảng dạy, giáo dục học sinh của Nhà trường đã triển khai nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh. Trong đó, mỗi giáo viên đều làm tốt vai trò của giáo viên chủ nhiệm, gương mẫu, hiểu tâm sinh lý học sinh và có tâm huyết với việc giáo dục học sinh trở thành những công dân tốt. Nhà trường thực hiện lồng ghép giảng dạy đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh thông qua các môn học và tăng cường các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Bên cạnh đó, Nhà trường đẩy mạnh công tác tuyên truyền về hậu quả,

*Trường THPT Mù Cang Chải lớn mạnh dần cả về số lượng và chất lượng*



tác hại của các vi phạm, các tệ nạn xã hội; phổ biến tuyên truyền pháp luật; tăng cường vai trò của Đoàn trường trong giáo dục đoàn viên, thanh niên; đồng thời, phối kết hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội để giáo dục đạo đức cho học sinh.

Về thành tích, Chi bộ Nhà trường, 03 năm học liên tiếp đạt danh hiệu Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Nhà trường, nhiều năm đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến; năm học 2021-2022, Nhà trường đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc; năm học 2022-2023, Nhà trường được UBND tỉnh Yên Bái tặng Cờ thi đua vì có thành tích xuất sắc; năm học 2023-2024, Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen, UBND tỉnh tặng Cờ thi đua nhân dịp Kỷ niệm 40 năm thành lập trường. Có thể nói, những kết quả, thành tích mà Trường THPT Mù Cang Chải đã giành được trong thời gian qua là rất đáng khích lệ và đóng góp không nhỏ vào sự nghiệp giáo dục của huyện Mù Cang Chải nói riêng, tỉnh Yên Bái nói chung, góp phần nâng cao dân trí, chất lượng nguồn nhân lực tại địa phương.



Tiết học môn bóng chuyền hơi học sinh Trường THPT Mù Cang Chải

Trong thời gian tới, để công tác giáo dục và đào tạo tại vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn có nhiều con em đồng bào DTTS theo học như huyện Mù Cang Chải được phát triển, giúp Nhà trường hoạt động ngày càng hiệu quả hơn, Trường THPT Mù Cang Chải đề nghị các cấp quản lý Nhà nước quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phòng học đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển quy mô trường lớp năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo. Có cơ chế hấp dẫn để thu hút đội ngũ giáo viên chất lượng về công tác tại các trường vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn như Mù Cang Chải. Thực hiện điều chỉnh, bổ sung các chế độ chính sách phù hợp đối với cán bộ, giáo viên và học sinh, đặc biệt học sinh bậc THPT, qua đó tạo động lực thúc đẩy sự nghiệp “trồng người” nơi vùng sâu, vùng xa./.

**Minh Hà**

### **Chất lượng mũi nhọn trong топ đầu các trường THPT của Tỉnh**

Với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tỉnh và Sở Giáo dục và Đào tạo Yên Bái, đến nay Trường THPT huyện Văn Chấn đã được đầu tư cơ sở vật chất khang trang gồm các dãy nhà cao tầng phục vụ cho công tác dạy và học, nhà đa năng, sân khấu ngoài trời... và các hạng mục cơ sở vật chất khác phục vụ hoạt động của cán bộ, giáo viên và học sinh.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên Nhà trường luôn tích cực đổi mới phương pháp dạy học, bám trường, bám lớp, tất cả vì học sinh thân yêu. Hằng năm, tất cả cán bộ quản lý, giáo viên đều tham gia viết sáng kiến đúc rút từ thực tế trong quá trình chỉ đạo và giảng dạy của cán bộ quản lý, giáo viên. Nhiều sáng kiến được áp dụng mang lại hiệu quả cao.

Nhờ vậy, hoạt động dạy và học của Nhà trường luôn được duy trì tốt, chất lượng đại trà đảm bảo, giáo dục học sinh theo định hướng mới; tỷ lệ chuyên cần xếp hạng cao trong tỉnh, duy trì sĩ số trên 99% trở lên; tỷ lệ học sinh đạt học lực Khá, Giỏi hàng năm đạt trên 50%. Trong các kỳ thi do Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh tổ chức, thành tích của Nhà trường luôn đạt và vượt so với mặt bằng chung toàn Tỉnh, chất lượng mũi nhọn đứng ở топ đầu các trường THPT của tỉnh. Ghi dấu trong bảng vàng thành tích của Nhà trường những năm qua có 02 giải Quốc gia môn văn hóa; 69 giải cấp tỉnh các môn năng khiếu. Tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường ĐH, CĐ tăng đều qua mỗi năm, đạt từ 50 đến 55,3%. HS Nhà trường tham gia tích cực các cuộc thi giáo dục STEM, khởi nghiệp sáng tạo...

Với những nỗ lực không ngừng, những năm qua Nhà trường đã được trao tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý như: Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Cờ thi đua và Bằng khen của UBND tỉnh Yên Bái. Đặc biệt, nhân dịp Kỷ niệm 50 năm thành lập (năm 2022), Trường vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.



Thầy và trò Trường THPT huyện Văn Chấn trong giờ tin học





# TRƯỜNG THPT HUYỆN VĂN CHẤN: ĐIỂM SÁNG TRONG NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH YÊN BÁI

Được thành lập từ năm 1972, trải qua hơn 50 năm xây dựng và phát triển, Trường THPT huyện Văn Chấn đã khẳng định được vị thế và uy tín của mình, là một trong những điểm sáng trong ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Yên Bái.

## Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

Phát huy truyền thống tự hào đó, thầy và trò Trường THPT huyện Văn Chấn tiếp tục đổi mới toàn diện phương pháp giảng dạy; tích cực ứng dụng những thành quả của công cuộc chuyển đổi số để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua, các cuộc vận động do Ngành phát động; thi đua Dạy tốt - Học tốt.

Hiện, đội ngũ Nhà trường có 50 cán bộ, giáo viên, nhân viên, 100% đạt trình độ chuẩn đào tạo, trong đó có 11 thạc sĩ, thực hiện quản lý, giảng dạy cho tổng số 23 lớp, với gần 1.100 học sinh.

Nhà trường thực hiện tốt công tác rà soát quy mô trường, lớp; tổ chức dạy và học theo đúng các quy định hiện hành. Học kỳ I năm học 2023-2024, Nhà trường có 50,93% học sinh đạt học lực Khá, Giỏi; 99,27% học sinh đạt hạnh kiểm Khá, Tốt. Tham gia kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh năm học 2023-2024, học sinh Nhà trường đạt tổng số 10 giải, trong đó có 03 giải Ba và 07 giải Khuyến khích.

Chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên, trong đó chất lượng giáo dục mũi nhọn đã được quan tâm và đạt được những kết quả quan trọng theo hướng ổn định vững chắc. Tinh thần đoàn kết, nề nếp kỷ cương, dân chủ trong nhà trường được đảm bảo.

Công tác phát triển đội ngũ nhà giáo được chú trọng, nâng cao về chất lượng, thạo nghề và đạt chuẩn về trình độ đào tạo. Nhà trường quán triệt và tạo điều kiện để tất cả giáo viên tham gia đầy đủ các đợt bồi dưỡng chuyên môn theo kế hoạch của Sở giáo dục và Đào tạo. Đồng thời, động viên cán bộ quản lý, giáo viên tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ...

Bên cạnh đó, Nhà trường đặc biệt quan tâm tới việc giáo dục đạo đức cho học sinh. Ngay từ đầu năm học, Nhà trường đã triển khai các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh



Thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Yên Bái Vũ Thị Hiền Hạnh đã trao Huân chương Lao động hạng Ba cho Trường THPT huyện Văn Chấn nhân dịp Kỷ niệm 50 năm thành lập Trường

và Ủy ban nhân tỉnh Yên Bái về thực hiện cuộc vận động lớn trong năm học: Tiếp tục đẩy mạnh việc "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" và phong trào "Xây dựng trường học hạnh phúc". Thực hiện tốt cuộc vận động "Mỗi thầy giáo cô giáo là một tấm gương tự học và sáng tạo" đã phát huy tốt trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của Nhà trường.

Thầy giáo Nguyễn Quang Hà, Hiệu trưởng Trường THPT huyện Văn Chấn chia sẻ: Thời gian tới, Nhà trường tích cực chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 12 năm học 2024-2025; chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên; tăng cường đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh; chú trọng các hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học của học sinh. Tập trung nâng cao chất lượng dạy và học, chất lượng giáo dục toàn diện; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; thực hiện hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS và THPT; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động dạy, học. Tiếp tục triển khai xây dựng "Trường học hạnh phúc" bằng các hoạt động cụ thể, thiết thực; xây dựng văn hóa học đường, thực hiện tốt quy tắc ứng xử trong trường học; hướng tới mục tiêu xây dựng con người Yên Bái "thần thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập".

T.N



## CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ I - 6/2024 (671) Ra hàng tháng. Năm thứ 63

Phó Tổng biên tập phụ trách: BÙI BÍCH THỦY - Phó Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 Email: consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản

In tại Công ty TNHH In ấn Đa sắc

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

# TRONG SỐ NÀY

## HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Tổng cục trưởng TCTK tiếp xã giao Trưởng đại diện Văn phòng Điều phối viên thường trú của Liên Hợp Quốc tại Việt Nam
2. Tổng cục Thống kê họp Tổng kết Điều tra thí điểm Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025
4. Hợp triển khai xây dựng Bộ chỉ tiêu Phát triển bền vững Việt Nam
5. Ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam (21/6/1925 - 21/6/2024): 99 năm truyền thống vẻ vang và dấu ấn tự hào

**Trang Nguyễn**

## KINH TẾ - XÃ HỘI

8. Tình hình kinh tế - xã hội 5 tháng đầu năm 2024
12. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ tháng năm năm 2024
13. Công nghiệp điện tử Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội lớn
16. Tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo tại Việt Nam
- 18 Phát triển bưu chính thành một trong các hạ tầng thiết yếu của quốc gia
21. Cơ hội lớn để doanh nhân Việt Nam thực hiện sứ mệnh trong thời kỳ mới
24. Doanh nghiệp tận dụng các cơ hội để xuất khẩu hàng hóa
27. Gia tăng giá trị sản phẩm nâng cao sức cạnh tranh cho thủy sản Việt Nam

**Thu Hường**

**ThS. Phạm Thị Mai Duyên**

**Minh Huyền**

**TS. Hà Thị Dáng Hương**

**ThS. Nguyễn Thúy Quỳnh - ThS. Hà Thị Kim Dung**

**Minh Thư**

**ThS. Nguyễn Thị Thu Hà**

31. Thực trạng phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Bắc Giang sau 6 năm thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW

**Ngô Văn Tuệ**

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

33. Phân tích đánh giá chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp Việt Nam giai đoạn 2015-2022
36. Khung thống kê không gian địa lý toàn cầu và khả năng áp dụng tại Việt Nam

**ThS. Lê Thị Thùy Chinh - PGS.TS. Tăng Văn Khiên**

**TS. Hoàng Thị Thanh Hà**

## QUỐC TẾ

40. Xu hướng gia tăng thất nghiệp toàn cầu và bất bình đẳng xã hội năm 2024
42. Sắp xếp lại các "mảnh ghép" trong bức tranh FDI toàn cầu

**Duy Hưng**

**Ngọc Linh**

## THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH YÊN BÁI

44. Yên Bái: Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu quốc gia
46. Ngành Y tế tỉnh Yên Bái: Nỗ lực với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân
47. Huyện Mù Cang Chải: Nỗ lực vươn lên thoát nghèo
49. Trường THPT Mù Cang Chải: Nỗ lực vượt khó, vươn lên Dạy tốt - Học tốt
50. Trường THPT huyện Văn Chấn: Điểm sáng trong ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Yên Bái

**Đoàn Hữu Phung**

**Lê Thị Hồng Vân**

**Trọng Nghĩa**

**Minh Hà**

**T.N**

# TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LỤC YÊN: NỖ LỰC VÌ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG



Đoàn công tác UBND tỉnh, Huyện ủy, UBND huyện thăm người bệnh đang điều trị tại TTYT Lục Yên

Trung tâm Y tế (TTYT) huyện Lục Yên là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế tỉnh Yên Bái, thực hiện đa chức năng: Khám bệnh, chữa bệnh và dự phòng; triển khai các chương trình y tế trên địa bàn huyện; triển khai các hoạt động duy trì xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao.

**T**TYT huyện Lục Yên hiện có 4 phòng chức năng, 08 khoa lâm sàng và cận lâm sàng, 03 khoa thuộc khối dự phòng, 23 Trạm Y tế xã, thị trấn, 01 Phòng khám ĐKKV lồng ghép. Với tổng số 252 cán bộ, nhân viên, quy mô 232 giường bệnh.

Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Lương y phải như từ mẫu”, cán bộ, viên chức, nhân viên TTYT huyện Lục Yên đã tích cực tu dưỡng, rèn luyện về chuyên môn, phẩm chất đạo đức, lối sống, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về mọi mặt công tác. Chất lượng khám, chữa bệnh tại Trung tâm từng bước được nâng lên và cải thiện rõ rệt. Năm 2023, số lượt người bệnh đến khám tại Trung tâm tăng khoảng 16%, số lượt bệnh nhân điều trị nội trú tăng khoảng 13,2% so với năm 2022; Phẫu thuật gần 900 ca (trong đó, phẫu thuật nội soi 120 ca); Công suất sử dụng giường bệnh đạt 80,8%, tăng 14,8% so với cùng kỳ năm 2022; Số ngày điều trị trung bình 5,2 ngày; Các chỉ số về cận lâm sàng và chẩn đoán hình ảnh cơ bản đều tăng so với cùng kỳ.

Năm 2023, TTYT đã triển khai thực hiện 18 dịch vụ kỹ thuật mới; Trong đó, có các Dịch vụ kỹ thuật phẫu thuật nội soi Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Xét nghiệm tầm soát ung thư, các Dịch vụ kỹ thuật cấy chỉ trong lĩnh vực Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng điều trị một số bệnh...

Với phương châm: “Phòng bệnh hơn chữa bệnh”, công tác phòng chống dịch bệnh luôn được TTYT huyện Lục Yên duy trì, làm tốt công tác giám sát, điều tra phát hiện sớm các yếu tố nguy cơ dịch tễ gây dịch, nguồn gốc mầm bệnh ngay từ những trường hợp nghi ngờ, những ca bệnh đầu tiên được khoanh

vùng, cách ly, điều trị không để dịch bệnh lây lan ra diện rộng. Trong thời gian qua, không có dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn huyện; Công tác tiêm chủng mở rộng được triển khai thường kỳ, đều đặn tại 24/24 xã/thị trấn trên địa bàn huyện. Kết quả tiêm chủng đầy đủ 08 loại vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ em dưới 1 tuổi luôn đạt 98,5% trở lên.

Về công tác phòng, chống HIV/AIDS, Trung tâm duy trì điều trị bằng ARV cho 104 bệnh nhân tại đơn vị. Điều trị thay thế thuốc gây nghiện bằng Methadol cho 90 bệnh nhân. Góp phần đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn, đồng thời giúp các bệnh nhân có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng và tham gia lao động, giảm gánh nặng kinh tế cho gia đình, xã hội; Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em được triển khai tại 100% xã. Tỷ lệ SDD cân nặng TE < 5 tuổi là 13,74% (KH 15,5%), tỷ lệ SDD chiều cao TE < 5 tuổi là 18,85% (KH 20,7%). Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, đảm bảo An toàn vệ sinh thực phẩm được Trung tâm triển khai, thực hiện có hiệu quả; Đặc biệt, các Chương trình y tế khác như: Chương trình phòng chống lao phổi, phòng chống bệnh phong, bệnh sốt rét, được triển khai theo kế hoạch và đạt đúng tiến độ, kế hoạch đề ra.

Thực hiện Đề án “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh”, Trung tâm thường xuyên quán triệt tới toàn thể cán bộ, viên chức trong đơn vị phương châm: “Lấy người bệnh làm trung tâm”, tổ chức các khóa tập huấn nâng cao kỹ năng giao tiếp ứng xử của cán bộ y tế. Tăng cường công tác giám sát việc thực hiện quy chế giao tiếp của nhân viên y tế, thành lập tổ công

tác xã hội sẵn sàng giúp đỡ, hỗ trợ khi người bệnh cần, đặc biệt đối với những trường hợp người bệnh có hoàn cảnh khó khăn. Thay đổi, cải tiến quy trình khám bệnh tạo điều kiện thuận lợi cho người bệnh. Nhờ vậy, tỷ lệ hài lòng của bệnh nhân nội trú và ngoại trú đều đạt trên 92%.

Bác sĩ Trần Trung Thành, Giám đốc TTYT huyện Lục Yên chia sẻ: Trong thời gian tới, Trung tâm sẽ chú trọng đổi mới về phong cách, thái độ và kỹ năng giao tiếp, ứng xử để mỗi cán bộ, viên chức có cách nhìn mới theo chiều hướng tích cực hơn, thay đổi tư duy, chủ động, sáng tạo trong việc bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong thời kỳ đổi mới; Xây dựng hình ảnh người thầy thuốc đẹp hơn, gần gũi hơn trong lòng người bệnh và Nhân dân. Quyết tâm xây dựng TTYT huyện Lục Yên ngày càng phát triển, xứng đáng với niềm tin yêu, sự mong đợi của Nhân dân và lời dạy của Bác Hồ “Lương y như từ Mẫu”.

Bên cạnh đó, TTYT huyện Lục Yên cũng rất mong nhận được sự quan tâm của Tỉnh, ngành Y tế Yên Bái hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các Chương trình y tế; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, đặc biệt sớm triển khai công trình xử lý chất thải y tế cho đơn vị; Tăng cường mua sắm trang thiết bị, máy móc hiện đại phục vụ cho công tác khám và điều trị, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của Nhân dân; Tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ Trung tâm về công tác đào tạo cán bộ, đặc biệt đào tạo bác sĩ chuyên khoa sâu để đơn vị triển khai hiệu quả các dịch vụ kỹ thuật mới, hiện đại; Có chính sách hỗ trợ thêm phụ cấp cho cán bộ y tế thôn bản, cộng tác viên dân số.../.

**Minh Hà**

# QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN XÃ CHẤN THỊNH: TỪNG BƯỚC TẠO DỰNG NIỀM TIN BỀN VỮNG VỚI KHÁCH HÀNG

Được thành lập từ năm 1996, trải qua 28 năm xây dựng và phát triển, Quỹ Tín dụng Nhân dân (TDND) xã Chấn Thịnh (huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái) luôn phát huy tốt vai trò, hiệu quả tích cực về khai thác nguồn vốn nhân rồi trong cộng đồng dân cư, đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, góp phần đắc lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông lâm nghiệp, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, tạo thêm nhiều việc làm cho lao động nông thôn, góp phần đẩy lùi tình trạng cho vay nặng lãi ở địa bàn nông thôn.

**H**iện, Quỹ TDND xã Chấn Thịnh được phép hoạt động trên địa bàn 2 xã: Chấn Thịnh và Đại Lịch của huyện Văn Chấn. Đây là các địa phương có tốc độ phát triển khá nhanh, nhu cầu về vốn cho sản xuất nông, lâm nghiệp, chăn nuôi, giao thương kinh doanh buôn bán, trao đổi hàng hóa và tiêu dùng của Nhân dân là rất lớn. Trong xu thế mở cửa và hội nhập, thị trường tín dụng luôn rộng mở và bình đẳng cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp cạnh tranh. Vấn đề đặt ra cho Quỹ là làm thế nào để Nhân dân tin tưởng tham gia trở thành thành viên và vay vốn hoặc gửi tiền tại Quỹ?

Trao đổi với phóng viên Tạp chí Con số và Sự kiện, ông Lại Anh Tâm, Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ TDND xã Chấn Thịnh cho biết: Nhằm tạo ra sự khác biệt trên thị trường tín dụng, Quỹ đã tập trung vào việc nâng cao chất lượng phục vụ. Trước hết, cán bộ của Quỹ từ bộ phận giao dịch khách hàng tới nhân viên tín dụng cần phải luôn "chỉn chu" từ trang phục tới thái độ giao tiếp, trong công việc luôn nhiệt tình, hăng hái, liêm khiết. Cán bộ

của Quỹ sẵn sàng hỗ trợ thành viên, khách hàng làm các thủ tục cần thiết (nhất là các thủ tục liên quan tới các cơ quan chính quyền cấp xã, huyện). Quỹ cũng tuyên truyền để thành viên không tiếp tay, bao che cho các hành vi tiêu cực; đồng thời sẵn sàng kiểm điểm, kỷ luật đối với cán bộ có biểu hiện sách nhiễu, gây khó dễ cho khách hàng. Đối với những hành động đẹp, việc làm tốt của cán bộ sẽ được động viên và khen thưởng kịp thời. Quỹ cũng cắt giảm tối đa các thủ tục, quy trình, đồng thời đa dạng các sản phẩm tín dụng như áp dụng hình thức gửi, rút tiết kiệm, sử dụng lãi suất linh hoạt. Các quy trình, sản phẩm này đều đảm bảo theo đúng hướng dẫn và quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Bên cạnh đó, Quỹ TDND xã Chấn Thịnh tích cực xây dựng mối quan hệ mật thiết với các ban, ngành, đoàn thể, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, vì thế, các phương án hoạt động của Quỹ luôn theo sát mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, hỗ trợ tích cực người dân và góp phần cùng địa phương thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo...

Với những giải pháp then chốt như vậy, trong những năm gần đây, Quỹ TDND xã Chấn Thịnh luôn giữ được tốc độ tăng trưởng ổn định về cả quy mô nguồn vốn lẫn dư nợ cho vay. Tính đến thời điểm hiện tại, tổng nguồn vốn hoạt động của Quỹ 180 tỷ đồng; Tổng dư nợ cho vay 160 tỷ đồng; Tổng số thành viên tham gia Quỹ trên 2.300 thành viên. Thu nhập của cán bộ, nhân viên Quỹ ổn định

và ngày càng được cải thiện, mọi chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN... cho người lao động được đơn vị thực hiện đầy đủ, nghiêm túc; thu nhập và phúc lợi xã hội hằng năm của nhân viên được lãnh đạo Quỹ quan tâm, chăm lo chu đáo, góp phần giúp người lao động yên tâm công tác.

Ông Phan Đức Cảnh, Giám đốc Quỹ TDND xã Chấn Thịnh chia sẻ: Bên cạnh hoạt động kinh doanh, hằng năm, Quỹ trích một phần lợi nhuận để tri ân khách hàng, tham gia ủng hộ các hoạt động an sinh xã hội của 2 xã: Chấn Thịnh, Đại Lịch là các địa phương mà Quỹ đứng chân với số tiền hàng chục triệu đồng. Ngoài ra, Quỹ còn thường xuyên thăm hỏi, động viên các gia đình chính sách, thương binh, liệt sĩ vào mỗi dịp 27/7, Tết Nguyên đán hằng năm; ủng hộ Quỹ khuyến học của địa phương, trẻ em mồ côi có hoàn cảnh khó khăn, nạn nhân chất độc màu da cam, đồng bào vùng thiên tai, bão lũ...

Với những đóng góp hiệu quả cho sự phát triển của các thành viên, Quỹ TDND xã Chấn Thịnh đã thực sự trở thành địa chỉ tin cậy và điểm tựa giúp thành viên thoát nghèo, vươn lên làm giàu trên chính quê hương mình. Sự tin tưởng đó chính là phần thưởng lớn nhất cho những nỗ lực vươn lên không ngừng của Quỹ. Đây chính là động lực để Quỹ tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ và hiệu quả hoạt động.

Trong thời gian tới, Quỹ TDND xã Chấn Thịnh mong muốn chính quyền các cấp, các cơ quan quản lý Nhà nước, đặc biệt là Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Yên Bái tiếp tục ủng hộ, đồng hành cùng hệ thống các Quỹ TDND trên địa bàn Tỉnh và tạo điều kiện thuận lợi để các quỹ linh hoạt trong tiếp nhận thành viên mới. Điều này góp phần đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững cho các thành viên đang vay vốn của Quỹ./.

**Trọng Nghĩa**



Bộ phận giao dịch khách hàng Quỹ TDND xã Chấn Thịnh